

Số: 180/2025/MNB-CBTT

Tp HCM, ngày 08 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Mã chứng khoán: MNB
- Địa chỉ liên hệ: 04, Bến Nghé, P.Tân Thuận Đông, Q.07, Tp.HCM
- Điện thoại : 028 38720077
- Fax : 028 38725107

2. Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 380/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp ngày 06/10/2025, Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP công bố thông tin Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng, Bản cáo bạch và các phụ lục kèm Bản cáo bạch, gồm có:

- Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng số 178/MNB ngày 08/10/2025;
- Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng;
- Các phụ lục kèm Bản cáo bạch:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24/3/2005, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024. Tờ trình số 01/TTr - MNB ngày 07/10/2024 về việc Thông qua Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
 - + Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025. Tờ trình về việc Tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và thông qua niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng ngày 06/06/2025;
 - + Nghị quyết HĐQT số 42/2025/NQ-HĐQT ngày 14/08/2025 về việc triển khai Phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;



- + Nghị quyết của HĐQT số 34/2025/NQ-HĐQT ngày 14/07/2025 về việc thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
 - + Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP;
 - + Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kiểm toán năm 2023;
 - + Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kiểm toán năm 2024;
 - + Công văn số 131/CV/MNB ngày 14/8/2025 đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán;
 - + Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã soát xét;
 - + Văn bản số 107/MNB ngày 14/07/2025 về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư;
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần vào ngày 08/10/2025 tại đường dẫn: <https://www.nhabe.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng số 178/MNB ngày 08/10/2025;
- Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Lân



BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 380 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Quyết định số 686/QĐ-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý chào bán chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHA BE GARMENT CORPORATION JOINT STOCK COMPANY;

- Tên công ty viết tắt: NHABECO;

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300398889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 3 năm 2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 26 tháng 6 năm 2024;



- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).

Điều 2. Trái phiếu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần được chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền;
2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu (một trăm nghìn đồng);
3. Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu;
4. Tổng số lượng trái phiếu đăng ký chào bán ra công chúng: 1.800.000 trái phiếu (Một triệu tám trăm nghìn trái phiếu);
5. Tổng giá trị trái phiếu đăng ký chào bán tính theo mệnh giá: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng);
6. Thời gian phân phối: trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực;
7. Phương thức phân phối: theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
8. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.

Điều 3. Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần, tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này, đồng thời phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản gốc: 01 bản cấp cho Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần, 02 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thu

HỒ SƠ
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

STT	Nội dung	Số lượng
1.	Bản cáo bạch (Kèm Giấy ủy quyền số 183-2024/QĐ/FPTS-FHR ngày 31/12/2024)	01
2.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300398839 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24/3/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025	01
3.	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): – Nghị quyết ĐHCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHCĐ ngày 31/10/2024 – Tờ trình số 01/TTr - MNB ngày 07/10/2024 về việc Thông qua Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng – Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHCĐ ngày 27/06/2025 – Tờ trình về việc Tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và thông qua niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng ngày 06/06/2025	01
4.	Nghị quyết của Hội đồng quản trị: – Nghị quyết HĐQT số 42/2025/NQ-HĐQT ngày 14/08/2025 về việc triển khai Phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng – Nghị quyết của HĐQT số 34/2025/NQ-HĐQT ngày 14/07/2025 về việc thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	01
5.	Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	01
6.	Báo cáo tài chính: – Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kiểm toán năm 2023 – Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kiểm toán năm 2024 – Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã soát xét – Giấy ủy quyền số 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 – Giấy ủy quyền số 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 – Công văn số 131/CV/MNB ngày 14/8/2025 đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán	01
7.	Văn bản số 107/MNB ngày 14/07/2025 về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư.	01

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 (số cũ là 4103003232) do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .. tháng... năm ...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2025 tại:



TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính : Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (028) 38720077 – (028) 38729124 Fax: (028) 38725107
Website : <https://www.nhabe.com.vn>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Trụ sở chính : Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội
Điện thoại : 19006446 Fax: (024) 37739058
CN TP. HCM : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 19006446 Fax: (028) 62910607
Website : www.fpts.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên : Ông Phan Văn Hải Chức vụ : Trưởng Ban kiểm soát
Số điện thoại : (028) 38720077 Fax : (028) 38725107

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 (số cũ là 4103003232) do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG

Tên trái phiếu	: Trái phiếu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
Loại trái phiếu	: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền.
Mã trái phiếu	: MNB425001
Mệnh giá	: 100.000 đồng/trái phiếu.
Tổng số lượng trái phiếu chào bán	: 1.800.000 Trái Phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	: 180.000.000.000 VNĐ
Giá chào bán	: 100.000 VNĐ/Trái Phiếu
Lãi suất	: cố định 5%/Năm
Kỳ hạn trái phiếu	: 2 năm kể từ Ngày Phát Hành.
Kỳ hạn trả lãi	: Là mỗi giai đoạn kéo dài 12 tháng liên tục kể từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn
Tỷ lệ chuyển đổi/thực hiện quyền	: Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 5 cổ phần phổ thông).
Thời hạn chuyển đổi/thực hiện quyền	: Vào ngày tròn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính: Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 19006446 Fax: (024) 37739058

Chi nhánh TP. HCM: Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 19006446 Fax: (028) 62910607

Website: www.fpts.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại: (024) 37832121 Fax: (024) 37832122

Website: <http://cpavietnam.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	6
1. Tổ chức phát hành	6
2. Tổ chức tư vấn.....	6
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	8
3. Rủi ro đặc thù	9
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	10
5. Rủi ro pha loãng.....	11
6. Rủi ro quản trị công ty.....	11
7. Rủi ro khác	12
III. CÁC KHÁI NIỆM	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	14
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	14
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	16
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	17
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	20
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	25
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	35
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác.....	38
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	38
8.1. Cổ phiếu phổ thông	38
8.2. Cổ phiếu ưu đãi	38
8.3. Các loại chứng khoán khác.....	38
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	38
10. Hoạt động kinh doanh	39
10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	39
11. Chính sách đối với người lao động	63
12. Chính sách cổ tức	64
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	64
14. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	64
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	65
16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	65
17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	66
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ...	66
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	66

1.1 .Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:.....	66
1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành	69
2. Tình hình tài chính	70
2.1. Các chỉ tiêu cơ bản	70
2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	79
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành	82
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	83
5. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	85
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	85
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	85
2. Thông tin về cổ đông lớn	85
2.1. Đối với cổ đông là cá nhân.....	85
2.2. Đối với cổ đông là tổ chức	86
2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau khi chuyển đổi/thực hiện quyền:.....	87
2.4. Các Hợp đồng, Giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ và Tổ chức phát hành;.....	89
2.5. Các Lợi ích liên quan của cổ đông lớn, những người có liên quan của họ.....	89
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	89
3.1. Hội đồng quản trị.....	89
3.2. Ban Kiểm soát	96
3.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.....	100
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	109
1. Tên trái phiếu	109
2. Loại trái phiếu	109
3. Mệnh giá.....	109
4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán	109
5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá.....	109
6. Kỳ hạn trái phiếu.....	109
7. Lãi suất.....	109
8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc.....	109
9. Giá chào bán:.....	110
10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động	110
11. Quyền của người sở hữu trái phiếu	110
12. Phương thức thực hiện quyền.....	110
13. Việc mua lại trái phiếu trước hạn	111
14. Phương thức phân phối	111
15. Đăng ký mua trái phiếu.....	112

16. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu.....	112
17. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	113
18. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu	113
19. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành ...	113
20. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	113
21. Các loại thuế có liên quan	114
22. Thông tin về các cam kết.....	116
23. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	116
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	116
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	116
1. Kế hoạch sử dụng vốn.....	116
2. Kế hoạch trả nợ	120
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	122
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	123
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	124
XIII. PHỤ LỤC.....	125
1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025.....	125
2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị	125
3. Phụ lục III: Điều lệ công ty	125
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất Quý II năm 2025.	125
5. Phụ lục VI: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác	125

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức phát hành****TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN****Ông: Phạm Phú Cường****Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị****Ông: Nguyễn Ngọc Lâm****Chức vụ: Tổng giám đốc****Ông: Đặng Minh Tuyền****Chức vụ: Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT****Đại diện: Ông Đinh Quang Thuần****Chức vụ: Giám đốc Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp**

(Theo Giấy ủy quyền số 183 - 2024/QĐ/FPTS-FHR ký ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng số 267 – 2024/FPTS/FCF-HCM/MNB ngày 23 tháng 09 năm 2024 với Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**1. Rủi ro về kinh tế**

Hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp không chỉ chịu sự tác động từ những yếu tố bên trong mà còn chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố vĩ mô của nền kinh tế. Sự biến động của các biến số kinh tế như tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, các chính sách kinh tế của Chính phủ, ... sẽ tác động một cách hệ thống đến hầu hết các ngành nghề kinh doanh trong nền kinh tế. Kiểm soát các yếu tố rủi ro nhằm đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và đảm bảo sự vận hành hằng ngày của doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Tăng trưởng GDP giai đoạn 2012 – 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

Kinh tế Việt Nam năm 2024 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, đã tác động tiêu cực tới quá trình phục hồi, phát triển kinh tế và ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Nhiều quốc gia là đối tác thương mại lớn của Việt Nam tăng trưởng chậm lại, nợ công tăng cao, tiềm ẩn nhiều rủi ro, tác động trực tiếp tới quốc gia có độ mở kinh tế lớn như Việt Nam. Trong bối cảnh đó, với sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, tăng trưởng kinh tế trong nước tiếp tục xu hướng phục hồi, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát trong tầm mục tiêu, các cân đối lớn được đảm bảo, là điểm sáng về kinh tế trong khu vực và trên thế giới.

Theo số liệu từ Tổng Cục Thống kê, năm 2024, kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng 7,09% – vượt mục tiêu 6,5 – 7,0% cả năm của Chính phủ nhờ sự phục hồi của các hoạt động xuất khẩu mặt hàng chế biến, chế tạo cũng như thu hút vốn đầu tư. Dù vậy, Việt Nam vẫn phải đối mặt với thách thức trong nhiều mặt như chính sách tài khóa (giải ngân khó khăn và áp lực từ thâm hụt ngân sách kéo dài), chính sách tiền tệ (đồng USD mạnh tạo nên áp lực tỷ giá và lãi suất), và rủi ro chịu áp thuế xuất khẩu (chủ yếu từ Mỹ – đối tác xuất khẩu lớn nhất của nước ta).

Theo đó, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng chịu tác động đáng kể từ biến động của nền kinh tế như (i) biến động giá nguyên liệu đầu vào như bông, sợi và các phụ liệu khác do tình hình địa chính trị và cung cầu toàn cầu bất ổn, gây áp lực lên chi phí sản xuất. (ii) suy giảm nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ và EU do lạm phát và suy thoái kinh tế tiềm ẩn, dẫn đến giảm đơn hàng và

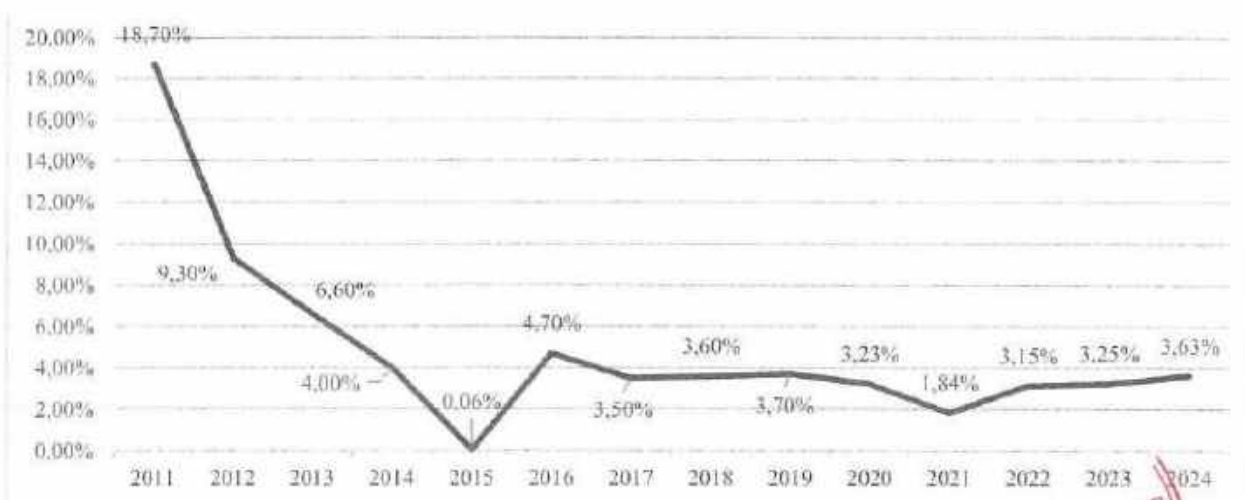
cạnh tranh gay gắt hơn. Bên cạnh đó, cạnh tranh từ các quốc gia sản xuất dệt may khác như Bangladesh, Ấn Độ và sự trở lại của Trung Quốc cũng là một thách thức lớn. Rủi ro từ thay đổi chính sách thương mại quốc tế, biến đổi khí hậu và tình trạng thiếu hụt lao động cũng là những yếu tố mà Tổng Công ty đặc biệt lưu ý.

1.2. Rủi ro lạm phát

Từ mức lạm phát hai con số vào những năm 2011 - 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định nền kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát đã giảm ở mức 6,84% năm 2012 xuống còn 0,63% năm 2015, và sau đó giữ dưới mức 5% trong giai đoạn 2016 - 2024. Đây là mức lạm phát phù hợp với nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng và là dấu hiệu tích cực trong việc thành công về khả năng điều hành của Nhà nước theo mục tiêu.

Năm 2024, lạm phát bình quân của Việt Nam tăng 3,63%, đạt mục tiêu do Quốc hội đề ra là kiểm soát lạm phát ở mức 4,5%. Đây là năm thứ 11 liên tiếp Việt Nam kiểm soát được lạm phát theo mục tiêu, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế bền vững, củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp và nhà đầu tư nước ngoài vào đồng nội tệ và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Lạm phát Việt Nam giai đoạn 2011 – 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực may mặc như Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần, trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thông qua sự gia tăng của các chi phí sản xuất ảnh hưởng đến việc giảm sức mua của người tiêu dùng khi giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng lên.

2. Rủi ro về luật pháp

Mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đều phải chịu sự chi phối của pháp luật và Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần cũng không ngoại lệ. Pháp luật tạo ra hệ thống, cơ sở để thị trường

thương mại, kinh doanh hoạt động một cách công bằng, hợp lý và có nguyên tắc. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần nói riêng.

Hiện nay, Tổng Công ty đang hoạt động dưới loại hình Công ty cổ phần đang đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCOM), do đó Tổng công ty chịu sự quản lý từ các quy định pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật Thương mại, các Luật thuế, Luật chứng khoán,... và các quy định riêng tại Sở giao dịch chứng khoán và các quy định khác có liên quan.

Đến nay, về cơ bản, Nhà nước đã thiết lập tương đối hoàn chỉnh khung pháp lý bao quát được mọi hoạt động kinh tế nhằm đem đến một môi trường kinh doanh thông thoáng, lành mạnh cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong tiến trình hội nhập, hệ thống pháp luật của Việt Nam chắc chắn còn phải nỗ lực tiếp tục hoàn thiện. Trong quá trình đó, việc sửa đổi luật lệ, chính sách của Nhà nước là tất yếu khách quan. Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp.

3. Rủi ro đặc thù

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của NBC còn phải đối mặt với các rủi ro đặc thù trong ngành may mặc như rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về cạnh tranh, rủi ro về nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc...

3.1. Rủi ro về nguồn nhân lực

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt, mọi ngành sản xuất đều phải nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm để giữ vững thị phần, đặc biệt là các ngành xuất khẩu. Ngành may mặc tại Việt Nam là ngành thâm dụng lao động, vừa phải cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, vừa chịu sức ép mạnh mẽ từ các đối thủ quốc tế. Chi phí nhân công chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của doanh nghiệp. Để đào tạo một lao động mới đạt yêu cầu sản xuất, thường cần từ 3-6 tháng, trong đó Tổng Công ty phải chi trả chi phí đào tạo và chấp nhận tỷ lệ hư hỏng sản phẩm cao hơn do tay nghề chưa thành thạo. Do vậy, biến động nhân sự có thể ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất, làm gián đoạn kế hoạch giao hàng, ảnh hưởng đến uy tín và lợi nhuận.

3.3. Rủi ro về cạnh tranh

Ngành dệt may Việt Nam luôn chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các quốc gia xuất khẩu lớn như Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Campuchia... vốn có lợi thế về nguồn nguyên vật liệu giá rẻ và năng lực sản xuất quy mô lớn. Sự cạnh tranh này không chỉ diễn ra về giá mà còn ở chất lượng sản phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật và khả năng đáp ứng đơn hàng. Đối với NBC, đây là thách thức trực tiếp buộc doanh nghiệp phải không ngừng chuẩn hóa chuỗi giá trị sản xuất, nâng cao chất lượng, tối ưu chi phí và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu do căng thẳng thương mại Mỹ – Trung mở ra cả cơ hội và thách thức. Việc Việt Nam tham gia sâu rộng vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, RCEP... giúp mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường, nhưng đồng thời cũng khiến mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước trở nên khốc liệt hơn.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của việc chào bán

Trái phiếu không được bảo đảm

Trái phiếu không được bảo đảm bằng bất kỳ tài sản nào và cũng không được bảo lãnh thanh toán bởi bất kỳ bên thứ ba nào. Do vậy, người sở hữu trái phiếu sẽ không có quyền truy đòi trực tiếp đối với tài sản của Tổ Chức Phát Hành hay bất kỳ tổ chức/cá nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành thanh toán cho trái phiếu. Trái phiếu cũng sẽ không được thanh toán từ các tài sản đã được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để bảo đảm cho nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp tài sản đó không đủ để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm tương ứng.

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành bị phá sản hoặc thanh lý, tài sản đảm bảo cho các khoản nợ được bảo đảm của Tổ Chức Phát Hành trước hết sẽ được xử lý để trả nợ cho chủ nợ của các khoản nợ có tài sản đảm bảo. Chỉ sau khi các khoản nợ có bảo đảm đã được thanh toán hết bằng số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm mới được sử dụng để thanh toán cho các chủ nợ không có bảo đảm và các nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành đến hạn thanh toán (đối với các trái phiếu) ngang bằng với các chủ nợ không có bảo đảm khác của Tổ Chức Phát Hành theo ý tưởng ứng. Không có gì bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành có đủ tài sản để thanh toán các khoản nợ đến hạn của trái phiếu trong trường hợp Tổng Công ty bị phá sản hay thanh lý.

Tính thanh khoản của thị trường thứ cấp đối với Trái Phiếu

Tính thanh khoản của Trái Phiếu khi đã được niêm yết trên HNX: Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Ngoài ra, sau khi đã được niêm yết và giao dịch, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn so với giá Trái Phiếu tại thời điểm phát hành, điều này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

4.2. Rủi ro sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Do đặc thù liên quan đến mục đích chào bán của Trái Phiếu (như được trình bày tại mục VII của Bản Cáo Bạch này), việc sử dụng vốn thu được sẽ phụ thuộc nhiều vào việc Tổ Chức Phát Hành có thể hoàn tất đợt chào bán đúng như thời gian dự kiến. Vì vậy, trong trường hợp vì các lý do khách quan mà việc chào bán bị kéo dài, Tổ Chức Phát Hành có thể sẽ không sử dụng vốn thu được để thanh toán cho các

khoản vay của Tổ Chức Phát Hành như kế hoạch dự tính.

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ nỗ lực tối đa, phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan để đảm bảo hoàn tất đợt chào bán đúng thời hạn. Tuy nhiên, nếu tình huống kéo dài phát sinh, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đến nhà đầu tư và các trách nhiệm liên quan khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Rủi ro pha loãng

Pha loãng giá cổ phiếu

Tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi, giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ không bị pha loãng. Tuy nhiên, giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi có thể bị pha loãng, tỷ lệ pha loãng phụ thuộc vào tỷ lệ cổ phiếu phát hành để chuyển đổi trên tổng số cổ phiếu lưu hành của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm chuyển đổi.

Khi Trái Phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, giá của mỗi cổ phiếu sẽ bị pha loãng theo công thức:

$$P = \frac{P_{\text{td}} \times Q1 + \text{Giá chuyển đổi} \times Q2}{Q1 + Q2}$$

Trong đó:

- P : là giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách sau khi chuyển đổi
- P_{td} : là giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách trước khi chuyển đổi
- $Q1$: là khối lượng cổ phiếu trước khi chuyển đổi
- $Q2$: là số lượng cổ phiếu được chuyển đổi từ trái phiếu

Pha loãng thu nhập trên một cổ phiếu

Tại thời điểm trái phiếu được chuyển đổi thành cổ phiếu, trong điều kiện doanh thu và lợi nhuận chưa kịp tăng kịp so với tốc độ tăng trưởng của vốn điều lệ, chỉ tiêu thu nhập trên một cổ phiếu sẽ bị giảm do lợi nhuận sau thuế của NBC được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

Pha loãng tỷ lệ sở hữu

Đối với việc phát hành trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu, rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu xảy ra đối với các cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua trái phiếu chuyển đổi. Theo đó, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu hay quyền biểu quyết của các cổ đông hiện hữu sẽ bị thay đổi sau đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu.

6. Rủi ro quản trị công ty

Đối với các công ty đại chúng, công tác quản trị công ty là công tác hết sức quan trọng, quyết định sự phát triển của doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế lành mạnh của nền kinh tế. Việc

quản trị của các công ty đại chúng nói chung, và của Tổng Công ty nói riêng, liên quan mật thiết đến mối quan hệ giữa cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và những bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ chức phát hành.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố... mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra (tùy thuộc vào mức độ và phạm vi ảnh hưởng) cũng sẽ có thể tác động và ảnh hưởng đến HĐKD của Công ty.

Mình chứng rõ ràng nhất cho tác động của nhóm rủi ro bất khả kháng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành là đại dịch COVID-19, bùng phát trên phạm vi toàn cầu từ năm 2020 đến năm 2022. Đây được xem là cú sốc y tế nghiêm trọng, gây ảnh hưởng sâu rộng và tiêu cực đến mọi mặt của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Cụ thể, tăng trưởng kinh tế toàn cầu và của nhiều quốc gia, khu vực rơi vào mức âm; dòng vốn đầu tư và thương mại quốc tế suy giảm; các chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy; quan hệ giao thương bị đình trệ; hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp liên tục gián đoạn. Hệ quả là tỷ lệ thất nghiệp gia tăng do người lao động mất việc làm, trong khi người dân bị hạn chế di chuyển và tiếp xúc xã hội, làm giảm mạnh nhu cầu tiêu dùng và đầu tư.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM


Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

- BKS	: Ban Kiểm soát
- CTCP	: Công ty Cổ phần
- CP	: Cổ phần
- DTT	: Doanh thu thuần
- ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
- FOB	: Free One Board
- NBC	: Tên viết tắt của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
- ODM	: Original Design Manufacturing
- HĐQT	: Hội đồng quản trị
- HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- LDLK	: Liên doanh Liên kết
- Tổng Công ty/ Công ty	: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
- Tổ chức phát hành	: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
- Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT
- TSCĐ	: Tài sản cố định
- Thuế GTGT	: Thuế Giá trị gia tăng
- UBCKNN	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- VCSH	: Vốn chủ sở hữu
- VSDC	: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Tên viết bằng tiếng nước ngoài: NHA BE GARMENT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: NHABECO
- Mã cổ phiếu: MNB
- Sàn đăng ký giao dịch: UPCOM
- Trụ sở chính: số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 38720077 – (028) 38729124
- Fax: (028) 38725107
- Website: <https://www.nhabe.com.vn>
- Logo: 
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300398889 (số cũ là 4103003232) do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005, cấp thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Ngọc Lâm – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở)	5610
2	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua. Thuê nhà, công trình xây dựng xây dựng để cho thuê lại. Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng cho thuê lại.</i>	6810
3	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị ngành dệt may</i>	7730
4	Điều hành tua du lịch	7912
5	Sản xuất sản phẩm từ plastic <i>Chi tiết: Sản xuất bao bì từ plastic (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b và không luyện cán cao su, tái chế phế thải tại trụ sở)</i>	2220
6	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

	<i>Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy và bìa</i>	
7	In ấn <i>Chi tiết: In lên sản phẩm bao bì bằng giấy, bìa, plastic (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở)</i>	1811
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải <i>Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay</i>	5229
9	Chuyển phát	5320
10	Hoàn thiện sản phẩm dệt (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1313
11	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1322
12	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan tại trụ sở)	1410 (Chính)
13	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, thêu, đan, thuộc da tại trụ sở)	1420
14	Xây dựng nhà các loại <i>Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua</i>	4100
15	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
16	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
17	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Bán buôn va li, cặp, túi, ví da, hàng da và giả da</i>	4649
18	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt may, da giày</i>	4659
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt, nguyên phụ liệu may mặc và giày dép</i>	4669
21	Cơ sở lưu trú khác <i>Chi tiết: Nhà trọ cho công nhân, người lao động (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)</i>	5590
22	Đại lý du lịch	7911
23	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782

24	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
25	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
26	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
27	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>Chi tiết: Dịch vụ kho bãi</i>	5210
28	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)	5510


2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

- Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP khởi đầu là hai xưởng may Ledgien và Jean Symi, thuộc Khu chế xuất Sài Gòn, được xây dựng và đi vào hoạt động từ trước năm 1975. Sau ngày giải phóng, Khu chế xuất Sài Gòn được Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp quản và giao lại cho Bộ Công nghiệp nhẹ quản lý và đổi tên thành Xí nghiệp may Khu chế xuất.
- Tháng 8/1980, do nhu cầu quản lý Bộ Công nghiệp nhẹ quyết định thành lập Xí nghiệp May Nhà Bè, thuộc Liên hiệp Sản xuất - Xuất nhập khẩu May, trên cơ sở sát nhập lại 2 Xí nghiệp May Độc Lập và May Cửu Long.
- Sang thập niên 90, cùng với sự đổi mới của đất nước, ngành dệt may phát triển không ngừng và trở thành một nền kinh tế mũi nhọn, chủ lực của quốc gia. Trong tiến trình phát triển chung của nền kinh tế, Công ty May Nhà Bè được thành lập theo Quyết định số 225/CNn-TCLĐ ngày 24/03/1992 của Bộ Công nghiệp nhẹ, trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam.
- Năm 2004, thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước, Công ty May Nhà Bè tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 06/08/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/09/2004 của Bộ Công nghiệp nhẹ, trực thuộc Tổng Công ty Dệt May Việt Nam.
- Ngày 06/08/2008, căn cứ yêu cầu phát triển, quy mô và tình hình thực tế hoạt động của NBC, Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp đã ra quyết định số 74/2008/QĐ-BCN thành lập Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP. Việc chuyển đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con tạo nên sự liên kết bền chặt xác định rõ quyền lợi, trách nhiệm về vốn và lợi ích kinh tế giữa công ty mẹ NBC và các công ty con. Qua đó, tăng cường năng lực sản xuất, tiếp thị, cung ứng, nghiên cứu... tạo điều kiện để NBC phát triển thành đơn vị kinh tế mạnh đủ sức cạnh tranh và hội nhập với nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới.
- Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, suốt chặng đường dài ấy NBC không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Tổng Công ty vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng, được công

nhận danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2004, Huân chương Độc Lập hạng 3 năm 2006, 16 năm liên tục nhận Cờ Thi đua Đơn vị xuất sắc của Thủ Tướng Chính Phủ từ năm 2001 - 2017, Doanh nghiệp xuất sắc toàn diện Châu Á - Thái Bình Dương năm 2008, và nhiều danh hiệu thi đua cao quý khác.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Căn cứ theo Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã được soát xét năm 2025 của NBC, Tổng Công ty có 10 Công ty con và 09 Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc, cụ thể như sau:

<div style="text-align: center;">  TỔNG CÔNG TY CP MAY NHÀ BÈ </div>		
CÔNG TY CON	CÔNG TY LIÊN KẾT	CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
CTCP May Gia Lai	CTCP NBC Logistics	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP - Xí nghiệp May Bình Phát
CTCP May Đà Lạt	CTCP May 9	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP - Xí nghiệp May Bảo Lộc
CTCP May Bình Định	CTCP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP - Xí nghiệp May Kon Tum
CTCP May An Nhơn	CTCP Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP - Chi nhánh May Bình Định
CTCP May Tam Quan	CTCP May Sông Tiền	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP - Chi nhánh Phía Bắc
CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	CTCP May Gia Phúc	Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP tại Vương Quốc Anh
CTCP May Nhà Bè - Hậu Giang	CTCP May Nhà Bè - Sóc Trăng	
Công ty TNHH May Nhà Bè – Đức Linh (Tên trước đây: CTCP May Nhà Bè - Đức Linh)	CTCP May Vinatex Đức Phổ	
CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort		

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

3.1. Công ty con

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
A Công ty con trực tiếp				
1	Công ty Cổ phần May Gia Lai	51,00%	51,00%	51,00%
2	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	55,00%	55,00%	55,00%
3	Công ty Cổ phần May Bình Định	51,84%	51,84%	51,84%
4	Công ty Cổ phần May An Nhơn (i)	69,61%	58,19%	58,19%
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan (ii)	63,86%	57,67%	57,67%
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%	51,00%
7	Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%	51,00%
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%	55,56%
9	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort (iii)	73,81%	60,68%	60,68%
B Công ty con gián tiếp				
10	Công ty TNHH May Nhà Bè – Đức Linh (Tên trước đây: CTCP May Nhà Bè - Đức Linh) (iv)	51,00%	51,00%	51,00%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

(i) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May An Nhơn lần lượt là 58,19% và 69,61%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 45,90%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 12,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 23,71%.

(ii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May Tam Quan lần lượt là 57,67% và 63,86%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 51,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 6,67%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 12,86%.

(iii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort lần lượt là 60,68% và 73,81%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp là 47,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè là 12,07%, CTCP May Gia Lai là 1,61%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè là 23,66% và thông qua CTCP May Gia Lai là 3,15%.

(iv) Trong tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè đã nhận chuyển nhượng toàn

bộ phần vốn góp của Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) từ Tổng Công ty và các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tại ngày 30/6/2025, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh là Công ty con sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty thông qua Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè.

3.2. Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần NBC Logistics	28,58%	28,58%	28,58%
2	Công ty Cổ phần May 9	26,78%	26,78%	26,78%
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	30,00%	30,00%	30,00%
4	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	40,98%	40,98%	40,98%
5	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	43,89%	43,89%	43,89%
6	Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát (i)	20,05%	10,39%	10,39%
7	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	47,50%	47,50%	47,50%
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%	36,00%
9	Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ	28,00%	16,15%	16,15%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

(i) Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát đã phá sản và đang thực hiện các thủ tục xử lý tài sản

3.3. Các đơn vị trực thuộc

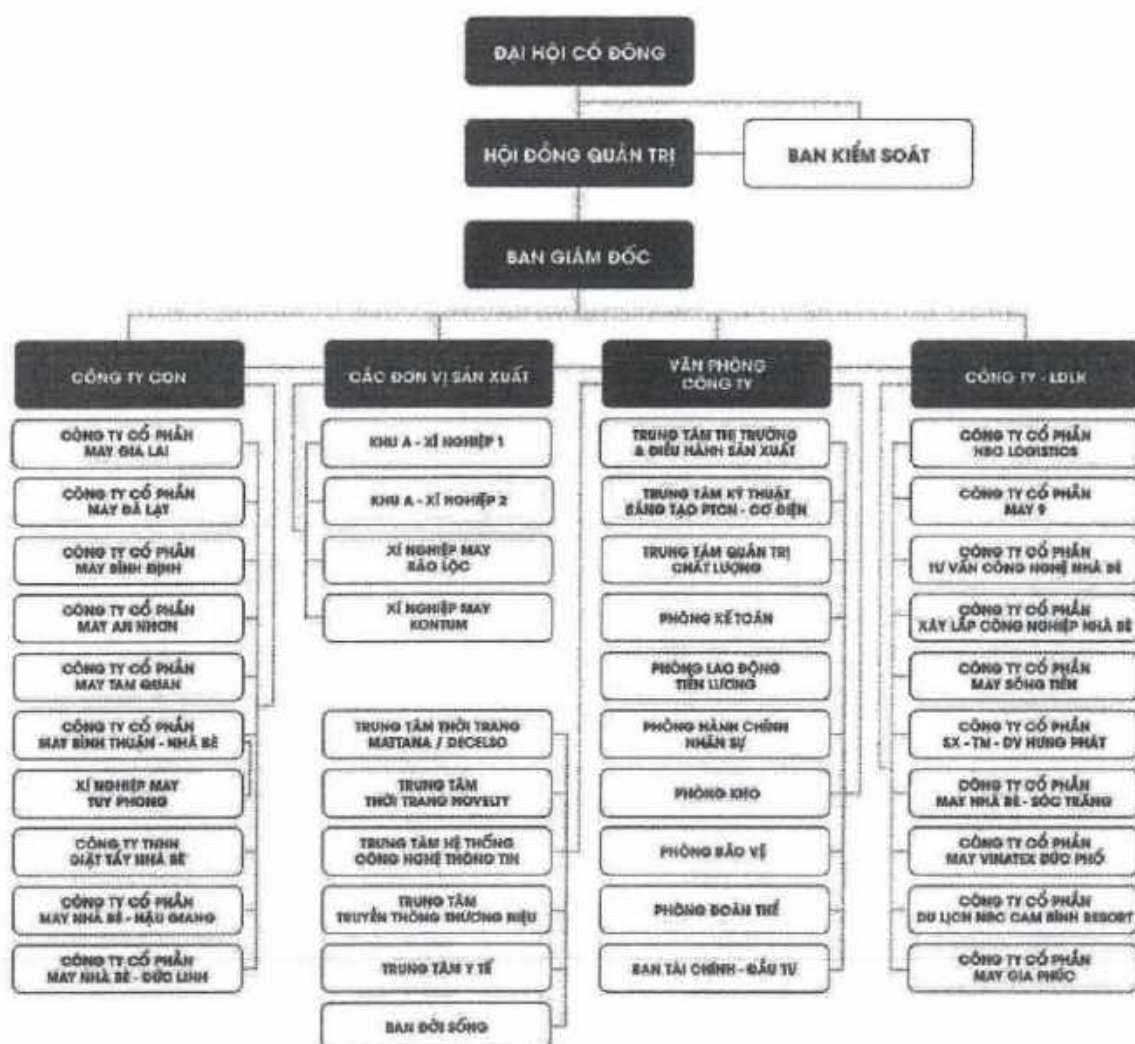
STT	Đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát	Lô số 1, Khu công nghiệp dệt may Bình An, Khu phố Ngãi Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
2	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc	Số 54, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng
3	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum	Km3, Quốc lộ 14, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum
4	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định	Số 105 đường Trần Hưng Đạo, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
5	Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc	Số 2, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
6	Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại	Số 2, ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh

	Hà Nội	Tuy, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
7	Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh	2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

4.1. Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

4.2. Diễn giải Sơ đồ cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, các quyền và nhiệm vụ của ĐHCĐ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ

đồng bầu ra, đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay gồm 05 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành
4	Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám Đốc
5	Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám Đốc

❖ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó tổ chức giám sát tính hợp lệ của số liệu Báo cáo tài chính và công tác kế toán nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ của Công ty.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Phan Văn Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Ban Tổng Giám đốc là người tổ chức điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng và kế hoạch đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty hiện nay gồm:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
2	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
5	Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Đào Duy Lệ	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Đặng Minh Tuyển	Kế toán trưởng

❖ **Các đơn vị/bộ phận chuyên môn:** có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Tổng giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
1	Trung tâm thời trang Mattana / Decelso	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thương hiệu Mattana - Phát triển bán lẻ - Phát triển đồng phục
2	Trung tâm thời trang Novelty	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển thương hiệu Novelty - Phát triển bán lẻ - Phát triển đồng phục
3	Trung tâm Hệ thống công nghệ thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra các giải pháp và thực thi các yêu cầu của Tổng công ty liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin. - Thực hiện chương trình “Chuyển Đổi Số” đã được phê duyệt. - Vận hành các hệ thống hiện hữu, bảo trì sửa chữa các thiết bị công nghệ thông tin - Phát triển các phần mềm, module theo yêu cầu các bộ phận để sử dụng. - Là trung tâm nghiên cứu, phát triển và cung cấp dịch vụ các sản phẩm phần mềm, phần cứng và dịch vụ công nghệ. - Phát triển các dự án chuyển giao hoặc phát triển mới phần mềm, nghiên cứu các thiết bị IOT thông minh hướng đến mô hình nhà máy thông minh.
4	Trung tâm Truyền thông thương hiệu	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu trong việc xây dựng chiến lược và các chương trình truyền thông và phát triển hình ảnh, thương hiệu của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên - Tổ chức triển khai các hoạt động truyền thông, xây dựng hình ảnh thương hiệu cho Tổng Công ty và các đơn vị thành viên - Quản lý và tuyên truyền các hoạt động của Công ty trên các phương tiện truyền thông nội bộ - Làm truyền thông, phụ trách In ấn, thiết kế, tổ chức sự kiện.
5	Trung tâm Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu trong việc chăm sóc sức khỏe người lao động; - Khám sức khỏe định kỳ, phát hiện bệnh nghề nghiệp, phục hồi chức năng cho người lao động

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
		<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện khám chữa bệnh cho người lao động theo phân cấp y tế. - Kiểm tra việc chấp hành an toàn vệ sinh lao động, phòng chống dịch bệnh. - Quản lý hồ sơ sức khỏe người lao động, hồ sơ vệ sinh lao động và môi trường lao động.
6	Trung tâm Thị trường và Điều hành sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định các cơ hội mới, phát triển chiến lược tiếp thị và kinh doanh, xây dựng mối quan hệ với Khách hàng, đối tác, đàm phán hợp đồng và thoả thuận. - Đáp ứng đủ đơn hàng cho các nhà máy sản xuất liên tục, ổn định theo kế hoạch. - Phân bổ, điều hành, giám sát các hoạt động sản xuất nhằm tối ưu hoá sản xuất theo chuyên môn, đảm bảo tiến độ giao hàng cho Khách Hàng - Khai thác và phát triển khách hàng mới theo định hướng chiến lược khách hàng của Tổng công ty. - Đánh giá các nhà cung cấp và khách hàng phòng trách rủi ro cho sản xuất kinh doanh - Kiểm soát cân đối nguyên phụ liệu, đặt mua nguyên phụ liệu theo từng đơn hàng - Kiểm soát nguyên phụ liệu, thành phẩm tồn kho sau sản xuất, kiểm tra việc xuất hàng thừa thiếu. - Theo dõi tiến độ sản xuất, tiến độ giao hàng. Phân tích năng suất lao động.
7	Trung Tâm Sáng Tạo Và Phát Triển Công Nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng và ban hành các định mức tiêu hao nguyên phụ liệu - Thiết kế mẫu rập - May mẫu, nghiên cứu cải tiến các công đoạn may phù hợp với tính chất nguyên phụ liệu. - Nghiên cứu thời gian chế tạo sản phẩm phù hợp với phát triển công nghệ. Phân tích thao tác chuẩn, thời gian công nghệ chuẩn tính đơn giá sản phẩm. - Phát triển mẫu ODM - Cơ điện: <ul style="list-style-type: none"> + Tham mưu, cân đối sử dụng máy móc thiết bị trong toàn hệ thống Công ty, tổng hợp đề xuất kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị hàng năm trong toàn hệ thống; + Quản lý, kiểm soát hệ thống điện và thiết bị sản xuất trong toàn Tổng Công ty; + Tham mưu thực hiện các chiến lược quy hoạch mặt bằng nhà xưởng. + Thực hiện các chương trình tiết kiệm năng lượng.
8	Ban Tài chính - Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức, huy động, quản lý nguồn vốn, kiểm soát dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
		<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch đầu tư; tổ chức, cấu trúc nguồn vốn cho các dự án đầu tư; quản lý dòng tiền dự án, quản lý quá trình thực hiện/ triển khai dự án đầu tư. - Quản lý, theo dõi xử lý các biện pháp nhằm thu hồi công nợ chậm luân chuyển. - Tham mưu công tác quản lý tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn.
9	Ban Đời Sống	<ul style="list-style-type: none"> - Chăm lo, cải thiện bữa ăn cho người lao động. - Đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm. - Hỗ trợ hậu cần cho các chương trình trong công ty
10	Phòng Kế Toán Tài Chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, cân đối tài chính nhằm đảm bảo nguồn vốn phù hợp cho sản xuất kinh doanh và đầu tư; - Kiểm soát chi phí, hạn mức tín dụng. Theo dõi thu hồi công nợ,... - Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo tài chính; Quản lý, kiểm soát hệ thống thống kê, kế toán trong toàn Công ty.
11	Phòng Quản Trị Chất Lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, quản lý và phát triển quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm trong toàn hệ thống; - Tổ chức đánh giá nội bộ và kế hoạch đánh giá trong toàn hệ thống. - Đảm bảo hệ thống đánh giá quản lý chất lượng đạt theo tiêu chuẩn của công ty và của khách hàng
12	Phòng Lao Động - Tiền Lương	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc về việc cải tiến nâng cao hoạt động quản trị lao động, chính sách lương thưởng từng chức danh, công việc có hiệu quả và khoa học; - Quản lý có hiệu quả các hoạt động về lao động, tiền lương, tiền công, quan hệ lao động và bảo hiểm xã hội theo đúng quy định; - Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện giải quyết các chế độ chính sách theo đúng quy định của pháp luật nhà nước, của Tổng công ty đối với người lao động; - Xây dựng cơ chế tuyển dụng lao động hợp lý và khoa học. Đề xuất với Tổng Giám đốc các chế độ, chính sách ưu đãi để thu hút người lao động; Tuyển dụng lao động phổ thông có chất lượng, bổ sung lao động theo yêu cầu định biên của đơn vị sau khi được Tổng Giám đốc duyệt. Tổ chức học tập nội quy lao động, bộ luật lao động và các chính sách liên quan đến người lao động. - Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ kiến thức và tay nghề chuyên môn người lao động theo nhu cầu của đơn vị. Xây dựng hệ thống chỉ tiêu chuẩn mực để đánh giá kết quả sau đào tạo; - Xây dựng và ban hành quy chế phân phối tiền lương, thưởng. Kiểm tra doanh thu quỹ tiền lương được phép chi, cách phân phối quỹ lương theo tỷ lệ, quản lý quỹ lương sử dụng, quỹ lương thừa thiếu của đơn

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
		vị;
		- Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, quan hệ lao động, bảo hiểm xã hội các đơn vị trực thuộc Công ty.
13	Phòng Hành Chính - Nhân Sự	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý, xây dựng các kế hoạch, phương án sử dụng các công cụ, thiết bị văn phòng, hệ thống thông tin liên lạc trong toàn Công ty; - Tiếp nhận, quản lý và lưu trữ các văn bản hành chính; - Thực hiện công tác hành chính, quản trị hành chính; hậu cần; y tế; thi đua tuyên truyền; văn thư lưu trữ; phục vụ lễ tân; tạp vụ; xe đưa đón
14	Phòng Kho	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu, tổng hợp và tổ chức thực hiện chức năng quản lý hoạt động xuất, nhập và lưu trữ bảo quản vật tư hàng hóa trong hệ thống kho; - Kiểm tra, theo dõi và tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc về lĩnh vực quản lý, sử dụng phương tiện, máy móc, thiết bị, vật tư sử dụng trong hệ thống kho Tổng Công ty. - Nhập dữ liệu, mở sổ sách ghi chép, theo dõi đảm bảo tính chính xác, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của các chứng từ nhập xuất vật tư hàng hóa cùng các hồ sơ đi kèm.
15	Phòng Bảo vệ	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý hệ thống an ninh và phòng chống cháy nổ trong toàn hệ thống; - Thực hiện công tác bảo vệ an ninh, trật tự, kiểm soát xuất/nhập hàng hóa, phương tiện và kiểm soát nội quy ra vào Công ty.
16	Phòng Đoàn Thể	<ul style="list-style-type: none"> - Phát động và triển khai các phong trào thi đua lao động sản xuất - Đề xuất các hình thức khen thưởng phù hợp cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc. - Tổ chức các chương trình giao lưu, hội thảo, hoạt động thể thao nhằm gắn kết người lao động. - Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. - Phối hợp thực hiện các chế độ phúc lợi, bảo hiểm xã hội, và các chính sách chăm lo cho công nhân viên lao động.

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Thông tin về công ty mẹ của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành

Không có

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTPC

BẢN CÁO BẠCH

5.2. Danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Tính đến thời điểm 31/12/2023, Công ty có 10 công ty con và 09 công ty liên kết thông tin chi tiết của Công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp (%)	Sở hữu thông qua
I	Công ty con									
1	CTCP May Gia Lai	13/12/2010	5900751992	Sản xuất, gia công hàng may mặc	20.000	51,00%	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
2	CTCP May Đà Lạt	17/02/2006	5800483309	Sản xuất, gia công hàng may mặc	10.577,5	55,00%	55,00%	55,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
3	CTCP May Bình Định	22/12/2006	4100507866	Sản xuất, gia công hàng may mặc	23.100	51,84%	51,84%	51,84%	0%	Sở hữu trực tiếp
4	CTCP May An Nhơn (i)	16/04/2008	4100707248	Sản xuất, gia công hàng may mặc	20.000	69,61%	58,19%	45,90%	12,29%	CTCP May Bình Định
5	CTCP May Tam Quan (ii)	11/06/2009	4100888925	Sản xuất, gia công hàng may mặc	35.000	63,86%	57,67%	51,00%	6,67%	CTCP May Bình Định
6	CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè	07/01/2005	3400408913	Sản xuất, gia công hàng may mặc	50.000	51,00%	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
7	Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	22/11/2013	1200520174	Hoàn thiện các sản phẩm dệt	30.000	51,00%	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
8	CTCP May Nhà Bè - Hậu Giang	29/12/2014	6300255659	Sản xuất, gia công hàng may mặc	50.000	55,56%	55,56%	55,56%	0%	Sở hữu trực tiếp
9	CTCP May Nhà Bè - Đức Linh (iii)	13/05/2016	3401127150	Sản xuất, gia công hàng may mặc	65.000	87,71%	54,68%	26,54%	28,14%	CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè
10	CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort (iv)	17/11/2011	3400962180	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày và kinh doanh nhà hàng	31.700	73,81%	60,68%	47,00%	13,68%	CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè, CTCP May Gia Lai

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

BẢN CÁO BẠCH

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2023 Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

(i) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May An Nhơn lần lượt là 58,19% và 69,61%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 45,90%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 12,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 23,71%.

(ii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May Tam Quan lần lượt là 57,67% và 63,86%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 51,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 6,67%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 12,86%.

(iii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May Nhà Bè – Đức Linh lần lượt là 54,68% và 81,71%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 26,54%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận là 28,14%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Thuận là 54,68%.

Theo Nghị quyết số 30/2020/HĐQT ngày 01/12/2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ 3.000.000 cổ phần nắm giữ tại CTCP May Nhà Bè – Đức Linh với giá chuyển nhượng là 10.000 VND/cổ phần. Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 1.275.000 cổ phần CTCP May Nhà Bè – Đức Linh cho CTCP May Bình Thuận – Nhà Bè với giá chuyển nhượng 10.000 VND/cổ phần, số cổ phần còn lại (1.725.000 cổ phần) sẽ được chuyển nhượng trong năm 2022. Đến thời điểm 31/12/2023, việc chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất.

(iv) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort lần lượt là 60,68% và 73,81%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp là 47,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận – Nhà Bè là 12,07%, qua CTCP May Gia Lai là 1,61%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận – Nhà Bè là 23,66% và thông qua CTCP May Gia Lai là 3,15%.

Tính đến thời điểm 31/12/2024, Công ty có 10 công ty con và 09 công ty liên kết thông tin chi tiết của Công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp (%)	Sở hữu thông qua
I	Công ty con									
1	CTCP May Gia Lai	13/12/2010	59060751992	Sản xuất, gia công hàng	20.000	51,00%	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp

11-11-2024 10:10:11

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

BẢN CÁO BẠCH

2	CTCP May 9	25/12/2002	0703000256	Sản xuất, gia công hàng may mặc	15.000	26,78%	26,78%	0%	Sở hữu trực tiếp
3	CTCP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	17/02/2006	4103004347	Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngành may	5.000	30,00%	30,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
4	CTCP Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	24/01/2008	4103009215	Sản lắp đặt hàng: thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, mua bán vật tư thiết bị ngành dệt, may	12.200	40,98%	40,98%	0%	Sở hữu trực tiếp
5	CTCP May Sông Tiền	23/02/2005	5303000034	Sản xuất, gia công hàng may mặc	35.000	43,89%	43,89%	0%	Sở hữu trực tiếp
6	CTCP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát (v)	15/03/2011	4101190040	Sản xuất, gia công hàng may mặc	29.932,5	20,05%	10,39%	10,39%	CTCP May Bình Định
7	CTCP May Gia Phúc	14/10/2014	0312971173	Sản xuất, gia công hàng may mặc	20.000	47,50%	47,50%	0%	Sở hữu trực tiếp
8	CTCP May Nhà Bè - Sóc Trăng	10/05/2017	2200733135	Sản xuất, gia công hàng may mặc	42.000	36,00%	36,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
9	CTCP May Vinatex Đức Phổ	17/03/2015	4300754799	Sản xuất, gia công hàng may mặc	25.000	28,00%	16,15%	16,15%	CTCP May Tam Quan

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

(i) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May An Nhơn lần lượt là 58,19% và 69,61%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 45,90%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 12,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 23,71%.

(ii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May Tam Quan lần lượt là 57,67% và 63,86%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 51,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 6,67%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 12,86%.

(iii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May Nhà Bè – Đức Linh lần lượt là 57,51% và 87,26%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 26,54%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận là 30,97%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Thuận là 60,72%.

Theo Nghị quyết số 30/2020/HĐQT ngày 01/12/2020 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc thông qua chủ trương chuyển nhượng toàn bộ 3.000.000 cổ phần nắm giữ tại CTCP May Nhà Bè – Đức Linh với giá chuyển nhượng là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tại ngày 31/12/2024, Tổng Công ty đã chuyển nhượng 1.275.000 cổ phần Công ty Cổ phần May Nhà Bè – Đức Linh cho Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè với giá chuyển nhượng 10.000 VNĐ/cổ phần, số cổ phần còn lại (1.725.000 cổ phần) sẽ được chuyển nhượng trong năm 2022. Đến ngày 31/12/2024, việc chuyển nhượng vẫn chưa hoàn tất.

(iv) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort lần lượt là 60,68% và 73,81%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp là 47,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè là 12,07%, qua CTCP May Gia Lai là 1,61%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè là 23,66% và thông qua CTCP May Gia Lai là 3,15%.

(v) Tại ngày 05/2/2025, toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn ra quyết định số 01/2025/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát.

Ghi chú: Về dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn với tổng số dư 45,99 tỷ đồng, trong đó 6,07 tỷ đồng dành cho 3 công ty: CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort, CTCP May 9 và CTCP Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An (các khoản đầu tư khác đã được trích lập đủ).

- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 của 3 Công ty trên, số dự phòng cần trích bổ sung ước khoảng 623 triệu đồng, tương đương 0,97% lợi nhuận trước thuế của MNB (theo BCTC tổng hợp kiểm toán 2024). Mức này được Công ty đánh giá là không trọng yếu, trong khi cả 3 Công ty vẫn đang duy trì hoạt động ổn định so với năm 2023.

Do đó, Công ty không trích lập bổ sung trong năm 2024 và giữ nguyên số dự dự phòng hiện có. Quyết định này vẫn tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật, đồng thời phản ánh trung thực, hợp lý giá trị các khoản đầu tư.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTPC

BẢN CÁO BẠCH

Tính đến thời điểm 30/06/2025, Công ty có 10 công ty liên kết thông tin chi tiết của Công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Ngày thành lập	Số giấy chứng nhận ĐKDN	Hoạt động kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp (%)	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp (%)	Sở hữu thông qua
I	Công ty con								
1	CTPC May Gia Lai	13/12/2010	5900751992	Sản xuất, gia công hàng may mặc	20.000	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
2	CTPC May Đà Lạt	17/02/2006	5800483309	Sản xuất, gia công hàng may mặc	10.577	55,00%	55,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
3	CTPC May Bình Định	22/12/2006	4100507866	Sản xuất, gia công hàng may mặc	23.100	51,84%	51,84%	0%	Sở hữu trực tiếp
4	CTPC May An Nhơn (i)	16/04/2008	4100707248	Sản xuất, gia công hàng may mặc	20.000	69,61%	58,19%	45,90%	CTPC May Bình Định
5	CTPC May Tam Quan (ii)	11/06/2009	4100888925	Sản xuất, gia công hàng may mặc	35.000	63,86%	57,67%	51,00%	CTPC May Bình Định
6	CTPC May Bình Thuận - Nhà Bè	07/01/2005	3400408913	Sản xuất, gia công hàng may mặc	50.000	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
7	Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	22/11/2013	1200520174	Hoàn thiện các sản phẩm dệt và lông thú, giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt lông thú	30.000	51,00%	51,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
8	CTPC May Nhà Bè - Hậu Giang	29/12/2014	6300255659	Sản xuất, gia công hàng may mặc	50.000	55,56%	55,56%	0%	Sở hữu trực tiếp
9	Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Tên trước đây: CTPC May Nhà Bè - Đức Linh) (iii)	13/05/2016	3401127150	Sản xuất, gia công hàng may mặc	65.000	51,00%	51,00%	0%	CTPC May Bình Thuận - Nhà Bè

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

BẢN CÁO BẠCH

10	CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort (tư)	17/11/2011	3400962180	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày và kinh doanh nhà hàng	31.700	73,81%	60,68%	47,00%	13,68%	CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè, CTCP May Gia Lai
II Công ty liên kết										
1	CTCP NBC Logistics (Tên trước đây: CTCP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè)	10/01/2006	4103004242	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ logistics, đại lý vận tải đa phương thức, đại lý làm thủ tục hải quan, dịch vụ giao nhận hàng hóa, bốc dỡ hàng hóa,	12.000	28,58%	28,58%	28,58%	0%	Sở hữu trực tiếp
2	CTCP May 9	25/12/2002	0703000256	Sản xuất, gia công hàng may mặc	15.000	26,78%	26,78%	26,78%	0%	Sở hữu trực tiếp
3	CTCP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	17/02/2006	4103004347	Buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy ngành may	5.000	30,00%	30,00%	30,00%	0%	Sở hữu trực tiếp
4	CTCP Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	24/01/2008	4103009215	Sản lập mặt bằng; thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, mua bán vật tư thiết bị ngành dệt, may	12.200	40,98%	40,98%	40,98%	0%	Sở hữu trực tiếp
5	CTCP May Sông Tiền	23/02/2005	5303000034	Sản xuất, gia công hàng may mặc	35.000	43,89%	43,89%	43,89%	0%	Sở hữu trực tiếp
6	CTCP Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát (v)	15/03/2011	4101190040	Sản xuất, gia công hàng may mặc	29.932,5	20,05%	10,39%	0%	10,39%	CTCP May Bình Định
7	CTCP May Gia Phúc	14/10/2014	0312971173	Sản xuất, gia công hàng may mặc	20.000	47,50%	47,50%	47,50%	0%	Sở hữu trực tiếp
8	CTCP May Nhà Bè - Sóc Trăng	10/05/2017	2200733135	Sản xuất, gia công hàng may mặc	42.000	36,00%	36,00%	36,00%	0%	Sở hữu trực tiếp

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

BẢN CÁO BẠCH

9	CTCP May Vinatex Đức Phố	17/03/2015	4300754799	Sản xuất, giá công hàng may mặc	25.000	28,00%	16,15%	0%	16,15%	CTCP May Tam Quan
---	--------------------------	------------	------------	---------------------------------	--------	--------	--------	----	--------	-------------------

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2025 Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

(i) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May An Nhơn lần lượt là 58,19% và 69,61%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 45,90%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 12,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 23,71%.

(ii) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP May Tam Quan lần lượt là 57,67% và 63,86%, trong đó tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 51,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Định là 6,67%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Định là 12,86%.

(iii) Trong tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh (Trước đây là: Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh) từ Tổng Công ty và các cổ đông không kiểm soát. Theo đó, tại ngày 30/6/2025, Công ty TNHH May Nhà Bè - Đức Linh là Công ty con sở hữu gián tiếp của Tổng Công ty thông qua Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè.

(iv) Tổng tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại CTCP Du lịch NBC Cam Bình Resort lần lượt là 60,68% và 73,81%, trong đó, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trực tiếp là 47,00%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp qua CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè là 12,07%, qua CTCP May Gia Lai là 1,61%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè là 23,66% và thông qua CTCP May Gia Lai là 3,15%.

(v) Tại ngày 05/2/2025, toà án nhân dân thành phố Quy Nhơn ra quyết định số 01/2025/QĐ-MTTPS về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Hưng Phát.

Ghi chú: Liên quan đến việc trình bày tên CTCP May Bình Thuận - Nhà Bè tại mục (iii) và mục (iv) Phần 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp tại Thuyết minh Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023 và 2024 đã kiểm toán, Công ty đã thực hiện đính chính và công bố thông tin theo Công văn số 131/CV/MNB ngày 14/08/2025

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Công ty đã hoàn tất việc cổ phần hóa vào ngày 24/03/2005 với vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ đăng ký: 64.000.000.000 đồng.
- Vốn thực góp: 64.000.000.000 đồng.
- Số lượng cổ phần: 6.400.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300398889 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025 thì vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng.

Như vậy, kể từ thời điểm chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cho đến nay Công ty đã thực hiện 05 lần tăng vốn điều lệ từ 64.000.000.000 đồng lên 200.000.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Lần	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi tăng (ĐVT: Đồng)	Vốn điều lệ tăng thêm (ĐVT: Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (ĐVT: Đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ sở pháp lý
1	Tháng 10/2008	64.000.000.000	36.000.000.000	100.000.000.000 0	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành 3.600.000 cổ phiếu để chuyển đổi từ 360.000 trái phiếu chuyển đổi, tỷ lệ chuyển đổi 1:10 (01 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu). Tổng giá trị phát hành tương ứng 36.000.000.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/NQ ngày 07/12/2006. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16/10/2008.
2	Tháng 12/2008	100.000.000.000	40.000.000.000	140.000.000.000 0	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 25%; và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10 : 1,5. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ số 38, 39, 40/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/11/2008. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 30/12/2008.
3	Tháng 12/2011	140.000.000.000	42.000.000.000	182.000.000.000 0	<ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn 1: Phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 4:1 với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phần. Giai đoạn 2: Phát hành cổ phiếu chào bán cho nhà đầu tư chiến lược với số lượng 3.500.000 cổ phần giá 18.000 đồng/cổ phiếu và chào bán cho HĐQT và cán bộ chủ chốt với số lượng 700.000 cổ phần giá 10.000 đồng/cổ phần. 	<ul style="list-style-type: none"> Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 24/04/2010. Nghị quyết HĐQT số 39/10/HĐQT ngày 05/06/2010. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 49/GCN-UBCK ngày 18/04/2011. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003232 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 01/12/2011

4	Tháng 01/2023	182.000.000.000	9.100.000.000	191.100.000.000	0	- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022 số 40/2022/HĐQT ngày 09/09/2022. - Công văn số 8487/UBCK-QLCB ngày 23/12/2022 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3030398889 (số cũ 4103003232) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 24 ngày 04/01/2023.
5	Tháng 06/2024	191.100.000.000	8.900.000.000	200.000.000.000	0	- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 01/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 01/03/2024 - Công văn số 3849/UBCK-QLCB ngày 20/06/2024 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động MNB - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3030398889 (số cũ 4103003232) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005 và đăng ký thay đổi lần 26 ngày 26/06/2024.
Ý kiến của đơn vị kiểm toán về các đợt tăng vốn: Không có.							

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại, Công ty không có bất kỳ giao dịch góp vốn, thoái vốn có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành**8.1. Cổ phiếu phổ thông**

Cơ cấu cổ đông tại ngày 30/05/2025:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	420	19.947.078	99,74%
1	Cổ đông tổ chức	3	10.118.706	50,59%
	Trong đó: Nhà nước	1	5.040.000	25,20%
2	Cổ đông cá nhân	417	9.828.372	49,14%
II	Cổ đông nước ngoài	6	52.922	0,26%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0,00%
2	Cổ đông cá nhân	6	52.922	0,26%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
IV	Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0,00%
	Tổng cộng	426	20.000.000	100%

Nguồn: Theo danh sách cổ đông của VSDC cung cấp ngày 30/05/2025

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác

Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: Theo văn bản Số 5803/UBCK-PTTT ngày 29/08/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP là 0%.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Công ty: Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại: Theo Danh sách cổ đông chốt ngày 30/05/2025 do VSDC cung cấp, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại NBC là 0,26%.

10. Hoạt động kinh doanh**10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh****10.1.1. Hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của NBC là sản xuất, mua bán sản phẩm dệt may, nguyên phụ liệu, máy móc thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt may.

Các sản phẩm chính của NBC bao gồm: bộ veston, sơ mi, jacket, quần âu, quần sort, ... được sản xuất từ các loại vải cao cấp sản xuất trong nước và nhập khẩu.

Áo vest:



Coats:



[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bộ vest:



Sơ mi:



Quần Âu:



Gile:



Thời trang:



❖ Quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng:

Tổng công ty tập trung đầu tư chiều sâu cho các nhà máy sản xuất theo định hướng quy hoạch nguồn hàng phù hợp với năng lực của từng đơn vị. Công tác đầu tư thiết bị để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm được ưu tiên hàng đầu. Các thiết bị sản xuất chuyên dùng tự động tiên tiến được đầu tư đồng bộ từ khâu chuẩn bị, cắt, may và hoàn tất với quy trình công nghệ hiện đại.

Khâu thiết kế, nháy size và giác sơ đồ được thực hiện hoàn toàn trên máy tính với phần mềm Gerber, kết hợp với phần mềm may mẫu 3D tiết kiệm thời gian phát triển mẫu đáp ứng kịp thời yêu cầu của Khách hàng. Việc nghiên cứu quy trình công nghệ áp dụng các sáng kiến cải tiến và thiết kế dây chuyền sản xuất được thực hiện với tất cả các mã hàng trước khi vào sản xuất để đảm bảo tăng năng suất lao động và làm cơ sở tính toán đơn giá tiền lương. Từ đó Tổng công ty chủ động được trong việc tìm kiếm khách hàng, nguồn hàng để chuyên môn hóa sản xuất, tăng uy tín với khách hàng cũng như phát huy được lợi thế cạnh tranh và chuyên môn hóa quy trình cải tiến công nghệ cho từng sản phẩm.

Song song với việc đổi mới công nghệ sản xuất, công ty cũng không ngừng đầu tư áp dụng công nghệ trong quản lý điều hành. Công ty đã đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý điều hành để tăng tính chủ động, tính chính xác và kịp thời trong quản lý.

Một số phần mềm ứng dụng tại Công ty:

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
1	EOffice	Quản lý văn bản, chứng từ và các nghiệp vụ văn phòng
2	EStyle	Ban hành tài liệu kỹ thuật số và quản trị chất lượng sản phẩm. Số hóa tất cả tài liệu kỹ thuật chất lượng, lưu trữ đám mây, hạn chế in ấn. Báo cáo thống kê và cảnh báo chất lượng.
3	NBC-LeanERP	Hệ thống quản lý vật tư hàng hóa, quản lý dòng chảy vật tư hàng hóa từ lúc khai báo đơn hàng đến khi xuất kho thành phẩm. Quản lý thông tin đơn hàng, kế hoạch sản xuất, tồn kho vật tư hàng hóa, thông tin cấp phát, mua hàng, xuất nhập tồn kho.
4	EasyNBC	Hệ thống cân đối, mua hàng, cấp phát
5	Smart Warehouse	Quản lý kho thông minh. Kiểm soát nhập, xuất, kiểm kê VTHH bằng QR Code trên PDA di động. Trực quan layout kho theo vị trí.
6	Smart Fabric Inspection	Hệ thống kiểm vải thông minh

STT	Tên phần mềm	Lĩnh vực ứng dụng
7	Module Import & Export	Công cụ kiểm soát báo cáo thanh lý hải quan. Đối chiếu dữ liệu hải quan và sổ sách kế toán định kì.
8	Module Lab & Compliance	Hệ thống quản lý phòng lab và công tác đánh giá.
9	3D Style	Hệ thống may mẫu 3D, fit mẫu trên manocanh ảo, phối màu, trình diễn catwalk, điều chỉnh kích thước, chất liệu sản phẩm, màu sắc theo yêu cầu khách hàng.
10	Bravo	Quản lý công tác tài chính kế toán
11	PLM	Hệ thống quản lý vòng đời sản phẩm, theo dõi tiến trình phát triển sản phẩm.
12	GSD	Hệ thống tính thời gian tiêu chuẩn SMV
13	TRE	Hệ thống quản lý sản xuất

Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Sản phẩm may mặc mang tính thời vụ cao, phụ thuộc vào thời tiết. Các sản phẩm may mặc được thiết kế phù hợp với thời tiết theo từng khu vực địa lý và theo từng mùa khác nhau. Điều này đòi hỏi Công ty phải am hiểu về thời tiết, khí hậu tại thị trường mà công ty xuất khẩu nhằm khai thác được hiệu quả cao nhất.

Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ

a) Sản lượng sản xuất

Bảng 1. Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2023 và năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 (Hợp nhất)

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1	Áo vest, coats, bộ vest	Cái	6.510.575	9.420.230	4.003.598
2	Sơmi	Cái	5.910.490	7.844.865	3.459.586
3	Quần	Cái	3.401.945	4.714.757	2.239.510
4	Khác	Cái	16.460.674	15.845.376	7.225.492
	Tổng Cộng	Cái	32.283.684	37.825.228	16.928.184

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Bảng 2. Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2023 và năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 (Tổng hợp)

STT	Tên sản phẩm	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024	6 tháng đầu năm 2025
1	Áo vest, coats, bộ vest	Cái	4.965.336	6.313.000	2.056.025
2	Sơmi	Cái	1.064.213	3.563.000	701.124
3	Quần	Cái	1.996.633	3.082.000	1.344.021
4	Khác	Cái	3.006.943	2.143.000	2.030.016
5	Tổng Cộng	Cái	11.033.125	15.101.000	6.131.186

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

b) Doanh thu, lợi nhuận gộp

Bảng 3. Cơ cấu doanh thu Năm 2023, Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 (Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu sản phẩm áo vest, coats, bộ vest	1.837.378	49,07%	2.002.618	43,23%	956.406	41,08%
Doanh thu sản phẩm sơmi	397.816	10,62%	566.073	12,22%	376.766	16,18%
Doanh thu sản phẩm quần	416.541	11,13%	600.406	12,96%	482.410	20,72%
Doanh thu sản phẩm khác	1.092.552	29,18%	1.473.085	31,59%	512.653	22,02%
Tổng cộng	3.744.287	100,00%	4.632.182	100,00%	2.328.235	100,00%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Bảng 4. Cơ cấu doanh thu Năm 2023, Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 (Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu sản phẩm áo vest, coats, bộ vest	1.624.033	68,34%	1.641.527	56,75%	702.828	56,32%
Doanh thu sản phẩm sơmi	171.692	7,22%	367.985	12,72%	120.270	9,64%

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu sản phẩm quần	340.398	14,32%	414.884	14,34%	233.078	18,68%
Doanh thu sản phẩm khác	240.262	10,12%	468.369	16,19%	191.781	15,36%
Tổng cộng	2.376.385	100%	2.892.765	100,00%	1.247.957	100%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

Tổng quan năm 2024, doanh thu hợp nhất của Tổng Công ty đạt 4.632,18 tỷ đồng, tăng 23,70% so với năm 2023. Động lực tăng trưởng doanh thu đến từ sự gia tăng ở hầu hết các nhóm sản phẩm chủ lực. Cụ thể, doanh thu sản phẩm áo vest, coats, bộ vest đạt 2.002,62 tỷ đồng, tăng 8,99% so với năm 2023, chiếm 43,23% cơ cấu doanh thu; doanh thu sản phẩm sơ mi đạt 566,07 tỷ đồng, tăng 42,31%, chiếm 12,22%; doanh thu sản phẩm quần đạt 600,41 tỷ đồng, tăng 44,09%, chiếm 12,96%; trong khi đó, doanh thu các sản phẩm khác đạt 1.473,08 tỷ đồng, tăng 34,88%, chiếm 31,59% tổng cơ cấu doanh thu.

Sự tăng trưởng này có được nhờ một số yếu tố quan trọng: (i) nhu cầu tiêu dùng và nhập khẩu hàng dệt may toàn cầu phục hồi rõ nét, đặc biệt tại các thị trường trọng điểm như Mỹ và châu Âu, giúp doanh nghiệp mở rộng xuất khẩu; (ii) môi trường kinh doanh thuận lợi hơn nhờ các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ và các hiệp hội ngành nghề, bao gồm việc đàm phán và thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP và EVFTA, mở ra cơ hội tiếp cận thị trường quốc tế dễ dàng hơn; (iii) quá trình đầu tư vào công nghệ tự động hóa và hệ thống quản trị số đã góp phần nâng cao năng suất, cải thiện chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, đồng thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe của khách hàng toàn cầu.

Trong 6 tháng đầu năm 2025, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất 2.328,24 tỷ đồng. Cơ cấu doanh thu cho thấy nhóm sản phẩm áo vest, coats, bộ vest vẫn giữ vai trò chủ lực với 956,41 tỷ đồng (chiếm 41,08%), tiếp theo là sản phẩm quần đạt 482,41 tỷ đồng (20,72%), sản phẩm sơ mi đạt 376,77 tỷ đồng (16,18%) và các sản phẩm khác đạt 512,65 tỷ đồng (22,02%). Đáng chú ý, tỷ trọng nhóm sản phẩm quần đã tăng mạnh so với năm 2024, phản ánh thành công của chiến lược đa dạng hóa danh mục sản phẩm và khai thác hiệu quả hơn các phân khúc thị trường tiềm năng.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

**Bảng 5. Lợi nhuận gộp theo sản phẩm Năm 2023, Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025
(Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Lợi nhuận gộp sản phẩm áo vest, coats, bộ vest	284.426	15,48%	379.079	18,93%	180.599	18,88%
Lợi nhuận gộp sản phẩm sơ mi	111.082	27,92%	162.993	28,79%	110.981	29,46%
Lợi nhuận gộp sản phẩm quần	58.983	14,16%	95.298	15,87%	73.885	15,32%
Lợi nhuận gộp sản phẩm khác	19.227	1,76%	229.643	15,70%	53.771	10,49%
Tổng cộng	473.718	12,65%	867.013	18,72%	419.236	18,01%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

**Bảng 6. Lợi nhuận gộp theo sản phẩm Năm 2023, Năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025
(Tổng hợp)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Lợi nhuận gộp sản phẩm áo vest, coats, bộ vest	272.838	16,80%	315.286	19,21%	143.280	20,40%
Lợi nhuận gộp sản phẩm sơ mi	56.658	33,00%	71.242	19,36%	24.174	20,10%
Lợi nhuận gộp sản phẩm quần	46.635	13,70%	73.310	17,67%	45.940	19,71%
Lợi nhuận gộp sản phẩm khác	67.133	27,94%	90.506	19,32%	33.443	17,44%
Tổng cộng	443.264	18,65%	550.344	19,02%	246.837	19,79%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty May Nhà Bè trong năm 2024 thể hiện sự cải thiện rõ rệt trong bối cảnh thị trường đầy biến động. Biên lợi nhuận gộp năm 2024 đạt 18,72%, tăng so mức 12,65% cùng kỳ năm trước, cho thấy sự hiệu quả trong việc kiểm soát chi phí nguyên vật liệu và quản lý sản xuất. Ngoài ra, Tổng Công ty đã triển khai các giải pháp sản xuất thông minh và áp dụng công nghệ tự động hóa, giúp giảm thiểu lãng phí và nâng cao năng suất. Đồng thời, công ty cũng chú trọng vào việc phát

triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các dòng sản phẩm thời trang bền vững và thân thiện với môi trường, điều này không chỉ giúp tăng giá trị sản phẩm mà còn cải thiện biên lợi nhuận gộp. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí nguyên liệu, đặc biệt là sợi và vải, vẫn là một yếu tố công ty cần lưu ý trong thời gian tới, khi giá cả biến động có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận gộp trong tương lai.

10.1.2. Tài sản

Giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính tổng hợp được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2023, 31/12/2024; Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 tại thời điểm 30/06/2025, như sau:

**Bảng 7. Tình hình tài sản của Công ty
(Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	1.748.188	563.310	1.830.021	587.572	1.852.452	575.477
Nhà cửa vật kiến trúc	755.737	338.386	803.182	357.981	802.409	343.552
Máy móc thiết bị	855.502	201.238	873.688	192.033	896.205	196.212
Phương tiện vận tải	120.063	20.251	135.707	34.480	136.518	33.059
Thiết bị dụng cụ quản lý	12.060	2.951	12.618	2.693	12.494	2.307
TSCĐ hữu hình khác	4.826	484	4.826	385	4.826	347
Tài sản cố định vô hình	54.984	17.527	55.101	14.224	58.052	16.391
Quyền sử dụng đất	19.618	13.754	19.618	11.880	19.618	11.794
Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	6.176	0	6.176	0	6.176	0
Phần mềm máy tính	29.109	3.712	29.227	2.290	32.178	4.597
Tài sản vô hình khác	80	61	80	53	80	0
Tổng cộng	1.803.172	581.399	1.885.122	601.796	1.910.504	591.868

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Ghi chú: Liên quan đến việc trình bày tại Phần 5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình (Quyền sử dụng đất) tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán, Công ty đã thực hiện đính chính và công bố thông tin theo Công văn số 131/CVMNB ngày 14/08/2025.

**Bảng 8. Tình hình tài sản của Công ty
(Tổng hợp)**

Đơn vị: Triệu đồng

Tài sản	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025	
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	738.073	142.438	780.837	174.311	781.249	167.971
Nhà cửa vật kiến trúc	250.621	60.800	290.092	91.910	289.286	88.152
Máy móc thiết bị	384.714	65.670	376.978	58.485	377.535	56.555
Phương tiện vận tải	98.104	15.459	109.135	23.631	109.878	23.052
Thiết bị dụng cụ quản lý	4.633	509	4.633	286	4.550	212
Tài sản cố định vô hình	42.767	8.941	42.767	5.934	45.544	8.148
Quyền sử dụng đất	10.449	5.788	10.449	4.085	10.449	3.910
Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	5.839	-	5.839	0	5.839	0
Phần mềm máy tính	26.479	3.153	26.479	1.849	29.256	4.238
Tổng cộng	780.840	151.379	823.604	180.245	826.793	176.119

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

10.1.3. Thị trường hoạt động

Thị trường hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần hiện nay chủ yếu tập trung vào các thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản, đồng thời cũng mở rộng sang các thị trường mới ở ASEAN, châu Á và Mỹ Latinh. Tổng Công ty đã duy trì được vị thế cạnh tranh trong ngành may mặc nhờ vào việc sản xuất các sản phẩm chất lượng cao, từ sơ mi, áo vest đến các mặt hàng thời trang bền vững, thân thiện với môi trường, đáp ứng xu hướng tiêu dùng hiện đại.

Bảng 9. Doanh thu theo thị trường hoạt động
(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thị trường Mỹ	1.653.439	44,16%	1.948.289	42,06%	984.921	42,30%
Doanh thu thị trường Nhật	402.700	10,76%	489.675	10,57%	217.599	9,35%
Doanh thu thị trường Canada	1.358	0,04%	335.999	7,25%	65.911	2,83%
Doanh thu thị trường EU	745.491	19,91%	867.982	18,74%	524.013	22,51%
Doanh thu thị trường Asean	140.239	3,74%	183.813	3,97%	96.529	4,15%
Doanh thu thị trường khác	801.060	21,39%	806.424	17,41%	439.262	18,87%
Tổng Cộng	3.744.287	100,00%	4.632.182	100,00%	2.328.235	100,00%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Bảng 10. Doanh thu theo thị trường hoạt động
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu thị trường Mỹ	1.120.695	47,16%	1.399.860	48,39%	516.755	41,41%
Doanh thu thị trường Nhật	23.621	0,99%	10.677	0,37%	-	0%
Doanh thu thị trường Canada	1.177	0,05%	-	0,00%	5.136	0,41%
Doanh thu thị trường EU	647.042	27,23%	705.464	24,39%	232.325	18,62%
Doanh thu thị trường Asean	34.320	1,44%	41.567	1,44%	32.887	2,64%
Doanh thu thị trường khác	549.530	23,13%	735.198	25,41%	460.854	36,92%
Tổng Cộng	2.376.385	100,00%	2.892.765	100,00%	1.247.957	100%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Bảng 11. Cơ cấu Lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động
(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp thị trường Mỹ	305.087	47,17%	377.044	43,49%	170.605	40,69%
Lợi nhuận gộp thị trường Nhật	43.537	6,73%	43.190	4,98%	37.026	8,83%
Lợi nhuận gộp thị trường Canada	5.239	0,81%	38.183	4,40%	10.686	2,55%
Lợi nhuận gộp thị trường EU	117.098	18,11%	172.703	19,92%	93.422	22,28%
Lợi nhuận gộp thị trường Asean	20.925	3,23%	16.059	1,85%	17.323	4,13%
Lợi nhuận gộp thị trường khác	154.876	23,95%	219.836	25,36%	90.174	21,51%
Tổng Cộng	646.762	100%	867.013	100%	419.236	100,00%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

Bảng 12. Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận gộp thị trường Mỹ	215.173	48,54%	201.440	36,60%	108.076	43,78%
Lợi nhuận gộp thị trường Nhật	4.842	1,09%	3.506	0,64%	-	0%
Lợi nhuận gộp thị trường Canada	206	0,05%	-	0,00%	1.983	0,80%
Lợi nhuận gộp thị trường EU	106.115	23,94%	165.714	30,11%	50.004	20,26%
Lợi nhuận gộp thị trường Asean	5.594	1,26%	9.976	1,81%	17.810	7,22%
Lợi nhuận gộp thị trường khác	111.333	25,12%	169.469	30,84%	68.964	27,94%
Tổng Cộng	443.264	100,00%	550.344	100,00%	246.837	100,00%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

10.1.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính**❖ Báo cáo tình hình đầu tư:**

Trong năm 2024, Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP tiếp tục triển khai các khoản đầu tư chiến lược nhằm thúc đẩy năng lực sản xuất và tối ưu hóa hiệu suất hoạt động. Điểm nổi bật là:

- Mở rộng và nâng cấp nhà máy tại Kon Tum, tăng quy mô sản xuất và đáp ứng hiệu quả hơn các đơn hàng lớn, giảm chi phí logistics vùng miền núi—phù hợp với chiến lược phân bổ nhà máy theo tỉnh nhằm tối ưu chi phí lao động và đất đai
- Đầu tư mạnh vào hệ thống máy móc hiện đại và tự động hóa như máy may chuyên dụng, thiết bị cắt, dây chuyền tự động nhằm cải thiện năng suất, chất lượng và độ đồng nhất sản phẩm. Công ty hiện sở hữu khoảng 25.000 máy may và thiết bị đặc dụng, phục vụ sản xuất hàng loạt với tính chính xác cao.
- Ứng dụng chuyên đổi số và giải pháp quản lý thông minh: Công ty triển khai phần mềm ERP, hệ thống giám sát tổng thể và tự động hóa quy trình sản xuất, giúp theo dõi, cảnh báo và điều chỉnh kịp thời, nâng cao hiệu quả quản trị và giảm lãng phí.

❖ Hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính:

Nhờ các khoản đầu tư vào cơ sở hạ tầng, máy móc hiện đại và công nghệ số, Tổng Công ty đã đạt được những cải thiện đáng kể về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh doanh. Năng suất lao động được nâng cao rõ rệt, tỷ lệ lỗi sản phẩm giảm, chi phí sản xuất đơn vị được tối ưu. Năng lực sản xuất ổn định và chất lượng sản phẩm đồng nhất đã giúp Công ty duy trì và mở rộng thị phần tại các thị trường trọng điểm như Mỹ và châu Âu, đồng thời đáp ứng kịp thời các đơn hàng lớn, gấp với yêu cầu khắt khe về kỹ thuật và thời gian giao hàng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ tiên tiến tạo điều kiện cho Công ty triển khai các sáng kiến phát triển bền vững, hướng tới sản xuất xanh và kinh tế tuần hoàn – xu hướng ngày càng được các đối tác và thị trường quốc tế đánh giá cao. Những kết quả này cho thấy chiến lược đầu tư của Tổng Công ty không chỉ mang lại hiệu quả trực tiếp về sản xuất kinh doanh mà còn góp phần nâng cao vị thế thương hiệu NBC trong ngành may mặc, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

10.1.5. Các hợp đồng lớn

Thông tin về các hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và đang thực hiện của Tổ Chức Phát Hành trong năm 2023, năm 2024 và đến thời điểm hiện tại như sau:

Bảng 13. Các hợp đồng lớn

STT	Đối tác	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
I	Hợp đồng Đầu ra						
1	Motives International (Hong Kong) Ltd.(Peerless)	20/199/NB/MOT/KD	797.822.584.957	01/05/2020	3 năm (Từ năm 2020 đến năm 2023)	Quần áo	Không
2	MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LTD.(EXPRESS)	21/222/NB/MOT/KD	156.244.173.979	03/02/2021	2 năm (Từ năm 2021 đến năm 2023)	Quần áo	Không
3	WORTHY GLOBAL LTD.	21/132/WOR/NB-FOB DIV	170.992.084.186	04/03/2021	3 năm (Từ năm 2021 đến năm 2024)	Quần áo	Không
4	HAGGAR CLOTHING CO.	22/100/NB/HAG/KD	100.247.969.061	21/10/2021	1 năm (Từ năm 2021 đến năm 2022)	Quần áo	Không
5	PUNTO FA, S.L.	23/01/NB/PUN/GC	177.357.479.688	15/11/2022	3 năm (Từ năm 2022 đến năm 2025)	Quần áo	Không
6	PUNTO FA, S.L.	23/131/NB/PUN/KD	128.082.727.299	16/12/2022	1 năm	Quần áo	Không

STT	Đối tác	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
7	WORTHY GLOBAL LTD.	23/132/NB/WOR/KD	99.870.102.435	12/01/2023	1 năm (Năm 2023)	Quần áo	Không
8	MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LTD.(PEERLESS)	23/199/NB/MOT/KD	680.576.499.937	10/02/2023	3 năm (Từ năm 2023 đến năm 2026)	Quần áo	Không
9	HAGGAR CLOTHING CO.	24/100/NB/HAG/KD	120.514.930.193	16/01/2024	1 năm (Năm 2024)	Quần áo	Không
10	PUNTO FA, S.L.	24/131/NB/PUN/KD	100.410.229.129	30/01/2024	1 năm (Năm 2024)	Quần áo	Không
11	MOTIVES INTERNATIONAL PTE. LTD.	24/161/NB/MOT/KD	88.421.306.839	01/03/2024	3 năm (Từ năm 2024 đến năm 2027)	Quần áo	Không
II Hợp đồng Đầu vào							
1	HANGZHOU YUNHONG TEXTILE IMP&EXP CO., LTD.	22/370/NB/YUN/KD.	16.339.250.400	24/03/2022	1 năm (Từ 03/2022 đến 03/2023)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
2	HARBIN CONCO TEXTILES CO., LTD.	22/484/NB/HAR/KD	4.033.848.000	09/08/2022	1 năm (Năm 2022)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
3	SHANGHAI JINCHANG TEXTILE IMP & EXP CO., LTD.	22/312/NB/JIN/KD.	6.019.284.000	28/02/2022	1 năm (Từ 02/2022)	Nguyên Liệu (Vải)	Không

STT	Đối tác	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
4	NISHAT MILLS LTD.	23/201/NB/NIS/KD	3.850.623.000	22/11/2022	1 năm (Năm 2023)	Phụ Liệu (Chỉ, nút)	Không
5	MAPLETEX INTERNATIONAL (CANADA) INC.	23/456/NB/MAP/KD.	7.188.772.800	22/09/2023	1 năm (Từ 09/2023 đến 09/2024)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
6	HANGZHOU SPECIALTY TEXTILE TRADING CO., LTD.	23/227/NB/SPE/KD	6.275.340.000	16/01/2023	1 năm (Năm 2023)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
7	SHANGHAI ADT TRADING CO., LTD.	23/338/NB/ADT/KD.	5.930.460.000	12/04/2023	1 năm (Từ 04/2023 đến 04/2024)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
8	MOTIVES INTERNATIONAL PTE. LTD.	24/395/NB/MOP/KD.	48.335.154.000	10/05/2024	1 năm (Từ 05/2024 đến 05/2025)	Nguyên Liệu, Phụ liệu (Vải, nút, đệm vai..)	Không
9	SINGTEX PTE.LTD.	24/396/NB/SIN/KD.	10.013.911.250	16/05/2024	1 năm (Từ 05/2024 đến 05/2025)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
10	KINGDOM TEXTILE (SHANGHAI) LTD.	24/531/NB/KIN/KD.	20.051.920.000	19/09/2024	1 năm (Từ 09/2024 đến 09/2025)	Nguyên Liệu (Vải)	Không
11	SHAOXING KEQIAO HONGSEN	25/477/NB/SKH/KD.	15.802.264.044	16/05/2025	(Từ 05/2025)	Nguyên Liệu	Không

STT	Tên Khách hàng, nhà cung cấp	Tên hợp đồng	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
	TEXTILE IMP & EXP CO., LTD.					(Vải)	
4	NISHAT MILLS LTD.	23/201/NB/NIS/KD	\$152.161,10	0,40%	Năm 2023	Nguyên Liệu (Vải)	Không
5	MAPLETEX INTERNATIONAL (CANADA) INC.	23/456/NB/MAI/KD	\$262.824,20	0,55%	Năm 2024	Nguyên Liệu (vải)	Không
6	HANGZHOU SPECIALTY TEXTILE TRADING CO., LTD.	23/227/NB/SPE/KD	\$250.162,50	0,53%	Năm 2024	Nguyên Liệu (vải)	Không
7	SHANGHAI ADT TRADING CO., LTD.	23/338/NB/ADT/KD	\$247.102,50	0,52%	Năm 2024	Nguyên Liệu (Vải)	Không
8	MOTIVES INTERNATIONAL PTE. LTD.	24/395/NB/MOP/KD	\$1.890.212,08	13,45%	6 tháng Năm 2025	Nguyên Liệu, Phụ liệu (Vải, Chi, Nút...)	Không
9	SINGTEX PTE.LTD.	24/396/NB/SIN/KD	\$400.556,45	2,85%	6 tháng Năm 2025	Nguyên Liệu (Vải)	Không
10	KINGDOM TEXTILE (SHANGHAI) LTD.	24/531/NB/KIN/KD	\$423.882,20	3,02%	6 tháng Năm 2025	Nguyên Liệu (Vải)	Không
II	Khách hàng lớn						
1	HAGGAR CLOTHING CO.	22/100/NB/HAG/KD	100.247.969,061	3,51%	Năm 2022	Quần áo, Jacket	Không
2	PUNTO FA, S.L.	23/131/NB/PUN/KD	133.916.840,376	5,64%	Năm 2023	Quần áo, Jacket	Không
3	WORTHY GLOBAL LTD.	23/132/NB/WOR/KD	99.870.102,435	4,20%	Năm 2023	Quần áo, Jacket	Không
4	MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LTD.	21/222/NB/MOT/KD	530.305.837,927	18,33%	Năm 2024	Quần áo, Jacket	Không
5	WORTHY GLOBAL LTD.	21/132/WOR/NB-FOB DIV	87.006.210,030	3,45%	Năm 2024	Quần áo, Jacket	Không
6	HAGGAR CLOTHING CO.	22/100/NB/HAG/KD	229.083.751,149	5,54%	Năm 2024	Quần áo, Jacket	Không


 FPTS

STT	Tên Khách hàng, nhà cung cấp	Tên hợp đồng	Giá trị giao dịch	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian giao dịch	Sản phẩm	Mối quan hệ (*)
7	PUNTO FA, S.L.	23/01/NB/PUN/GC	330.375.679.326	4,87%	Năm 2024	Quần áo, Jacket	Không
8	FABIAN COUTURE GROUP LLC.	24/110/NB/FAB/KD	52.478.987.925	1,81%	Năm 2024	Quần áo, Jacket	Không
9	HAGGAR CLOTHING CO.	24/100/NB/HAG/KD	60.824.015.779	4,87%	6 tháng Năm 2025	Quần áo, Jacket	Không
10	PUNTO FA, S.L.	24/131/NB/PUN/KD	66.367.056.454	5,32%	6 tháng Năm 2025	Quần áo, Jacket	Không
11	MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LTD.	25/106/NB/MOT/KD	128.058.682.619	10,26%	6 tháng Năm 2025	Quần áo, Jacket	Không

(*) Mối quan hệ với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, cổ đông lớn của Tổ chức phát hành

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

10.1.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành**❖ Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:**

Ngành may mặc là một trong những ngành chủ đạo của ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng liên quan đến các khâu sản xuất vải, thiết kế sản phẩm, hoàn tất sản phẩm và tiêu thụ sản phẩm. Tổng công ty tập trung hoạt động sản xuất từ khâu thiết kế, cắt may cho đến phân phối sản phẩm đến người tiêu dùng.

Trải qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, Tổng công ty không ngừng lớn mạnh về mọi mặt. Nhiều năm tham gia vào thị trường xuất khẩu, Tổng công ty đã tạo dựng được một mạng lưới khách hàng thân thiết tại nhiều quốc gia và lãnh thổ khác nhau như: Hoa Kỳ, Châu Âu, Nhật Bản,... đã tham gia sản xuất trực tiếp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thế giới như: JCPenny, Mango, Tommy Hilfiger, Calvin Klein, Cherokee,... được khách hàng tin tưởng và hợp tác trong nhiều năm qua.

Tại thị trường nội địa, Tổng Công ty đã xây dựng chỗ đứng vững chắc trong phân khúc thời trang công sở và thời trang cao cấp, với các sản phẩm được chú trọng từ khâu lựa chọn nguyên liệu, thiết kế kiểu dáng đến quy trình may mặc tinh xảo. Mục tiêu xuyên suốt là tôn vinh vẻ đẹp và sự sang trọng của người Việt, đồng thời mang đến sự tự tin cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm mang thương hiệu May Nhà Bè.

Trong tầm nhìn dài hạn để phát triển bền vững, Tổng công ty tập trung mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Đồng thời xây dựng những giá trị lâu dài mang đến cho người lao động và xã hội, qua đó khẳng định thương hiệu trên thế giới với các lĩnh vực trong chuỗi cung ứng sản phẩm dệt may và thời trang.

So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành:

Mã CK	Tên công ty	Sản giao dịch	VDL	VCSH	TTS	DTT	LNST	LNST/DTT	LNST/VCSH
MNB	Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP	UPCOM	200	519	3.096	4.632	134	2,90%	25,86%
HTG	Tổng CTCP Dệt may Hòa Thọ	HSX	360	924	2.922	5.103	283	5,54%	30,58%
VGG	Tổng CTCP May Việt Tiến	UPCOM	441	2.179	5.292	9.753	364	3,73%	16,68%
TCM	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	HSX	1.020	2.272	3.896	3.810	278	7,30%	12,24%
DM7	CTCP Dệt May 7	UPCOM	154	286	540	868	55	6,30%	19,10%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu có) kiểm toán năm 2024 của các Công ty

Tổng tài sản và doanh thu thuần của MNB tương đối lớn so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành. Xét trong các công ty so sánh, MNB có tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu ở mức cao chỉ sau HTG vào khoảng 25,86% trong năm 2024, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần ở mức trung bình vào khoảng 2,90% trong năm 2024.

Về thị phần của Công ty trong ngành: Hiện không có thông tin về thị phần do Tổ Chức Phát Hành không thu thập được các thông tin, số liệu về thị phần của các doanh nghiệp khác cùng ngành.

❖ **Triển vọng phát triển của ngành;**

Theo số liệu từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam, năm 2024, kim ngạch xuất khẩu dệt may ước đạt 44 tỷ USD, tăng 11,26% so với năm 2023, kim ngạch nhập khẩu đạt 25 tỷ USD, tăng 14,79% so với năm 2023.

Ngành dệt may đã tận dụng tốt sự chuyển dịch đơn hàng xuất khẩu từ các quốc gia như: Trung Quốc, Bangladesh... sang Việt Nam. Cùng với đó là khả năng thích ứng của các doanh nghiệp xuất khẩu trong việc đáp ứng khá tốt với những yêu cầu từ thị trường nhập khẩu. Ngoài ra, yếu tố nữa tác động lớn vào sự tăng trưởng thời gian qua của ngành dệt may Việt Nam là sự đa dạng hóa thị trường, đổi tác khách hàng và mặt hàng sản xuất. Việt Nam hiện đã xuất khẩu vào 104 thị trường trên toàn cầu. Bên cạnh các thị trường truyền thống như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, khối CPTPP và các nước ASEAN, sản phẩm dệt may Việt Nam đã xuất khẩu tới các thị trường mới như châu Phi, Trung Đông...

Trước các xu hướng thuận lợi, cũng như với lợi thế 17/19 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA) đã có hiệu lực, các doanh nghiệp dệt may Việt Nam sẽ có cơ hội lớn để đẩy mạnh xuất khẩu. Năm 2025 toàn ngành dệt may đặt mục tiêu xuất khẩu đạt khoảng 47 - 48 tỉ USD.

Giai đoạn 2025 – 2030, ngành dệt may sẽ chuyển dần từ trọng tâm phát triển nhanh sang trọng tâm phát triển bền vững, kinh doanh tuần hoàn. Giai đoạn từ 2031 – 2035, phát triển hiệu quả, bền vững theo mô hình kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện chuỗi giá trị trong nước và tham gia ở vị trí có giá trị cao trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Xuất khẩu và tiêu thụ trong nước bằng các thương hiệu riêng mang tầm khu vực và thế giới.

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.**

Hiện nay, trước xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới, ngành dệt may thế giới nói chung đã có những đổi mới về chính sách và công nghệ để đáp ứng xu thế của chuỗi cung ứng toàn cầu hiện nay là sản xuất sạch, sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường và có trách nhiệm xã hội,... xu hướng tiến tới sự bền vững toàn cầu trong ngành dệt may. Một số quốc gia trên thế giới đã ban hành các chính sách và thực hành quản lý nhằm hướng tới sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và giảm chất thải, loại bỏ các chất gây lo ngại và loại trừ phát sinh vi sợi; biến đổi cách thức thiết kế quần áo, bán và sử dụng sao cho có thể giảm thải ra tự nhiên; cải thiện triệt để khả năng tái chế bằng cách thay đổi thiết kế, thu hồi và tái sản xuất; hướng tới sử dụng nguyên liệu tái tạo.

Theo Quyết định số 1643/QĐ-TTg, Chính Phủ đã đề ra định hướng phát triển của ngành dệt may và da giày nói chung và ngành dệt may nói riêng. Theo đó, các ngành tập trung phát triển, đẩy mạnh hoạt

động kinh doanh sang các hình thức đòi hỏi năng lực cao hơn về quản lý chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị, thiết kế và xây dựng và thương hiệu. Hiện nay tại Tổng công ty đã tập trung phát triển công nghệ, đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao (theo phương thức FOB, ODM) và phát triển hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

Theo định hướng cụ thể của ngành dệt may tại Quyết định số 1643/QĐ-TTg thì là tập trung vào đầu tư đổi mới công nghệ ở các khâu quyết định như khâu cắt vải tự động, hoàn thiện chu trình may để tăng năng suất lao động và đa dạng hóa sản phẩm. Tổng công ty đã đẩy mạnh đầu tư và nghiên cứu áp dụng công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại. Từ đó cho thấy định hướng và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty phù hợp với định hướng phát triển ngành may mặc của Chính Phủ. Tổng công ty luôn chú trọng tập trung phát triển công nghệ và phát triển bền vững.

Nhận định và đánh giá về định hướng phát triển của ngành, Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty cổ phần đã và đang có những chiến lược đúng đắn, phù hợp với định hướng phát triển của ngành và xu thế chung của thế giới.

10.1.8. Hoạt động Marketing

- Nghiên cứu thị trường: Tổng công ty nghiên cứu xu hướng thời trang và thị hiếu của khách hàng. Phân tích khả năng cạnh tranh để phát huy ưu thế đồng thời xác định nhóm khách hàng mục tiêu (độ tuổi, thu nhập, phong cách,...) trước khi phát triển sản phẩm tạo sự đa dạng mẫu mã.
- Xây dựng thương hiệu: Tổng công đăng ký logo nhận diện thương hiệu tạo sự khác biệt và đảm bảo tính đồng nhất trong các tài liệu truyền thông và quảng bá sản phẩm.
- Quảng bá sản phẩm: Tham gia triển lãm thời trang trong và ngoài nước; xây dựng website bán hàng chuyên nghiệp, dễ sử dụng để quảng bá sản phẩm.
- Tương tác khách hàng: Chăm sóc khách hàng qua các kênh trực tuyến, ghi nhận ý kiến phản hồi để cải thiện sản phẩm và dịch vụ ngày càng tốt hơn.

10.1.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Nhãn hiệu thương mại của Tổng Công ty là NBC, Mattana, Novelty đã được đăng kí với cơ quan hữu quan.

Công ty đã đăng kí sở hữu trí tuệ tên và Logo NBC, Mattana, Novelty với Cục Sở hữu trí tuệ:



10.1.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Tổng Công ty chú trọng trong việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để không chỉ phục vụ người tiêu dùng trong nước mà đáp ứng được nhu cầu đa dạng của thị trường nước ngoài. Cụ thể:

- Tập trung vào nghiên cứu chất liệu vải: Phát triển các loại vải có tính năng đặc biệt như kháng khuẩn, chống nhăn, chống thấm nước, thoáng khí đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng.
- Ứng dụng công nghệ số: Áp dụng công nghệ 3D trong thiết kế, sản xuất tự động nâng cao chất lượng sản phẩm và rút ngắn thời gian chế tạo sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.
- Phát triển sản phẩm cá nhân hóa: Đáp ứng nhu cầu riêng biệt của khách hàng thông qua đặt hàng thiết kế may đo theo yêu cầu.
- Xây dựng thương hiệu xanh: Hướng tới các sản phẩm thân thiện với môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới của Tổng Công ty gắn liền với chiến lược phát triển trung và dài hạn, trong đó có: Mở rộng thêm thị trường Châu Âu, hoàn thiện Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm ngành May, đón đầu các hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết và tham gia.

Chính sách nghiên cứu và phát triển của Tổng Công ty đang tạo ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh, thể hiện qua kết quả tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong bối cảnh thị trường biến động. Việc tập trung nghiên cứu chất liệu vải công nghệ cao, ứng dụng công nghệ số trong thiết kế và sản xuất, phát triển sản phẩm cá nhân hóa, cùng với chiến lược xây dựng thương hiệu xanh đã nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường quốc tế. Mặc dù đối mặt với thách thức từ cạnh tranh quốc tế và biến động chính sách thương mại, triển vọng phát triển của công ty vẫn tích cực nhờ chiến lược R&D đúng đắn, đón đầu xu hướng xanh hóa và số hóa - những động lực tăng trưởng chính của ngành dệt may trong giai đoạn hiện nay.

❖ Đánh giá ảnh hưởng của chính sách nghiên cứu và phát triển đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Chính sách nghiên cứu và phát triển (R&D) của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì lợi thế cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng bền vững. Việc tập trung vào nghiên cứu chất liệu vải công nghệ cao như vải kháng khuẩn, chống nhăn, chống thấm nước, thoáng khí đã giúp Công ty tạo ra những dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của cả thị trường nội địa và quốc tế. Điều này không chỉ mở rộng tập khách hàng mà còn nâng cao biên lợi nhuận nhờ giá bán cao hơn so với các sản phẩm may mặc truyền thống.

Ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là công nghệ 3D trong thiết kế và sản xuất tự động, đã rút ngắn đáng kể thời gian từ khâu thiết kế đến thành phẩm, đồng thời giảm tỷ lệ sai lỗi, tiết kiệm chi phí và gia tăng

khả năng đáp ứng đơn hàng lớn, gấp. Đây là yếu tố then chốt giúp Tổng Công ty duy trì tính cạnh tranh trong bối cảnh ngành may mặc chịu áp lực lớn từ các đối thủ quốc tế về giá và thời gian giao hàng.

Việc phát triển sản phẩm cá nhân hóa cũng mở ra một hướng đi khác biệt, đáp ứng nhu cầu đặt may riêng theo yêu cầu khách hàng, từ đó nâng cao trải nghiệm và độ trung thành của người tiêu dùng. Song song đó, chiến lược xây dựng thương hiệu xanh thông qua sản phẩm thân thiện môi trường, áp dụng quy trình sản xuất bền vững và tuân thủ trách nhiệm xã hội đã giúp Tổng Công ty đáp ứng các tiêu chuẩn xanh của các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Nhật Bản và Mỹ — yếu tố ngày càng được coi trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chính sách R&D còn gắn liền với chiến lược trung và dài hạn, như việc mở rộng thị trường châu Âu, hoàn thiện Trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm ngành may, đón đầu các cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia. Những định hướng này không chỉ góp phần tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ngay trong bối cảnh thị trường biến động, mà còn tạo nền tảng để Tổng Công ty duy trì vị thế trên thị trường quốc tế trong tương lai.

Tuy vẫn phải đối mặt với thách thức từ cạnh tranh toàn cầu và biến động chính sách thương mại, chính sách R&D hiện tại đã và đang tạo ra tác động tích cực, nâng cao năng lực cạnh tranh, đa dạng hóa thị trường, và gia tăng giá trị thương hiệu NBC trên trường quốc tế. Đây là một lợi thế chiến lược giúp Tổng Công ty vững vàng hơn trước các biến động và xu hướng xanh hóa đang lan rộng trong ngành dệt may toàn cầu.

10.1.11. Chiến lược kinh doanh

❖ **Tổng quan về các chiến lược và thời gian dự kiến thực hiện:** Trong 05 – 10 năm tới, Tổng Công ty xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi vẫn là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và sẽ tiếp tục mang sự ổn định và lợi nhuận cho Tổng công ty trong nhiều năm tới. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng phát triển, tìm kiếm thêm các ngành sản xuất kinh doanh mới, may mặc vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trước hết để phục vụ trực tiếp cho hàng may mặc, là giặt, phụ liệu, bao bì,...

❖ **Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến:**

Tổng công ty đang có các khách hàng là nhà bán lẻ có thương hiệu lớn đều cam kết đặt hàng lâu dài, ổn định với Tổng công ty và có khả năng tăng thêm sản lượng hàng năm.

Tổng công ty có bề dày kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu nên có nhiều lợi thế để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường.

Nguồn vốn mà Tổng Công ty sử dụng trong thời gian tới từ nguồn vốn tự có của Tổng Công ty từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, nguồn vốn vay ngân hàng hoặc các nguồn vốn huy động từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu.

10.1.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

11. Chính sách đối với người lao động

Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm 2024. Đến thời điểm 31/12/2024, Số lượng người lao động của NBC là 2.980 người với cơ cấu như sau:

Bảng 15. Số lượng người lao động trong công ty

STT	Tính chất phân loại	31/12/2023		31/12/2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	3.009	100,00%	2.980	100,00%
1	Trình độ trên Đại học	5	0,17%	6	0,20%
2	Trình độ Đại học	215	7,15%	328	11,01%
3	Trình độ Cao đẳng	360	11,96%	392	13,15%
4	Khác	2.429	80,72%	2.254	75,64%
II	Theo loại hợp đồng lao động	3.009	100,00%	2.980	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn	3.009	100,00%	2.930	98,32%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	-	-	50	1,68%
3	Lưu dụng	-	-	0	0%

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP

- Chính sách đào tạo: Tổng Công ty thực hiện chính sách đào tạo cán bộ công nhân viên hàng năm để phù hợp với tốc độ phát triển mở rộng theo chiến lược của Hội đồng quản trị. Đặc biệt, Tổng Công ty chú trọng đào tạo nâng cao kỹ năng quản lý, vận hành thiết bị, và phát triển nhân viên theo từng cấp độ, phù hợp với lộ trình phát triển chung của Tổng Công ty.
- Chính sách lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp:
 - Lương bình quân năm 2024 là 11.415.000 đồng/người;
 - Tổng Công ty thực hiện chính sách trả lương cho cán bộ, công nhân viên một cách công khai, công bằng, với mức lương được liên kết trực tiếp với chất lượng công việc, năng suất và hiệu quả công việc, từ đó tạo động lực cho người lao động phát huy sáng tạo. Bên cạnh đó, Ban điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm chăm lo cho người lao động, cải tiến quy chế phân phối lương, và thực hiện tốt các chính sách tiền lương, tiền thưởng, giúp duy trì thu nhập ổn định và

giữ chân nhân viên. Các giải pháp này cũng góp phần bảo đảm nguồn lực lao động ổn định để hoàn thành mục tiêu sản xuất trong những năm tiếp theo. Đồng thời, Tổng Công ty luôn chú trọng việc cân bằng lợi ích của doanh nghiệp, cổ đông và phúc lợi của người lao động;

- Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được Tổng Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty luôn quan tâm tới đời sống và cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên.
- Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:
 - Công ty không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động, dựa trên kết quả kinh doanh hằng năm Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("ESOP") nhằm khuyến khích, tạo động lực dành cho CBNV luôn nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty; nâng cao vai trò, trách nhiệm gắn với quyền lợi của CBNV; và gắn kết, giữ chân những nhân sự chủ chốt, chất lượng cao làm việc tại Công ty.

12. Chính sách cổ tức

- Hằng năm, sau khi kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ, trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Phương án này được lập dựa trên cơ sở công ty có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế cùng các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ chia cổ tức sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị và căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính vừa qua, cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm tiếp theo.
- Tỷ lệ cổ tức và các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức trong 02 năm gần nhất:

STT	Năm	Tỷ lệ	Giá trị	Hình thức chi trả
1	2022	20%	38.220.000.000	Tiền mặt
2	2023	20%	38.220.000.000	Tiền mặt
3	2024	20%	40.000.000.000	Tiền mặt

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần không thực hiện chào bán chứng khoán trong vòng 02 năm trở lại đây.

14. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Trong 03 năm liên tiếp liền trước năm đăng ký chào bán Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần không thực hiện phát hành trái phiếu.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

16. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Liên quan đến vụ hòa hoãn tại Công ty Cổ phần May Tam Quan và nghĩa vụ bồi thường bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm MIC Bình Minh - Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội (MIC) và bên thứ ba có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần Invest Solar NBC (SOLAR NBC - đơn vị thuê mặt bằng của Công ty Cổ phần May Tam Quan có tài sản bị cháy trong vụ hòa hoãn), theo đó, MIC yêu cầu Công ty Cổ phần May Tam Quan thanh toán nghĩa vụ mà MIC đã thanh toán SOLAR NBC theo Hợp đồng bảo hiểm số 13473/20/HD-TS.1/1.005-PKD9 của SOLAR NBC với MIC, số tiền 4.999.718.797 VNĐ.

Theo Công văn số 15/CV-MTQ ngày 03/11/2021 của Công ty Cổ phần May Tam Quan, Công ty Cổ phần May Tam Quan không tham gia vào việc ký kết hợp đồng bảo hiểm số 13473/20/HD-TS.1/1.005-PKD9 của SOLAR NBC và MIC, do đó không có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng bảo hiểm này. Ngoài ra, theo Hợp đồng số 05/2020/NBC- Tam Quan với SOLAR NBC không đề cập đến trách nhiệm của bên còn lại nếu xảy ra hòa hoãn. Do đó, Công ty Cổ phần May Tam Quan không thanh toán bất cứ khoản tiền tổn thất nào liên quan đến SOLAR NBC và đề nghị MIC thanh toán số tiền tổn thất thực tế là 1.479.573.844 VNĐ.

Ngày 06/01/2022, Công ty Cổ phần May Tam Quan đã gửi Công văn số 01/CV-MTQ đến MIC, đề nghị giải quyết số tiền bảo hiểm mà Công ty cổ phần May Tam Quan được hưởng theo hợp đồng bảo hiểm đã ký với MIC, số tiền 1.479.573.844 VNĐ.

Ngày 11/02/2022, MIC gửi Công văn số 167/2022/MIC-HO đến Công ty Cổ phần May Tam Quan, phản hồi Công văn số 01/CV-MTQ ngày 06/01/2022. Theo đó, MIC nêu rõ trách nhiệm bồi hoàn số tiền bồi thường cho SOLAR NBC là trách nhiệm của Công ty Cổ phần May Tam Quan, do đó, MIC sẽ cản trừ 1.479.573.844 VNĐ tiền bồi thường cho Công ty Cổ phần May Tam Quan, đồng thời Công ty Cổ phần May Tam Quan còn phải trả lại cho MIC số tiền 3.520.144.953 VNĐ.

Ngày 17/02/2022, Công ty Cổ phần May Tam Quan đã gửi Công văn số 03/CV-MTQ đến MIC phản hồi Công văn số 167/2022/MIC-HO 11/02/2022. Theo đó, Công ty Cổ phần May Tam Quan cho rằng việc MIC quy trách nhiệm cho Công ty Cổ phần May Tam Quan là bên thứ ba có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Invest Solar NBC là không có cơ sở pháp lý.

Do chưa thống nhất được phương án giải quyết và xử lý khiếu nại, Ban Tổng Giám đốc chưa thể ước lượng khá chính xác quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần May Tam Quan để tiến hành ghi nhận Tài

sản và Nợ phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Theo đó, việc tranh chấp kiện tụng liên quan nêu trên không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Công ty vẫn đảm bảo nguồn vốn để hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà đầu tư.

17. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc đối tượng đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1 .Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất:

**Bảng 16. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh
(Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	%tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	2.707.243	3.096.388	14,37%	3.002.188
Doanh thu thuần	3.744.287	4.632.182	23,71%	2.328.235
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	44.740	153.064	242,12%	83.995
Lợi nhuận khác	12.645	12.501	(1,14%)	11.487
Lợi nhuận trước thuế	57.385	165.566	188,52%	95.483
Lợi nhuận sau thuế	33.491	134.225	300,78%	78.294
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	114,12%	29,80%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 17. Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	%tăng/giảm	6 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	1.871.764	2.094.922	11,92%	1.977.168
Doanh thu thuần	2.376.385	2.892.765	21,73%	1.247.957
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.153	64.243	30,70%	31.268
Lợi nhuận khác	10.871	129	(98,82%)	3.290
Lợi nhuận trước thuế	60.024	64.372	7,24%	34.559
Lợi nhuận sau thuế	50.966	52.007	2,04%	31.253
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	74,99%	76,91%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

- Các chỉ tiêu khác

a) Báo cáo thay đổi VCSH

Bảng 18. Báo cáo thay đổi VCSH
(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		%tăng/ giảm	30/06/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Vốn góp của chủ sở hữu	191.100	42,68%	200.000	38,53%	4,66%	200.000	36.17%
Quỹ đầu tư phát triển	69.595	15,55%	72.988	14,06%	4,88%	79.152	14.32%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	114.472	25,57%	142.098	27,37%	24,13%	177.181	32.04%
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	72.534	16,20%	104.006	20,04%	43,39%	96.615	17.47%
Tổng cộng	447.701	100,00%	519.092	100,00%	15,95%	552.948	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 19. Báo cáo thay đổi VCSH
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023		31/12/2024		%tăng/ giảm	30/06/2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		Giá trị	Tỷ trọng
Vốn góp của chủ sở hữu	191.100	48,93%	200.000	49,49%	4,66%	200.000	46,95%
Quỹ đầu tư phát triển	43.094	11,03%	45.642	11,30%	5,91%	48.243	11,33%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	156.362	40,04%	158.427	39,21%	1,32%	177.718	41,72%
Tổng cộng	390.556	100,00%	404.069	100,00%	3,46%	425.961	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Bảng 20. Doanh thu hoạt động tài chính
(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.863	18,24%	9.489	13,95%	6.243	19,00%
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.191	3,37%	1.723	2,54%	1.575	5,00%
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	49.619	76,29%	56.788	83,51%	24.723	76,00%
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	1.363	2,10%	-	-	-	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	65.036	100,00%	68.001	100,00%	32.541	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Bảng 21. Doanh thu hoạt động tài chính
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024		6 tháng đầu năm 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.030	11,65%	6.666	11,51%	3.020	8,40%
Lãi cho vay	-	-	-	-	-	0,00%

Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.021	33,17%	14.704	25,38%	19.544	54.38%
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	33.311	55,18%	36.564	63,11%	13.374	37.22%
Tổng cộng	60.363	100,00%	57.934	100,00%	35.938	100,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

▪ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

- Sự thông thoáng hơn của nền kinh tế đã thúc đẩy các nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào Việt Nam, trong đó có ngành cung ứng nguyên phụ liệu dệt may, đây chính là tiền đề thuận lợi để Công ty chủ động phát triển kinh doanh theo hình thức FOB;
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA được kí kết và chính thức có hiệu lực đầu năm 2020 là một cơ hội lớn đối với các sản phẩm xuất khẩu của công ty sang thị trường chủ lực là Châu Âu trong tương lai khi thuế suất được giảm về 0%;
- Việc sử dụng số lượng lao động lớn của Tổng công ty và các công ty con tạo việc làm cho lao động địa phương, giảm tỷ lệ thất nghiệp, giảm chi tiêu hộ nghèo nên được chính quyền các cấp ủng hộ, tạo điều kiện thuận lợi đầu tư sản xuất kinh doanh.

▪ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

- Yêu cầu chất lượng sản phẩm ngày một khắt khe từ các thị trường xuất khẩu lớn như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản,...
- Ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam chưa phát triển tương ứng nên hoạt động sản xuất của doanh nghiệp bị phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu;
- Việc đang ngày càng có nhiều doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn đặt nhà máy trên cùng địa bàn đặt ra những thách thức không nhỏ đối với công ty trong công tác tuyển dụng và giữ chân lao động. Theo đó, công ty cần phải không ngừng nâng cao môi trường làm việc và chính sách lao động để thu hút nguồn lao động chất lượng cao, ổn định cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2. Tình hình tài chính**2.1. Các chỉ tiêu cơ bản**

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ**

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 (số cũ là 4103003232) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/03/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 64 tỷ đồng. Đến nay, Công ty đã thực hiện 05 lần tăng vốn và được Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 27 ngày 04/09/2025. Vốn điều lệ thực góp của NBC đến thời điểm hiện nay là 200 tỷ đồng.

Bảng 22. Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Vốn điều lệ	191.100	200.000	200.000

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Bảng 23. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty

(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I. Nợ phải trả	2.259.542	2.577.296	2.449.240
Nợ ngắn hạn	2.082.565	2.385.798	2.268.879
Nợ dài hạn	176.977	191.497	180.361
II. Vốn Chủ sở hữu	447.701	519.092	552.948
Vốn góp của chủ sở hữu	191.100	200.000	200.000
Quỹ đầu tư phát triển	69.595	72.988	79.152
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	114.472	142.098	177.181
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	72.534	104.006	96.615
Tổng nguồn vốn kinh doanh	2.707.243	3.096.388	3.002.188

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

**Bảng 24. Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty
(Tổng hợp)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I. Nợ phải trả	1.481.209	1.690.853	1.551.207
Nợ ngắn hạn	1.430.990	1.631.319	1.498.595
Nợ dài hạn	50.219	59.534	52.612
II. Vốn Chủ sở hữu	390.556	404.069	425.961
Vốn góp của chủ sở hữu	191.100	200.000	200.000
Quỹ đầu tư phát triển	43.094	45.642	48.243
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	156.362	158.427	177.718
Tổng nguồn vốn kinh doanh	1.871.765	2.094.922	1.977.168

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

b) Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty**Bảng 25. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty
(Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tài sản ngắn hạn	1.936.266	2.311.878	2.218.204
Tài sản dài hạn	770.976	784.510	783.984
Tổng cộng	2.707.242	3.096.388	3.002.188

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

**Bảng 26. Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty
(Tổng hợp)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tài sản ngắn hạn	1.443.258	1.646.287	1.546.955
Tài sản dài hạn	428.506	448.635	430.213
Tổng cộng	1.871.764	2.094.922	1.977.168

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

c) Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Phương tiện vận tải	05 - 07
Máy móc và thiết bị	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Công ty cam kết việc thực hiện xác định thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Chính sách trích khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi và theo đúng quy định của pháp luật.

d) Mức lương bình quân

Mức thu nhập bình quân một tháng của cán bộ công nhân viên của Tổ Chức Phát Hành năm 2024 là 11.415.000 đồng/tháng, tương ứng với 2.980 lao động tính đến thời điểm 31/12/2024. Đây là mức lương cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành, lĩnh vực và địa bàn.

Bảng 27. Mức lương bình quân 03 năm gần nhất

STT	Năm	Số lượng lao động (Người)	Mức lương bình quân (Đồng/tháng)
1	2022	2.921	11.875.000
2	2023	3.009	10.900.000
3	2024	2.980	11.415.000

Nguồn: Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

e) Tình hình công nợ

• Các khoản phải thu

**Bảng 28. Chi tiết các khoản phải thu
(Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	726.466	1.049.196	947.092
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	601.682	925.206	798.920
Trả trước cho người bán ngắn hạn	55.644	30.655	47.776
Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.000	10.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	67.631	89.001	105.915
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.561)	(5.666)	(5.519)
Tài sản thiếu chờ xử lý	71	0	0
II. Các khoản phải thu dài hạn	15.348	14.462	14.462
Phải thu dài hạn khác	15.348	14.462	14.462
Tổng cộng	741.814	1.063.658	961.554

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

**Bảng 29. Chi tiết các khoản phải thu
(Tổng hợp)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	761.052	899.927	790.427
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	551.855	707.515	590.057
Trả trước cho người bán ngắn hạn	110.480	81.007	62.885
Phải thu ngắn hạn khác	100.656	113.438	139.371
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(1.939)	(2.033)	(1.886)
II. Các khoản phải thu dài hạn	27.348	27.291	21.291
Phải thu dài hạn khác	27.348	27.291	21.291
Tổng cộng	788.400	927.218	811.719

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

❖ Tình hình nợ xấu như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	Tuổi nợ	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025		Đánh giá khả năng thu hồi
			Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn								
-	CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hưng Phát	> 3 năm	-	-	2.000	-	2.000	-	Không có khả năng thu hồi
2	Phải thu khách hàng ngắn hạn								
-	Công ty TNHH Asia Garment	> 3 năm	713	214	713	-	713	-	Không có khả năng thu hồi
-	Các đối tượng khác	> 3 năm	5.516	454	2.568	71	2.568	71	Có khả năng thu hồi
3	Phải thu khác ngắn hạn								
-	Các đối tượng khác	> 3 năm	-	-	598	142	598	142	Có khả năng thu hồi
	Tổng cộng		6.230	668	5.880	214	5.880	214	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Nguyên nhân của các khoản quá hạn:

Tổng Công ty ghi nhận một số khoản phải thu quá hạn trên 3 năm, bao gồm cả các khoản không có khả năng thu hồi và các khoản có thể thu hồi một phần. Đáng chú ý, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại CTCP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hưng Phát với giá trị gốc 2 tỷ đồng đã quá hạn nhiều năm và được đánh giá là không có khả năng thu hồi do đối tác gặp khó khăn nghiêm trọng về tài chính hoặc đã ngừng hoạt động, không có cơ sở pháp lý hoặc tài sản đảm bảo để thực hiện thu hồi. Tương tự, khoản phải thu khách hàng ngắn hạn từ Công ty TNHH Asia Garment với giá trị 713 triệu đồng tồn tại liên tục

từ 2023 đến nay cũng được đánh giá không thể thu hồi, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc khách hàng mất khả năng thanh toán. Bên cạnh đó, một số khoản phải thu khách hàng khác và phải thu khác ngắn hạn, dù cũng đã quá hạn trên 3 năm, vẫn được đánh giá có khả năng thu hồi một phần. Các khoản này chủ yếu liên quan đến các đối tác vẫn đang hoạt động, có thiện chí thanh toán và có cơ sở pháp lý để đòi nợ. Trên cơ sở đã trao đổi trực tiếp với khách hàng, doanh nghiệp đã thống nhất lộ trình và kế hoạch thu hồi, xác định giá trị mà đối tác có khả năng thanh toán. Tuy nhiên, tiến độ thu hồi dự kiến vẫn chậm và giá trị có thể thu hồi thấp hơn đáng kể so với giá trị gốc.

Theo đó, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giá trị các khoản nợ xấu nêu trên. Công ty đang quyết liệt áp dụng các biện pháp để thu hồi tất cả các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi này.

- Các khoản phải trả

**Bảng 30. Chi tiết các khoản phải trả
(Hợp nhất)**

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I. Nợ ngắn hạn	2.082.565	2.385.798	2.268.879
Phải trả người bán ngắn hạn	229.777	248.822	298.599
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	81.567	80.080	46.750
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.018	24.501	31.081
Phải trả người lao động	183.082	213.449	154.818
Chi phí phải trả ngắn hạn	43.656	53.489	47.667
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23.965	1.365	17.691
Phải trả ngắn hạn khác	66.856	45.041	71.964
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.395.725	1.677.707	1.550.194
Quỹ khen thưởng phúc lợi	41.919	41.344	50.115
II. Nợ dài hạn	176.977	191.497	180.361
Người mua trả tiền trước dài hạn	19.037	21.087	16.175
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	23.113	22.448	22.448
Phải trả dài hạn khác	12.327	20.813	13.744
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	109.895	113.827	114.706
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	12.605	13.322	13.288
Tổng cộng	2.259.542	2.577.295	2.449.240

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Bảng 31. Chi tiết các khoản phải trả
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I. Nợ ngắn hạn	1.430.990	1.631.319	1.498.595
Phải trả người bán ngắn hạn	192.213	176.045	213.056
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.567	33.017	30.745
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.523	5.691	9.996
Phải trả người lao động	73.343	75.467	34.254
Chi phí phải trả ngắn hạn	40.385	49.747	40.905
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	23.965	1.463	17.740
Phải trả ngắn hạn khác	18.040	10.193	16.804
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.040.791	1.256.211	1.105.365
Quỹ khen thưởng phúc lợi	21.163	23.485	29.730
II. Nợ dài hạn	50.218	59.533	52.612
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	26.332	25.569	25.642
Phải trả dài hạn khác	10.623	9.994	3.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13.263	23.970	23.970
Tổng cộng	1.481.208	1.690.852	1.551.207

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

• **Tình hình thanh toán các khoản nợ**

Tổ Chức Phát Hành luôn thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ đến hạn bao gồm nợ vay gốc và lãi, cũng như các khoản phải trả cho người bán, người lao động và các khoản phải nộp khác. Các nghĩa vụ này được thực hiện kịp thời theo thỏa thuận và quy định, qua đó góp phần duy trì uy tín tín dụng và mối quan hệ hợp tác bền vững với các đối tác, tổ chức tín dụng và cơ quan quản lý. Hiện tại Công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

Tổ Chức Phát Hành không phát sinh trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

• **Trái phiếu chưa đáo hạn:** Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

g) Các khoản phải nộp theo luật định

Bảng 32. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước
(Hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Thuế GTGT	6.322	4.470	15.494
Thuế xuất, nhập khẩu	-	36	57
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.330	17.091	12.118
Thuế thu nhập cá nhân	1.445	2.375	1.199
Thuế tài nguyên	5	1	2
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	302	0	1.740
Các loại thuế, các khoản phải nộp Nhà nước khác	614	528	471
Tổng cộng	16.018	24.501	31.081

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Bảng 33. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước
(Tổng hợp)

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Thuế GTGT	3.678	1.965	8.081
Thuế xuất, nhập khẩu	-	36	57
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.658	-
Thuế thu nhập cá nhân	930	1.505	847
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	302	0	812
Các loại thuế, các khoản phải nộp Nhà nước khác	614	528	199
Tổng cộng	5.523	5.691	9.996

Nguồn: Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

Các loại thuế, phí phải nộp theo luật định đã được Tổ Chức Phát Hành thực hiện kê khai và nộp đúng theo các quy định hiện hành. Công ty nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động theo luật định.

Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Công ty đã có một số khoản thuế kê khai chưa chính xác. Do đó, trong đợt quyết toán thuế giai đoạn 5 năm, cơ quan thuế và hải quan đã xác định các nghĩa vụ bổ sung và xử phạt, với tổng số tiền là 7.941.084.162 đồng. Trong năm 2024, Công ty đã chủ động và kịp thời thực hiện đầy đủ việc nộp toàn bộ số tiền này theo các quyết định, thông báo của cơ quan chức năng,

bao gồm: Quyết định số 5091&5092-QĐ-CT ngày 23/12/2024 của Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh là 4.701.274.947 đồng, Thông báo số 1305/TB-KTSTQ ngày 14/08/2024 của Cục Hải quan là 2.041.497.773 đồng, Quyết định số 639/QĐ-XPHC ngày 22/08/2024 của Cục Hải quan là 1.129.685.754 đồng và các khoản phạt khác là 68.625.688 đồng.

h) Trích lập các quỹ

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ Công ty và luật có liên quan. Mức trích lập cụ thể theo từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 34. Số dư các quỹ

Đơn vị: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Quỹ đầu tư phát triển	69.595	72.988	79.152
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	41.919	41.344	50.115

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

i) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ.

Chính phủ đặt ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 đạt 8% trở lên trong bối cảnh kinh tế thế giới năm 2025 được dự báo đang dần trở lại quỹ đạo tăng trưởng, xu hướng phục hồi rõ nét hơn nhưng không đồng đều giữa các quốc gia. Các tổ chức như OECD, IMF và EU nhận định tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu trong năm 2025 tăng nhẹ hoặc ổn định ở mức 3,2%-3,3%. Tuy nhiên, nền kinh tế toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều rủi ro thách thức như xung đột và căng thẳng địa chính trị, chuỗi cung ứng toàn cầu còn yếu do bất ổn địa chính trị, thiếu hụt nguồn cung, lạm phát đang hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, rủi ro lãi suất tăng và biến động tỷ giá hối đoái. Bên cạnh đó, những chính sách kinh tế mới của chính quyền Tổng thống Mỹ Donald Trump dự kiến sẽ tác động sâu sắc hơn đến tình hình kinh tế thế giới nói chung và nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, ngành dệt may sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng từ xu hướng tiêu dùng giảm tại các thị trường xuất khẩu lớn như Mỹ, EU và Nhật Bản. Đồng thời, sự phục hồi sản xuất của Trung Quốc và Bangladesh đặt ra áp lực cạnh tranh mạnh mẽ đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Ngành cũng phải thích ứng với các tiêu chuẩn ESG và chuỗi cung ứng bền vững để duy trì lợi thế xuất khẩu trong các hiệp định thương mại tự do (FTA). Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có cơ hội mở rộng thị phần nhờ chính sách đa dạng hóa nguồn cung của các tập đoàn toàn cầu và việc dịch chuyển chuỗi cung ứng ra khỏi Trung Quốc.

Đối với Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần, những biến động vĩ mô này đặt ra cả cơ hội lẫn thách thức. Doanh nghiệp có thể hưởng lợi từ việc tham gia sâu hơn vào các chuỗi cung ứng quốc tế,

tận dụng FTA để gia tăng đơn hàng xuất khẩu. Tuy nhiên, rủi ro tỷ giá và chi phí nguyên liệu đầu vào gia tăng có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của công ty. Để duy trì tăng trưởng, Ban lãnh đạo NBC đặt biệt chú trọng các vấn đề về tối ưu hóa chi phí sản xuất, đẩy mạnh tự động hóa, mở rộng danh mục sản phẩm và tìm kiếm thị trường mới nhằm giảm sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 35. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
(Hợp nhất)**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TS ngắn hạn /Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,93	0,97
Hệ số thanh toán nhanh: <i>(TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,60	0,68
Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,83	0,83
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	5,05	4,97
Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,32	1,60
Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,82	2,18
Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4,26	5,44
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	0,89	2,90
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	1,18	4,63
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	7,36	27,77
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.661	6.711

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

❖ Phân tích hệ số tài chính

• Khả năng thanh toán

Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, Tổng Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn để tài trợ nguồn vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, theo đó khoản vay và nợ thuê tài chính chiếm hơn 50% cơ cấu nguồn vốn, do đó hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn duy trì ở mức nhỏ hơn 1. Bên cạnh đó, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, dẫn đến hệ số thanh toán nhanh giữ ở mức 0,6. Tuy nhiên, các hệ số khả năng thanh toán tăng qua từng năm thể hiện Tổng Công ty duy trì, cải thiện và đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn.

• Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản duy trì ở mức cao 0,83–0,84 lần, cho thấy Tổng Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính lớn. Tuy nhiên, hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm dần qua các năm từ 5,43 xuống 4,97 lần, phản ánh sự gia tăng của vốn chủ sở hữu, nguyên nhân chủ yếu là do kết quả hoạt động kinh doanh được cải thiện và Tổng Công ty tích lũy lợi nhuận giữ lại. Việc duy trì đòn bẩy cao một phần do đặc thù ngành cần vốn lưu động lớn để phục vụ và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

• Năng lực hoạt động

Các vòng quay thể hiện năng lực hoạt động đều cải thiện trong năm 2024 khi tình hình kinh doanh thuận lợi và đạt kết quả tốt. Các chỉ tiêu này sụt giảm trong năm 2023 khi ngành dệt may gặp nhiều khó khăn ở cả thị trường trong nước và xuất khẩu. Theo đó, vòng quay tổng tài sản giảm mạnh năm 2023 (1,32 vòng), sau đó phục hồi lên 1,60 vòng năm 2024, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,26 vòng lên 5,44 vòng.

• Khả năng sinh lời

Hệ số ROS giảm mạnh năm 2023 (0,89%) do áp lực chi phí nguyên liệu nhập khẩu, cạnh tranh gay gắt và suy giảm đơn hàng từ thị trường Mỹ, EU. Năm 2024, hệ số ROS này phục hồi giữ mức 2,90% nhờ tăng trưởng doanh thu, kiểm soát chi phí và tận dụng cơ hội từ EVFTA. Theo đó, ROA và ROE năm 2024 cũng phục hồi mạnh lần lượt ở mức 4,63% và 27,77%, EPS cũng tăng mạnh từ 1.661 đồng lên 6.711 đồng, phản ánh hiệu quả cải thiện rõ rệt.

**Bảng 36. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
(Tổng hợp)**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,01	1,01

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số thanh toán nhanh: (<i>TS ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,69	0,74
I. Cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,79	0,81
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	3,79	4,18
Năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,23	1,46
Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,57	1,87
Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	3,84	5,21
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	2,14%	1,80%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	2,64%	2,62%
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	13,28%	13,09%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.667	2.600

Nguồn: Báo cáo tài chính Tổng hợp năm 2022, 2023, 2024 đã được kiểm toán của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần

❖ Phân tích hệ số tài chính

• Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn duy trì ổn định ở mức 1,01 lần trong giai đoạn năm 2023-2024, cho thấy Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ trong ngắn hạn. Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, dẫn đến hệ số thanh toán nhanh ở mức dưới 1. Mặc dù vậy, hệ số thanh toán nhanh duy trì tăng qua các năm trong giai đoạn năm 2023-2024, phản ánh sự cải thiện và đảm bảo trong khả năng thanh toán của Công ty.

• Cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản duy trì ở mức cao 0,79–0,81 lần, cho thấy Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính lớn. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng nhẹ từ 3,79 lần năm 2023 lên 4,18 lần năm 2024. Nguyên nhân là do Công ty mẹ tăng vay nợ ngắn hạn để gia tăng hoạt động sản xuất kinh doanh, tận dụng cơ hội thuận lợi từ thị trường xuất khẩu.

- **Năng lực hoạt động**

Các vòng quay thể hiện năng lực hoạt động đều cải thiện trong năm 2024, phản ánh việc đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa từ phục hồi đơn hàng xuất khẩu. Theo đó, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,23 (2023) lên 1,46 vòng (2024), vòng quay hàng tồn kho đạt 5,21 vòng năm 2024.

- **Khả năng sinh lời**

Các chỉ tiêu ROA, ROE và ROS ở báo cáo tổng hợp không tăng mạnh như ở hợp nhất do chỉ phản ánh kết quả riêng của công ty mẹ, trong khi phần lớn lợi nhuận tăng thêm đến từ các công ty con. ROA duy trì mức 2,6% vì quy mô tài sản lớn, bao gồm cả đầu tư dài hạn và tài sản cố định, nhưng lợi nhuận ròng tăng chậm. ROE giảm dần do vốn chủ sở hữu tăng nhanh hơn lợi nhuận, chịu tác động từ chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí tài chính cao. ROS năm 2024 ở mức 1,80% giảm so với mức 2,14% năm 2023 do giá nguyên liệu và chi phí logistics tăng, đồng thời doanh thu từ các mảng biên lợi nhuận cao chưa chiếm tỷ trọng đáng kể.

❖ **Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập về các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:** Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam đối với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết

thức cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam đối với Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam đối với Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên soát xét 2025:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm Toán CPA Việt Nam đối với Báo cáo tài chính tổng hợp bán niên soát xét 2025:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	
		Kế hoạch	% so với năm trước
Tổng Doanh thu và thu nhập (Triệu đồng)	2.958.793	3.200.000	108%

Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	52.007	60.000	120%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/ Tổng Doanh thu và thu nhập	1,76%	1,88%	-
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	27,77%	30,0%	-
Tỷ lệ cổ tức	20%	12% đến 20%	-

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP

Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên: ĐHĐCĐ MNB là cấp có thẩm quyền thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của MNB. *(Chỉ tiêu được thông qua: Tổng Doanh thu và thu nhập; Lợi nhuận sau thuế; Tỷ lệ cổ tức)*

• **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

- Đảm bảo thực hiện tốt các đơn hàng của khách hàng về số lượng, chất lượng và thời gian giao hàng:
 - Các công ty con, chi nhánh của Công ty phải đạt tiêu chuẩn đánh giá của khách hàng;
 - Tiết kiệm chi phí, tối ưu hóa hoạt động sản xuất nhằm đưa ra đơn giá cạnh tranh đến với khách hàng;
- Đảm bảo số lượng và chất lượng lao động phục vụ sản xuất kinh doanh:
 - Thực hiện đúng cam kết các chính sách với người lao động;
 - Tăng thu nhập cho người lao động;
 - Tăng các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Liên tục cải tiến hệ thống, tăng năng suất lao động:
 - Sắp xếp nhà máy sạch gọn theo tiêu chuẩn 5S;
 - Sản xuất tinh gọn, tiết kiệm chi phí, thời gian sản xuất;
 - Cải tiến phương pháp quản lý máy móc thiết bị, giảm thiểu thời gian sửa chữa, bảo dưỡng;
 - Đầu tư thêm thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

• **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán FPT đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang triển khai. Chúng tôi nhận thấy rằng, Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần có vị thế hoạt động trong ngành, có đội ngũ cán bộ công

nhân viên có chuyên môn và Ban lãnh đạo có bản lĩnh, năng động trong sản xuất kinh doanh, đầu tư các dự án của Công ty.

Dựa trên kết quả kinh doanh các năm vừa qua, chúng tôi cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty trong năm 2025 là có tính khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

5. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo

Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng trong 3 năm tiếp theo.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần được Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 lần đầu ngày 24/3/2005. Từ thời điểm thành lập Công ty đến hiện tại đã được hơn 3 năm, căn cứ Khoản 3 Điều 120 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, cổ đông sáng lập của Công ty được tự do chuyển nhượng cổ phiếu.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Đối với cổ đông là cá nhân

STT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Bà Trần Linh Trang	28/06/1970	Việt Nam	1.420.000	7,10%

*Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/05/2025 do VSDC cung cấp
[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*

2.2. Đối với cổ đông là tổ chức

STT	Tên cổ đông	Năm thành lập	Số GDKDN	Quốc tịch	Địa chỉ trụ sở chính	Vốn điều lệ	Người đại diện theo pháp luật	Người đại diện theo ủy quyền tại NBC	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ/VDL (%)
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	2010	0100100008	Việt Nam	25 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội	5.000 tỷ VNĐ	Cao Hữu Hiếu - Tổng Giám đốc	Phạm Phú Cường Nguyễn Ngọc Lân	5.040.000	25,20%
2	Công ty Cổ phần 4M	2015	0312575412	Việt Nam	Tòa nhà M-Building, Số 09 Đường số 8, Khu A, ĐTM Nam Thành Phố, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh	80 tỷ VNĐ	Nguyễn Thị Tịnh Tâm - Giám đốc	Nguyễn Thị Tịnh Tâm	4.878.706	24,39%

Nguồn: Danh sách người sở hữu chứng khoán tại ngày 30/05/2025 do VSDC cung cấp

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTPC

BẢN CÁO BẠCH

2.3. Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của cổ đông lớn tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau khi chuyển đổi/thực hiện quyền:

STT	Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn	Chức vụ tại TCPH/ Mỗi quan hệ với cổ đông lớn	Thời điểm trở thành cổ đông lớn		Thời điểm hiện tại (30/05/2025) (*)		Dự kiến sau chuyển đổi		Tỷ lệ sở hữu
			Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Ngày trở thành cổ đông lớn 24/03/2005)	Cổ đông lớn	5.040.000	5.040.000	27,69%	5.040.000	5.040.000	7.308.000	25,20%
1.1	Ông Phạm Phú Cường	Người Đại diện vốn	-	-	-	325.622	325.622	472.152	1,63%
		Cá nhân sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Người Đại diện vốn	-	-	-	3.129.000	3.129.000	4.535.600	15,64%
		Cá nhân sở hữu	-	-	-	176.700	176.700	256.215	0,88%
		Đại diện sở hữu	-	-	-	1.911.000	1.911.000	2.772.400	9,56%
		Cá nhân sở hữu	-	-	-	-	-	-	-
-	Người có liên quan khác của cổ đông Tập đoàn Dệt may Việt Nam không nắm giữ cổ phần của MNB tính đến thời điểm 30/05/2025.								

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTPC

BẢN CÁO BẠCH

STT	Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn	Chức vụ tại TCPH/Mỗi quan hệ với cổ đông lớn	Thời điểm trở thành cổ đông lớn			Thời điểm hiện tại (30/05/2025) (*)			Dự kiến sau chuyển đổi		
			Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
2	Công ty Cổ phần 4M (Ngày trở thành cổ đông lớn 31/03/2015)	Cổ đông lớn	1.780.000	1.780.000	9,78%	4.878.706	4.878.706	24,39%	7.074.124	7.074.124	24,39%
-	Nguyễn Thị Tịnh Tâm	Người Đại diện vốn	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-		Cá nhân sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-		Đại diện sở hữu	1.780.000	1.780.000	9,78%	4.878.706	4.878.706	24,39%	7.074.124	7.074.124	24,39%
-	Người có liên quan khác của cổ đông Công ty Cổ phần 4M không nắm giữ cổ phần của MNB tính đến thời điểm thời điểm 30/05/2025.										
3	Bà Trần Linh Trang (Ngày trở thành cổ đông lớn 26/10/2018)	Cổ đông lớn	1.420.000	1.420.000	7,8%	1.420.000	1.420.000	7,1%	2.059.000	2.059.000	7,1%
-	Người có liên quan của cổ đông Trần Linh Trang không nắm giữ cổ phần của MNB tính đến thời điểm thời điểm 30/05/2025										

(*) Ghi chú: Theo danh sách cổ đông chốt ngày 30/05/2025 do VSDC cung cấp

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

2.4. Các Hợp đồng, Giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ và Tổ chức phát hành;

Không có

2.5. Các Lợi ích liên quan của cổ đông lớn, những người có liên quan của họ

Không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám Đốc
5	Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG PHẠM PHÚ CƯỜNG – CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Họ và tên: Phạm Phú Cường
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 27/09/1970
- CCCD: 049070022499 Ngày cấp: 24/11/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh Tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng;
 - + Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex.
- Quá trình công tác:
 - + 05/1997 - 08/1999 : Cán bộ phòng Kế hoạch Công ty May Nhà Bè
 - + 09/1999 - 09/2001 : Phó phòng Kế hoạch Công ty May Nhà Bè
 - + 10/2001 - 08/2003 : Quyền Trưởng phòng Kế hoạch Công ty May Nhà Bè
 - + 09/2003 - 04/2004 : Trưởng phòng Kế hoạch Công ty May Nhà Bè
 - + 05/2004 - 03/2007 : Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè

- + 08/2007 - 04/2010 : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè
- + 04/2010 - 12/2016 : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè
- + 01/2017 - đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty May Nhà Bè
- + 01/2014 - đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
- + 03/2016 - đến nay : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện Tập đoàn Dệt may Việt Nam: 3.129.000 cổ phần, chiếm: 15.64% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 325.622 cổ phần, chiếm: 1.63% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:
 - Phạm Thị Thanh Nhân (Em ruột) nắm giữ: 16.100 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 0,08% vốn điều lệ
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Bà Phạm Thị Thanh Nhân (Em ruột) nắm giữ: 16.100 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ: 0,08% vốn điều lệ.
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao HĐQT (đồng)	180.000.000	180.000.000	180.000.000
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	921.003.192	1.018.194.276	1.201.696.123
3	Cổ tức (đồng)	471.244.000	471.244.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 58.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 90.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Lân
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 09/09/1971
- CCCD: 079071042831 Ngày cấp: 18/07/2023 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 07/1994 - 08/2005 : Trưởng nhóm CBMH Công ty Dệt May Thăng Lợi
 - + 08/2005 - 11/2005 : Trợ lý Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè
 - + 11/2005 - 09/2008 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Tiền
 - + 09/2008 - 12/2010 : Trưởng Phòng KHTT - XNK Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 12/2010 - 01/2013 : Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 01/2013 - 12/2016 : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 01/2017 - đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện Tập đoàn Dệt may Việt Nam: 1.911.000 cổ phần, chiếm 9,56% vốn điều lệ
 - + Cá nhân sở hữu: 176.700 cổ phần, chiếm 0,88% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao HĐQT (đồng)	120.000.000	120.000.000	120.000.000
2	Tiền lương, thưởng	826.566.080	892.291.842	1.060.136.900

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
	(đồng)			
3	Cổ tức (đồng)	183.400.000	183.400.000	0
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 56.700 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	Số lượng được phân phối: 85.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có				
▪ Các khoản nợ đối với NBC: Không có				

ÔNG NGUYỄN XUÂN ĐÔNG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Họ và tên: Nguyễn Xuân Đông
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 13/11/1970
- CCCD: 001070048919 Ngày cấp: 23/07/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Thành viên Hội đồng quản trị
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Len Hà Đông;
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng;
 - + Thành viên Hội đồng quản trị Tập Đoàn Dệt May Việt Nam.
- Quá trình công tác:
 - + 10/2007 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Len Hà Đông
 - + 2018 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 2018 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng
 - + 07/2020 - nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú
 - + 06/2021 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có

+ Cá nhân sở hữu: 20.500 cổ phần, chiếm 0,1% vốn điều lệ

+ Sở hữu của người có liên quan:

- Nguyễn Thị Anh Đào (Em ruột) nắm: 398.900 cổ phần, chiếm 1,99% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Bà Nguyễn Thị Anh Đào (Em ruột) nắm: 398.900 cổ phần, chiếm 1,99% vốn điều lệ.
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao HĐQT (đồng)	96.000.000	96.000.000	96.000.000
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	-	-	-
3	Cổ tức	21.000.000	21.000.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 10.500 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 10.000 Giá mua: 10.000 đồng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

ÔNG ĐOÀN MINH ĐỨC - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Đoàn Minh Đức
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 13/07/1971
- CCCD: 079071046810 Ngày cấp: 22/11/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè
- Quá trình công tác:
 - + 07/1994 - 10/2004 : Nhân viên phòng Xuất nhập khẩu và đầu tư Công ty Dệt Thăng Lợi

- + 11/2004 - 09/2006 : Trợ lý trưởng phòng Xuất nhập khẩu, phụ trách Marketing Công ty Dệt Thắng Lợi
- + 10/2006 - 11/2006 : Phó phòng kinh doanh Bedding Công ty Dệt Thắng Lợi
- + 12/2006 - 02/2007 : Quyền Trưởng phòng kinh doanh Bedding Công ty Dệt Thắng Lợi
- + 03/2007 - 06/2008 : Nhân viên Công ty Cổ phần May Nhà Bè
- + 07/2008 - 02/2012 : Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh Doanh Nhà Bè
- + 03/2012 - nay : Giám đốc trung tâm Mattana Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 04/2016 - 06/2021 : Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 03/2021 - 07/2024 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè
- + 7/2024 - nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè
- + 06/2021 - 07/2023 : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 07/2023 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 56.100 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao HĐQT (đồng)	-	60.000.000	120.000.000
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	665.349.770	768.302.844	903.360.301
3	Cổ tức (đồng)	42.200.000	42.200.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 21.100 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng		Số lượng được phân phối: 0 35.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

ÔNG NGUYỄN HỮU TÂM - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Nguyễn Hữu Tâm
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 05/09/1974
- CCCD: 083074005678 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 10/1998 - 04/2004 : Nhân viên phòng Kế hoạch thị trường Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 05/2004 - 03/2008 : Tổ trưởng tổ FOB nhóm thị trường Châu Âu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 04/2008 - 02/2020 : Phó phòng Kế hoạch thị trường - Xuất nhập khẩu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 01/2021 - 02/2023 : Trưởng nhóm Sales Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 03/2023 - 09/2024 : Giám đốc điều hành kiêm Giám đốc Trung tâm Thị trường và Điều hành sản xuất Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 10/2024 – 06/2025 : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 06/2025 – đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần.
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 71.400 cổ phần, chiếm 0,36% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thưởng thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	527.318.719	670.773.354	771.142.144
3	Cổ tức (đồng)	42.800.000	42.800.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 17.400 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 50.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có				

- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

3.2. Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Phan Văn Hải	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát

ÔNG PHAN VĂN HẢI - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: Phan Văn Hải
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/01/1967
- CCCD: 052067000224 Ngày cấp: 03/06/2022 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Trưởng Ban Kiểm soát
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 01/1991 - 11/1993 : Nhân viên Phòng kế toán Xí nghiệp Cà phê Bình Định
 - + 12/1993 - 06/1996 : Nhân viên Phòng kế toán Công ty May Nhà Bè
 - + 07/1996 - 05/2003 : Phó Phòng Kế toán Công ty May Nhà Bè
 - + 06/2003 - 03/2005 : Trưởng Phòng Kế toán Công ty May Nhà Bè

- + 04/2005 - 03/2008 : Kế toán trưởng Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 04/2008 - đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 212.857 cổ phần, chiếm 1,06% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan:
 - Tạ Thanh Trúc (Vợ) nắm: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% VDL
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Bà Tạ Thanh Trúc (Vợ) nắm: 10.000 cổ phần, chiếm 0,05% VDL
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao BKS (đồng)	120.000.000	120.000.000	120.000.000
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	678.810.709	791.300.005	1.015.320.902
3	Cổ tức (đồng)	191.922.000	191.922.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 74.600 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 80.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Thảo
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 06/08/1979
- CCCD: 082179000522 Ngày cấp: 29/05/2018 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Thành viên Ban kiểm soát
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 05/2002 - 02/2004 : Nhân viên kế toán Công ty May Nhà Bè
 - + 02/2004 - 06/2008 : Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần May Phú Thịnh – Nhà Bè
 - + 07/2008 - 08/2018 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần May Phú Thịnh – Nhà Bè
 - + 09/2018 - nay : Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 55.600 cổ phần, chiếm 0,28% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao BKS (đồng)	60.000.000	60.000.000	60.000.000
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	237.537.629	279.370.909	306.508.429
3	Cổ tức (đồng)	61.200.000	61.200.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 29.400 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	Số lượng được phân phối: 25.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có

- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

BÀ PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- Họ và tên: Phạm Thị Thanh Phương
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 08/02/1975

- CCCD: 056175007259 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chuyên viên Ban tài chính - kế toán Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - + 01/2002 - 01/2016 : Chuyên viên phòng kế toán Công ty Kinh Doanh hàng Thời Trang Việt Nam
 - + 03/2016 - 08/2017 : Phụ trách kế toán Viện mẫu thời trang
 - + 09/2017 - nay : Chuyên viên Ban tài chính - kế toán Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
 - + 05/2018 - nay : Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 6.000 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao BKS (đồng)	36.000.000	36.000.000	36.000.000
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	-	-	-
3	Cổ tức (đồng)	6.000.000	6.000.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 3.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 3.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có

- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

3.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc
2	Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc
6	Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
8	Ông Đào Duy Lẹ	Phó Tổng Giám đốc
9	Ông Nguyễn Hữu Tâm	Phó Tổng Giám đốc
10	Ông Đặng Minh Tuyến	Kế toán trưởng

ÔNG NGUYỄN NGỌC LÂN - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Ngọc Lân - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc xem phần Sơ yếu lý lịch của HĐQT.

BÀ LÊ THỊ NGỌC DIỆU - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Lê Thị Ngọc Diệu
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 25/12/1969
- CCCD: 079169002651 Ngày cấp: 05/09/2016 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng công nghệ may
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Tiền
- Quá trình công tác:
 - + 08/2000 - 12/2001 : Chuyển trường - Xí nghiệp May 7 Công ty May Nhà Bè
 - + 12/2001 - 03/2002 : Trưởng ca Xí nghiệp may Veston Công ty May Nhà Bè
 - + 03/2002 - 08/2002 : Phó Giám đốc Xí nghiệp May Veston Công ty May Nhà Bè
 - + 08/2000 - 08/2003 : Quyền Giám đốc Xí nghiệp May 11 Công ty May Nhà Bè

- + 08/2003 - 01/2005 : Quyền Giám đốc Khu B Công ty May Nhà Bè
- + 01/2005 - 03/2005 : Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty May Nhà Bè
- + 03/2005 - 10/2008 : Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Tiền
- + 10/2008 - 01/2013 : Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 02/2013 - 06/2023 : Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 07/2023 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 137.162 cổ phần, chiếm 0,69% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao (đồng)	120.000.000	60.000.000	-
2	Tiền lương, thưởng (đồng)	407.905.625	455.304.085	520.774.502
3	Cổ tức (đồng)	274.324.000	274.324.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 41.300 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	-

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

ÔNG MAI VĂN HOÀNG DŨNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Mai Văn Hoàng Dũng
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 03/05/1967
- CCCD: 079067034753 Ngày cấp: 20/12/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học ngoại thương

- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 09/1988 - 03/2002 : Nhân viên Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 04/2002 - 12/2009 : Phó phòng Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 01/2010 - 12/2016 : Trưởng phòng Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 01/2017 - 05/2021 : Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 06/2021 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 79.404 cổ phần, chiếm 0,397% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	671.200.023	784.320.854	912.646.571
3	Cổ tức (đồng)	88.808.000	88.808.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 36.900 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 35.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có

- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

BÀ LÊ THỊ HÀ CHI - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Lê Thị Hà Chi
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 24/04/1971
- CCCD: 079171017993 Ngày cấp: 02/08/2022 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

+ 2003 - 2007	:	Phó phòng Kế hoạch sản xuất Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
+ 2007 - 2008	:	Phó phòng TCLĐ Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
+ 2009 - 2010	:	Giám đốc Trung Tâm Tiếp thị và cung ứng hàng thời trang Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
+ 2010 - nay	:	Giám đốc Trung Tâm Thời Trang Novelty Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
+ 2016 - 2021	:	Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
+ 2021 - nay	:	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):

- + Đại diện sở hữu: Không có
- + Cá nhân sở hữu: 81.200 cổ phần, chiếm 0,41% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan:
 - Lê Thị Hà Ngọc (Em ruột) nắm 3.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Bà Lê Thị Hà Ngọc (Em ruột) nắm 3.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	672.382.587	771.902.253	901.566.867
3	Cổ tức (đồng)	92.400.000	92.400.000	0
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 29.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	Số lượng được phân phối: 35.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có

- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

ÔNG ĐOÀN MINH ĐỨC - THÀNH VIÊN HĐQT KIỂM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sơ yếu lý lịch của Ông Đoàn Minh Đức - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc xem phần Sơ yếu lý lịch của HĐQT.

BÀ DƯƠNG THỊ TUYẾT - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Dương Thị Tuyết
- Giới tính: Nữ Ngày sinh: 21/02/1966
- CCCD: 079166027717 Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kỹ thuật
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 08/2002 - 03/2003 : Trưởng Ca - Xí Nghiệp May 6 Công ty May Nhà Bè
 - + 04/2003 - 09/2004 : Giám Đốc Xí Nghiệp May 6B Công ty May Nhà Bè
 - + 10/2004 - 06/2005 : Giám Đốc Xí Nghiệp May 1 Công ty May Nhà Bè
 - + 07/2005 - 03/2008 : Giám Đốc Công ty Cổ phần May Gia Lai - Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 03/2008 - 03/2016 : Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 04/2016 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
- + Đại diện sở hữu: Không có
- + Cá nhân sở hữu: 31.355 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	491.695.898	478.816.219	539.353.440
3	Cổ tức	62.710.000	62.710.000	-

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	-	-
	+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có			
	▪ Các khoản nợ đối với NBC: Không có			

ÔNG LÊ THANH HOÀNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Lê Thanh Hoàng
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 15/03/1964
- CCCD: 060064005579 Ngày cấp: 25/09/2022 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 10/1985 - 06/1993 : Cán bộ tổng hợp phòng kế hoạch nghiệp vụ Công ty Thương Nghiệp Bình Thuận
 - + 07/1993 - 12/2005 : Giám đốc Công ty May Xuất nhập khẩu Bình Thuận
 - + 01/2006 - 12/2010 : Giám đốc Công ty Cổ phần May Bình Thuận – Nhà Bè
 - + 01/2011 - 03/2016 : Giám đốc điều hành Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
 - + 04/2016 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 24.600 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	775.423.798	899.123.615	782.664.101
3	Cổ tức (đồng)	49.200.000	49.200.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 16.600 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	-
+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có				
▪ Các khoản nợ đối với NBC: Không có				

ÔNG ĐÀO DUY LỆ - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Họ và tên: Đào Duy Lệ
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 20/05/1963
- CCCD: 052063019693 Ngày cấp: 28/09/2021 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Phó Tổng Giám đốc
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:
 - + 04/1989 - 12/1989 : Nhân viên Xí nghiệp dầu thực vật Hoài Nhơn
 - + 01/1990 - 06/1992 : Trưởng trạm Xí nghiệp dầu thực vật Hoài Nhơn
 - + 07/1992 - 09/1996 : Phụ trách tổng hợp Xí nghiệp dầu thực vật Phù Mỹ
 - + 10/1996 - 01/1998 : Giám đốc Xí nghiệp dầu thực vật Phù Mỹ
 - + 02/1998 - 03/1999 : Cán bộ Ban tổ chức huyện ủy Hoài Nhơn
 - + 04/1999 - 12/2001 : Phó Giám đốc Xí nghiệp may Tam Quan
 - + 01/2002 - 12/2008 : Giám đốc Xí nghiệp may Tam Quan
 - + 01/2009 - 06/2009 : Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần may Bình Định
 - + 07/2009 - 05/2024 : Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần may Tam Quan

- + 11/2019 - nay : Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 11.300 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
 - Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
 - Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	351.427.693	500.059.769	405.418.839
3	Cổ tức (đồng)	22.600.000	22.600.000	-
4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 6.300 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	-	-

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

ÔNG NGUYỄN HỮU TÂM - THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sơ yếu lý lịch của Ông Nguyễn Hữu Tâm - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc xem phần Sơ yếu lý lịch của HĐQT.

ÔNG ĐẶNG MINH TUYẾN - KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Họ và tên: Đặng Minh Tuyến
- Giới tính: Nam Ngày sinh: 23/09/1983
- CCCD: 072083002573 Ngày cấp: 06/10/2023 Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- Các chức vụ công tác hiện nay tại NBC: Kế toán trưởng
- Các chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Quá trình công tác:

- + 09/2006 - 12/2008 : Trợ lý Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
- + 01/2009 - 03/2013 : Trưởng nhóm kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
- + 04/2013 - 02/2017 : Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
- + 03/2017 - 07/2017 : Chuyên viên kế toán quản trị Công ty Cổ phần Việt Tinh Anh
- + 08/2017 - 11/2017 : Phó Ban kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân
- + 04/2018 - 02/2022 : Phó phòng kế toán Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 03/2022 - 06/2022 : Trưởng phòng kế toán Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- + 07/2022 - nay : Kế toán trưởng Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại NBC (tính đến ngày 30/05/2025):
 - + Đại diện sở hữu: Không có
 - + Cá nhân sở hữu: 35.100 cổ phần, chiếm 0,16% vốn điều lệ
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không có
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có
- Lợi ích khác liên quan đối với NBC:
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác nhận được:

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Thưởng thù lao (đồng)	-	-	-
2	Tiền lương (đồng)	407.879.723	459.171.821	606.034.139
3	Cổ tức (đồng)	20.200.000	20.200.000	-

4	Quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP	Số lượng được phân phối: 10.100 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng	Số lượng được phân phối: 25.000 cổ phiếu Giá mua: 10.000 đồng
---	---	--	--

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành, công ty con của Tổ chức phát hành, công ty do Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của họ: Không có
- Các khoản nợ đối với NBC: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Tên trái phiếu**

Trái phiếu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần

2. Loại trái phiếu

Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền.

3. Mệnh giá

100.000 đồng/trái phiếu.

4. Tổng số lượng trái phiếu chào bán

1.800.000 (Bằng chữ: Một triệu tám trăm nghìn) trái phiếu.

5. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá

180.000.000.000 (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ) đồng.

6. Kỳ hạn trái phiếu

02 (Bằng chữ: Hai) năm

7. Lãi suất

7.1. Lãi suất Trái Phiếu: cố định 5%/Năm (Bằng chữ: Năm phần trăm)

7.2. Cách tính lãi Trái Phiếu:

Lãi Trái Phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Trái Phiếu} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu} \times \text{Lãi suất Trái Phiếu (\%/năm)} \times \text{Số ngày thực tế theo năm dương lịch của Kỳ Tính Lãi}/365$$

Để làm rõ, số ngày thực tế theo dương lịch của (i) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được tính từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó, và (ii) mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính từ và bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi ngay trước đó cho đến nhưng không bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó.

8. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc**8.1. Kỳ hạn trả lãi**

Được trả định kỳ 01 năm/lần, vào ngày tròn 1 năm kể từ Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên), hoặc kể từ ngày trả lãi liền kề trước đó (đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo) (“Ngày Trả Lãi”). Nếu Ngày Trả Lãi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết thì việc thanh toán lãi Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

8.2. Kỳ hạn trả gốc

100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành.

9. Giá chào bán:

100.000 VND/Trái Phiếu (*Bằng chữ: Một trăm nghìn đồng trên 1 trái phiếu.*)

10. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động

Các nghĩa vụ chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (đều là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

11. Quyền của người sở hữu trái phiếu**❖ Quyền cơ bản của người sở hữu trái phiếu:**

- Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu;
- Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm lãi Trái Phiếu khi đến hạn và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu;
- Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

❖ Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu: Không có.**12. Phương thức thực hiện quyền**

12.1. Chuyển đổi Trái Phiếu: 100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành.

Việc chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phiếu được thực hiện không phụ thuộc vào yêu cầu của trái chủ. Do đó, Trái Phiếu của đợt chào bán sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu theo quy định tại thời điểm chuyển đổi, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm chuyển đổi. (Trừ trường hợp người sở hữu Trái Phiếu không được thực hiện chuyển đổi do giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty, Công ty sẽ thực hiện thanh toán gốc trái phiếu trong trường hợp không chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm chuyển đổi).

12.2. Đợt Chuyển Đổi: Trái Phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trong 01 đợt (đợt như vậy được gọi là “**Đợt Chuyển Đổi**”). Đợt Chuyển Đổi: Vào ngày tròn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

12.3. Cổ phần được chuyển đổi từ Trái Phiếu: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

12.4. Giá chuyển đổi: 20.000 (Bằng chữ: Hai mươi nghìn) VNĐ/cổ phần phổ thông.

12.5. Tỷ lệ chuyển đổi: Tỷ lệ chuyển đổi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chuyển đổi} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu}}{\text{Giá chuyển đổi}} = 5$$

Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 5 cổ phần phổ thông).

12.6. Phương pháp tính và đề bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền:

100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành, do vậy khi đến đợt chuyển đổi, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển đổi đầy đủ theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của các trái chủ, các cổ đông và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

Trong trường hợp người sở hữu Trái Phiếu đã hoàn thành trách nhiệm của họ liên quan đến việc thực hiện chuyển đổi trái phiếu tại đợt chuyển đổi (ngoại trừ trường hợp không thể chuyển đổi trái phiếu của nhà đầu tư nước ngoài thành cổ phiếu do các giới hạn về tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài) nhưng Tổ Chức Phát Hành không thể phát hành cổ phiếu mới cho trái chủ đó thì Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại phần trái phiếu đăng ký chuyển đổi đó trước hạn trong thời hạn 30 Ngày Làm Việc sau khi Tổ Chức Phát Hành thông báo về việc không thể phát hành cổ phần mới cho trái chủ đó, với giá mua lại bằng mệnh giá trái phiếu và toàn bộ lãi chưa thanh toán trong vòng số ngày còn lại tính lãi đó cộng với (+) lãi phát sinh đến ngày Tổ Chức Phát Hành thực hiện.

13. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành, do đó trái phiếu sẽ không được mua lại trước hạn.

14. Phương thức phân phối

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:9 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 9 Trái Phiếu. Tổng số Trái Phiếu mà mỗi cổ đông được mua sẽ được xác định trên cơ sở tổng số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông và theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Phương thức phân phối: Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông hiện hữu để chào bán trái phiếu chuyển đổi theo quy định và thực hiện việc chào bán trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu theo danh sách được chốt. Tổng khối lượng trái phiếu phát hành là 1.800.000 trái phiếu, toàn bộ số trái phiếu này sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu với mức giá được Đại hội đồng cổ đông thông qua với giá 100.000 đồng/trái phiếu.
- Bảo lãnh phát hành: Không.

15. Đăng ký mua trái phiếu

- **Đối tượng phát hành:** (1) Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái Phiếu theo quy định và (2) các tổ chức/cá nhân khác do HĐQT quyết định (Đối với số lượng Trái Phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, Trái Phiếu lẻ (bao gồm phần lẻ thập phân) (nếu có)).
- **Tỷ lệ thực hiện:** 100:9 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 9 Trái Phiếu.
Tổng số Trái Phiếu mà mỗi cổ đông được mua sẽ được xác định trên cơ sở tổng số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông và theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- **Phương án xử lý Trái Phiếu lẻ và Trái Phiếu không phân phối hết:** Số lượng Trái Phiếu chào bán cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 65 cổ phần phổ thông của MNB sẽ được quyền mua = $(65 \times 9)/100 = 5,85$ trái phiếu. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 5 trái phiếu.
Số lượng Trái Phiếu mà cổ đông hiện hữu từ chối mua hoặc đăng ký mua không hết, Trái phiếu lẻ (bao gồm phần lẻ thập phân của Trái Phiếu) (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức/cá nhân khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, theo các điều kiện chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định pháp luật.
- **Phương thức đăng ký mua và thanh toán:** (i) việc đăng ký mua Trái Phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành tại thông báo phát hành có liên quan; và (ii) thời gian tối thiểu cho nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 ngày theo quy định của pháp luật;
Phương thức thanh toán: Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu chuyển đổi sẽ thực hiện chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Tổ Chức Phát Hành được quy định tại Báo cáo bạch này và theo hướng dẫn đặt mua của Tổ Chức Phát Hành tại các thông báo phát hành có liên quan.
- **Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký mua Trái Phiếu:** theo hướng dẫn tại thông báo phát hành.

16. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

Sau khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành chào bán các Trái Phiếu ra công chúng theo quy định của pháp luật. Dự kiến thời gian chào bán theo lịch trình sau:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	Ngày UBCKNN cấp Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu chuyển đổi ra công chúng.	T

2	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán	T+1 đến T+7
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu: Cổ đông hiện hữu đăng ký mua và nộp tiền mua trái phiếu.	T+7 đến T+37
4	Xử lý số trái phiếu không bán hết	T+37 đến T+55
5	Báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	T +55 đến T+60
6	UBCKNN ban hành văn bản thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán	T+60 đến T+65
7	Tổ Chức Phát Hành làm thủ tục chuyển giao trái phiếu cho nhà đầu tư đồng thời đăng ký niêm yết Trái phiếu	T+65 đến T+95

17. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Người sở hữu Trái Phiếu được quyền tự do chuyển nhượng Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi Tổ Chức Phát Hành hoàn tất thủ tục niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Trừ trường hợp Nhà đầu tư nước ngoài nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi trong đợt chào bán trái phiếu cho cổ đông hiện hữu không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại MNB.
- Cổ đông sở hữu quyền mua Trái Phiếu được chuyển nhượng 01 (một) lần.

18. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu

- Tên chủ tài khoản: TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
- Số tài khoản: 113002997885
- Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam – Chi nhánh 4 Tp. Hồ Chí Minh

19. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức phát hành

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

20. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

- Căn cứ Công văn số 5803/UBCK-PTTT ngày 29/8/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.
 - Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/05/2025, Công ty có 06 cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty là 52.922 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ.
- Nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi trong đợt chào bán trái phiếu cho

cổ đông hiện hữu không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại MNB, Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thực hiện phân phối trái phiếu chào bán cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, đảm bảo cổ đông (bao gồm cổ đông trong nước và nước ngoài) không được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài.

- Hội đồng quản trị cam kết không phân phối số trái phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số trái phiếu lẻ cho các Nhà đầu tư nước ngoài.
- Người Sở Hữu Trái Phiếu không được chuyển nhượng trái phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Tại thời điểm chuyển đổi, Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định tại phương án phát hành và phải tuân thủ các quy định của pháp luật tại từng thời điểm về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

- Tổng số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải đảm bảo nằm trong giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Tổ Chức Phát Hành từng thời kỳ theo đúng quy định;
- Trong trường hợp đến ngày đáo hạn Trái Phiếu, nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền chuyển đổi một phần/toàn bộ Trái Phiếu do giới hạn tỷ lệ nắm giữ, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ thực hiện mua lại phần Trái Phiếu chưa được thực hiện chuyển đổi với giá bằng mệnh giá Trái Phiếu chưa chuyển đổi cộng lãi Trái Phiếu tương ứng chưa thanh toán đến thời điểm thực hiện mua lại (nếu có);

21. Các loại thuế có liên quan

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toán về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

21.1. Thuế thu nhập cá nhân

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

21.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

21.3. Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Theo quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

21.4. Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSDC ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

21.5. Các loại thuế khác

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

Quyết toán thuế chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

22. Thông tin về các cam kết

Tại thời điểm ký Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về: (i) điều kiện chào bán Trái Phiếu chuyển đổi ra công chúng, (ii) việc thanh toán lãi Trái Phiếu, (iii) việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.
- Không có bất kỳ khoản nợ nào quá hạn trên 01 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
- Thực hiện niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi kết thúc đợt chào bán.
- Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSDC nhưng không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Tổ Chức Phát Hành cam kết Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. Tổ Chức Phát Hành hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết.

23. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024, Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP dự kiến sử dụng nguồn vốn huy động từ đợt chào bán Trái phiếu để thanh toán các khoản nợ vay của Công ty. Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 42/2025/NQ-HĐQT ngày 14/08/2025 dùng vốn huy động từ đợt chào bán Trái phiếu để thanh toán một phần các khoản thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn/dài hạn của Công ty.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**1. Kế hoạch sử dụng vốn**

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu là 180.000.000.000 VNĐ (Một trăm tám mươi tỷ đồng). Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán nợ vay các ngân hàng, theo nguyên tắc ưu tiên từ trên xuống dưới, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (ĐVT: đồng)	Thời gian thực hiện/giải ngân dự kiến
1	Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) (*)	Trả nợ hợp đồng Tín dụng	60.000.000.000	Quý III – Quý IV/2025
2	Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) (**)	Trả nợ hợp đồng Tín dụng	60.000.000.000	
3	Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) (***)	Trả nợ hợp đồng Tín dụng	60.000.000.000	
Tổng			180.000.000.000	

Các ngân hàng trên đều không có liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ ưu tiên dùng số tiền thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần nêu trên.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

(*) Chi tiết thông tin về các hợp đồng tín dụng:

STT	Chỉ tiêu	Nội dung
I	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	
	(*) Hợp đồng số 64/98099/24-DN1/N-CTD ngày 14/08/2024	
1	Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành	Không
2	Hợp đồng tín dụng	64/98099/24-DN1/N-CTD ngày 14/08/2024
-	Hợp đồng sửa đổi bổ sung số	64/98099/24-DN1/N-CTD-SĐ1 ngày 18/03/2025
3	Hạn mức tín dụng tối đa	406.875.780.000 đồng
-	Hạn mức tín dụng tối đa theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung	340.000.000.000 đồng
4	Lãi suất	Theo từng khế ước nhận nợ

STT	Chỉ tiêu	Nội dung
5	Thời hạn cấp hạn mức	Từ ngày 14/08/2024 đến ngày 14/08/2025
6	Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
7	Tổng dư nợ tại ngày 27/06/2025	317.527.362.984 đồng (Tương đương với Dư nợ bằng USD là 2.508.624,47 USD và Dư nợ bằng VND là 252.834.613.534 VND)
8	Dư nợ dự kiến sẽ thanh toán từ tháng 9 đến tháng 12/2025	226.438.052.239 đồng (Tương đương với Dư nợ bằng USD là 1.790.246,87 USD và Dư nợ bằng VND là 180.015.346.216 VND)
Ghi chú: Hợp đồng tín dụng số 64/98099/24-DN1/N-CTD ngày 14/08/2024 được ký kết để tiếp nối Hợp đồng tín dụng số 0053/2328/N-CTD ký ngày 15/05/2023; theo đó, hạn mức cấp tín dụng quy định tại Hợp đồng 64/98099/24-DN1/N-CTD đã bao gồm hạn mức cấp tín dụng của Hợp đồng 0053/2328/N-CTD.		
II	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) (***) Hợp đồng số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 08/07/2024 và Hợp đồng số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/04/2025	
1	Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành	Không
2	Hợp đồng cho vay hạn mức	01/2024/HĐCVHM/NHCT 908-TCT NBC ngày 08/07/2024 và 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/04/2025
3	Hạn mức tín dụng tối đa	600.000.000.000 đồng
4	Lãi suất	Được ghi trên từng giấy nhận nợ
5	Thời hạn cấp hạn mức	Từ ngày 08/07/2024 đến ngày 08/07/2025
6	Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
7	Tổng dư nợ tại ngày 27/06/2025	509.877.493.577 đồng (Tương đương với Dư nợ bằng USD là 6.273.546,79 USD và Dư nợ bằng VND là 347.365.123.990 VND)
8	Dư nợ dự kiến sẽ thanh toán từ tháng 9 đến tháng 12/2025	308.451.089.934 đồng (Tương đương với Dư nợ bằng USD là 3.821.051,34 USD và Dư nợ bằng VND là 208.837.212.932 VND)

STT	Chỉ tiêu	Nội dung
III	Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) (***)Hợp đồng số 212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024	
1	Mối quan hệ với Tổ chức phát hành và người có liên quan của Tổ chức phát hành	Không
2	Hợp đồng tín dụng	212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024
3	Hạn mức tín dụng tối đa	320.000.000.000 đồng
4	Lãi suất	Lãi suất trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm.
5	Thời hạn cấp hạn mức	Từ ngày 22/05/2024 đến ngày 15/08/2025
6	Mục đích vay	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng.
7	Tổng dư nợ tại ngày 27/06/2025	131.690.522.508 đồng (Tương đương với Dư nợ bằng USD là 4.686.599,72 USD và Dư nợ bằng VND là 10.030.671.955 VND)
8	Dư nợ dự kiến sẽ thanh toán từ tháng 9 đến tháng 12/2025	90.368.992.193 đồng (Tương đương với Dư nợ bằng USD là 3.067.743,36 USD và Dư nợ bằng VND là 10.030.671.955 VND)

Ghi chú: Giá trị quy đổi tương ứng sang VND của khoản vay bằng USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) và Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) được xác định theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày giải ngân của từng khoản vay.

Để làm rõ, theo phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng là 180.000.000.000 đồng được Công ty sử dụng để trả nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (gọi tắt là “Vietcombank”), Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (gọi tắt là “VietinBank”) và Ngân hàng TMCP Quân đội (gọi tắt là “MBBank”)

Do đây là khoản nợ vay để bổ sung vốn lưu động của Công ty nên Hợp đồng tín dụng hạn mức chỉ có thời hạn 01 năm và được Công ty ký kết hằng năm hoặc ký phụ lục hợp đồng về việc gia hạn thời gian giải ngân. Kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng mới hoặc Phụ lục hợp đồng về việc gia hạn thời gian giải

ngân, toàn bộ dư nợ vay của Công ty tại Vietcombank, VietinBank và MBBank sẽ được chuyển tiếp từ Hợp đồng cũ sang Hợp đồng mới, và Hợp đồng cũ sẽ hết hiệu lực giải ngân.

Hiện tại, khoản nợ vay của Công ty đang được các ngân hàng giải ngân như sau:

- Vietcombank giải ngân theo Hợp đồng cấp tín dụng số 64/98099/24-DN1/N-CTD ngày 14/08/2024 với hạn mức tối đa là 406.875.780.000 đồng và được sửa đổi bổ sung theo hợp đồng số 64/98099/24-DN1/N-CTD-SĐ1 ngày 18/03/2025 với hạn mức tối đa là 340.000.000.000 đồng. Đến tháng 8 năm 2025, giữa Công ty và Vietcombank sẽ tiến hành ký tiếp Hợp đồng tín dụng mới cho kỳ tiếp theo hoặc Phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian cấp hạn mức tín dụng của Hợp đồng cấp tín dụng số 64/98099/24-DN1/N-CTD ngày 14/08/2024.
- VietinBank giải ngân theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 08/07/2024 với hạn mức tối đa là 600.000.000.000 đồng. Đến tháng 04/2025, giữa Công ty và VietinBank đã ký tiếp Hợp đồng cho vay hạn mức mới cho kỳ tiếp theo số 01/2025/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 04/04/2025 để cung cấp hạn mức tín dụng với hạn mức tối đa là 700.000.000.000 đồng, hạn mức bao gồm các khoản nợ đã cấp theo hợp đồng số 01/2024/HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 08/07/2024 và thời gian duy trì hạn mức từ ngày 04/04/2025 đến hết ngày 04/4/2026.
- MBBank giải ngân theo Hợp đồng cấp tín dụng số 212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024 với hạn mức tối đa là 320.000.000.000 đồng. Đến tháng 05/2025, giữa Công ty và MBBank đã ký văn bản sửa đổi bổ sung văn kiện cho hợp đồng tín dụng số 212649.24.103.773157.TD.PL01 ngày 22/05/2025 để sửa đổi thời hạn duy trì hạn mức tín dụng của Hợp đồng số 212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024, thời gian duy trì hạn mức từ ngày 22/05/2025 đến hết ngày 15/08/2025. Trong tháng 8 năm 2025, Công ty và MBBank sẽ tiến hành ký tiếp Hợp đồng tín dụng mới cho kỳ tiếp theo hoặc Phụ lục hợp đồng để gia hạn thời gian cấp hạn mức tín dụng của Hợp đồng số 212649.24.103.773157.TD ngày 22/05/2024.

Trên cơ sở thời gian dự kiến phát hành trong Quý III – Quý IV năm 2025, Công ty sẽ sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (dự kiến 180.000.000.000 đồng) để trả nợ vay tại Vietcombank, VietinBank và MBBank đối với các khoản nợ có thời gian đáo hạn trong khoảng thời gian từ Tháng 9/2025 đến Tháng 12/2025.

2. Kế hoạch trả nợ

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** được trả định kỳ 01 năm/lần, vào ngày tròn 1 năm kể từ Ngày Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu trong trường hợp mua lại phần Trái phiếu chưa được chuyển đổi của Nhà đầu tư nước ngoài do giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài:** Tùy tình hình thực tế, Tổ Chức

Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh của Công ty và/hoặc (ii) vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được mua lại của Nhà đầu tư nước ngoài do giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi. Theo kế hoạch kinh doanh của MNB, nguồn tiền thu được từ hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác, sau khi khấu trừ nghĩa vụ thuế với Nhà nước, các nghĩa vụ tài chính và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán gốc Trái Phiếu trong trường hợp Trái phiếu của Nhà đầu tư nước ngoài không được chuyển đổi do giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

- Dự phòng dòng tiền trả nợ trái phiếu thu được từ đợt chào bán:

- Nguồn tiền trả nợ Trái Phiếu Chuyển Đổi: Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- Dòng tiền trả nợ trái phiếu của Tổ chức Phát hành:

Thông số Trái Phiếu Chuyển đổi

Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá):	180.000.000.000 VNĐ
Thời gian dự kiến phát hành	Dự kiến trong Quý III – Quý IV năm 2025
Kỳ hạn trái phiếu	2 năm
Lãi suất trái phiếu dự kiến	cố định 5%/Năm

Dự phóng dòng tiền trả lãi trái phiếu thu được từ đợt chào bán của Tổ chức Phát hành

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	45.220	80.000	90.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-22.650	-45.000	-36.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-34.500	-46.000	-38.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-11.930	-11.000	16.000
Tiền và tương đương tiền đầu năm	189.396	177.466	166.466
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	177.466	166.466	182.466

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN**❖ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trụ sở chính : Số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (028) 38720077 – (028) 38729124 Fax: (028) 38725107

Website : <https://www.nhabe.com.vn>

❖ TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT**

Trụ sở chính : Số 52 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 19006446 Fax: (024) 37739058

CN TP. HCM : Tầng 3, Tòa nhà 136 - 138 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 19006446 Fax: (028) 62910607

Website : www.fpts.com.vn

❖ TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Địa chỉ : Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.

Điện thoại : (024) 37832121 Fax: (024) 37832122

Website : <http://cpavietnam.vn/>

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

❖ Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn đã thu thập được về Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần và đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty Cổ phần Chứng Khoán FPT có một số nhận định như sau:

Tổng giá trị Trái Phiếu chuyển đổi chào bán ra công chúng của NBC là 180.000.000.000 đồng theo mệnh giá, tương đương 90% vốn điều lệ của NBC. Mục đích, phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán đã được ĐHĐCĐ của NBC thông qua, phù hợp với quy định của pháp luật.

Bên cạnh những rủi ro được đề cập trong Bản cáo bạch này, FPTS đánh giá việc phát hành trái phiếu chuyển đổi từ đợt phát hành này là cần thiết phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của công ty và mang tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính và chứng khoán nói chung. Những nhận xét dành cho Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu cũng như sự thành công của đợt phát hành và chỉ mang tính chất tham khảo.

❖ Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có. Vì trong đợt chào bán này, NBC đã ký Hợp đồng dịch vụ với Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT với tư cách là Tổ Chức Tư Vấn - thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu chuyển đổi của NBC. Do vậy, NBC không sử dụng hay thuê dịch vụ tư vấn của bất kỳ chuyên gia nào khác cho đợt chào bán này.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Ngoài các thông tin về rủi ro, những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành đã được trình bày một cách công khai, minh bạch và đầy đủ trong Bản Cáo Bạch này, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành nhận thấy không có thông tin quan trọng nào khác có thể ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư cần có những đánh giá khách quan và tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng và nhận định một cách đầy đủ các nhân tố rủi ro trước khi có quyết định đầu tư vào Trái Phiếu.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN

Tp. Hồ Chí Minh, Ngày 26 Tháng 09 Năm 2025

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ – CTCP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM PHÚ CƯỜNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC LÂN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐẶNG MINH TUYẾN

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



ĐINH QUANG THUẬN

XIII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398889 do Sở Tài chính Tp. Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 24/3/2005, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 04/09/2025

2. Phụ lục II: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

- Nghị quyết ĐHĐCD bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCD ngày 31/10/2024; Tờ trình số 01/TTr - MNB ngày 07/10/2024 về việc Thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCD ngày 27/06/2025; Tờ trình về việc Tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và thông qua niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng ngày 06/06/2025.
- Nghị quyết của HĐQT số 42/2025/NQ-HĐQT ngày 14/08/2025 về việc triển khai Phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.
- Nghị quyết số 34/NQ-HĐQT ngày 14/07/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

3. Phụ lục III: Điều lệ công ty

4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023, 2024 đã được kiểm toán; Công văn đính chính số 131/CV/MNB ngày 14/08/2025 và Báo cáo tài chính tổng hợp và hợp nhất kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã soát xét.

5. Phụ lục VI: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác

- Văn bản số 107/MNB ngày 14/07/2025 về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư.



Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT
(V/v ủy quyền)

TỔNG GIÁM ĐỐC

- Căn cứ vào Quyết định số 59/UBCK-GP ngày 13 tháng 07 năm 2007 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài chính về việc cấp giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Căn cứ Quyết định số 08-2022/QĐ/HĐQT/FPTS ngày 18 tháng 07 năm 2022 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT về việc tái bổ nhiệm ông Nguyễn Điệp Tùng tiếp tục giữ vị trí Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT;
- Căn cứ vào quyết định số 584/QĐ-UBCK của UBCKNN ngày 24/10/2007 về việc chấp thuận lập chi nhánh Công ty Cổ phần chứng khoán FPT tại Hồ Chí Minh (Sau đây gọi tắt là FPTS HCM);
- Xét yêu cầu công việc.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ủy quyền cho Ông Đinh Quang Thuận – Giám đốc Tư vấn Tài chính doanh nghiệp FPTS HCM, phụ trách phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp trực thuộc Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT được:

1. Ký kết các loại hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn sau của FPTS:
 - Hợp đồng tư vấn cổ phần hoá;
 - Hợp đồng tư vấn bảo lãnh phát hành;
 - Hợp đồng tư vấn đăng ký niêm yết/ hủy đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch/ hủy đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - Hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán, phát hành chứng khoán;
 - Hợp đồng tư vấn quan hệ nhà đầu tư, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn hoàn thiện doanh nghiệp;
 - Và các hợp đồng khác trong phạm vi cung cấp dịch vụ Tư vấn Tài chính doanh nghiệp;
2. Ký ban hành các Quyết định liên quan đến việc tổ chức đấu giá chứng khoán tại FPTS;
3. Ký các báo cáo định kỳ về tư vấn hồ sơ chào bán, đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu nộp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
4. Ký các văn bản, hồ sơ, tài liệu tư vấn liên quan để thực hiện các công việc trong phạm vi cung cấp dịch vụ tư vấn nêu tại Khoản 1 Điều này như: Bản cáo bạch, bản công bố thông tin, Báo cáo tư vấn v.v...;
5. Ký các văn bản, công văn trao đổi với cơ quan ban ngành: Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư, v.v...;



6. Ký các văn bản, hồ sơ tham dự thầu, thỏa thuận liên doanh tham dự thầu và các hồ sơ liên quan để tham gia thầu, đấu thầu trong phạm vi cung cấp dịch vụ tư vấn nêu tại Khoản 1 Điều này;
7. Ký các văn bản, công văn trao đổi với Khách hàng (dưới các hình thức thư điện tử hoặc thư tín) trong quá trình bán hàng, thực hiện các phạm vi công việc và chăm sóc khách hàng giai đoạn sau bán hàng.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2027.

Điều 3: Ông Đinh Quang Thuần và các cán bộ liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VT



NGUYỄN ĐIỆP TÙNG



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0300398889

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 03 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 27, ngày 04 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHA BE GARMENT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHABECO

2. Địa chỉ trụ sở chính

số 4 Bến Nghé, Phường Tân Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028.38720077 - 028.38729124

Số Fax: 028.38725107

Thư điện tử: info@nhabe.com.vn

Website: <https://www.nhabe.com.vn>

3. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 20.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN NGỌC LÂN

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 09/09/1971

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 079071042831

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *số 227 Võ Thành Trang, Phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 08.299... Quyển số: SCT/BS

Ngày 10-09-2025 tháng 9 năm 2025

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG TÂN THUẬN



Cao Quốc Bình

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Võ Thành Thơ

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 ngày 31/10/2024.

Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP nhất trí thông qua Nghị quyết như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Tờ trình số 01/TTr-MNB về việc thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 19.367.215 CP chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2: Thông qua Tờ trình số 02/TTr-MNB về việc Thông qua việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 19.367.215 CP chiếm tỷ lệ 100 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3: Điều khoản thi hành

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 31/10/2024.
- Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc và các cổ đông của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

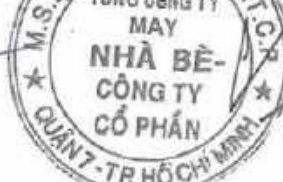
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Website: www.nhabe.com.vn;
- Lưu.



Nguyễn Ngọc Lân

TP.HCM, ngày 31 tháng 10 năm 2024

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHẠM PHÚ CƯỜNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 09 năm 2025

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2024

V/v: Thông qua Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần ("Công ty");

Hội đồng Quản trị ("HDQT") Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng với nội dung như sau:

- Tổ chức phát hành:** Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần ("Tổ Chức Phát Hành")
- Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá):** 180.000.000.000 VNĐ (Một trăm tám mươi tỷ đồng)
- Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền.
- Số lượng phát hành:** 1.800.000 Trái Phiếu
- Số lượng đợt phát hành:** 01 đợt phát hành
- Mệnh giá trái phiếu:** 100.000 VNĐ/Trái Phiếu
- Giá phát hành:** Bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu
- Loại tiền phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND hoặc VND)
- Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái Phiếu theo quy định.
Đối với số lượng Trái Phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, Trái Phiếu lẻ (bao gồm phần lẻ thập phân) (nếu có) ... sau khi kết thúc thời hạn chào bán cho cổ đông hiện hữu thì số lượng Trái Phiếu đó sẽ được chào bán cho tổ chức/cá nhân khác. Ủy quyền cho HDQT ra quyết định chào bán cho các tổ chức/cá nhân khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, theo các điều kiện chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định pháp luật.
- Phương thức phát hành:** Trái Phiếu được phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, theo quy định của pháp luật hiện hành.

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 13 tháng 09 năm 2025



Nguyễn Ngọc Lan

- 11. Tỷ lệ thực hiện:** 100:9 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 9 Trái Phiếu.
- Tổng số Trái Phiếu mà mỗi cổ đông được mua sẽ được xác định trên cơ sở tổng số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông và theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- 12. Phương án xử lý Trái Phiếu lẻ và Trái Phiếu không phân phối hết:** Số lượng Trái Phiếu chào bán cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 65 cổ phần phổ thông của MNB sẽ được quyền mua = $(65 \times 9)/100 = 5,85$ trái phiếu. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 5 trái phiếu.
- Số lượng Trái Phiếu mà cổ đông hiện hữu từ chối mua hoặc đăng ký mua không hết, Trái phiếu lẻ (bao gồm phần lẻ thập phân của Trái Phiếu) (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức/cá nhân khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, theo các điều kiện chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định pháp luật.
- 13. Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn:** Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu là 180.000.000.000 VNĐ (Một trăm tám mươi tỷ đồng). Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán nợ vay, theo nguyên tắc ưu tiên từ trên xuống dưới, cụ thể như sau:
- | STT | Mục đích sử dụng | Số tiền dự kiến sử dụng (ĐVT: đồng) | Thời gian thực hiện/giải ngân dự kiến |
|-------------|---|-------------------------------------|--|
| 1 | Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank). | 60.000.000.000 | Trong năm 2025 sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| 2 | Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank) | 60.000.000.000 | |
| 3 | Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank) | 60.000.000.000 | |
| Tổng | | 180.000.000.000 | |
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết. Trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.
- Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ ưu tiên dùng số tiền thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần nêu trên.
- Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.
- 14. Thời gian phát hành:** Sau khi Tổ Chức Phát Hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra Công chúng, dự kiến trong năm 2025.
- 15. Ngày phát hành Trái Phiếu:** Ngày Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả phát hành Trái Phiếu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("Ngày Phát Hành").

16. **Kỳ hạn Trái Phiếu:** 2 năm kể từ Ngày Phát Hành.
17. **Ngày đáo hạn:** Ngày tròn 2 năm kể từ Ngày Phát Hành (“Ngày Đáo Hạn”).
18. **Kế hoạch bố trí nguồn vốn để thanh toán lãi Trái Phiếu:** Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán lãi Trái Phiếu khi đến hạn.
19. **Chuyển nhượng Trái Phiếu:** Người sở hữu Trái Phiếu (“Người Sở Hữu Trái Phiếu”) được quyền tự do chuyển nhượng Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi Tổ Chức Phát Hành hoàn tất thủ tục niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).
20. **Kỳ tính lãi:** Là mỗi giai đoạn kéo dài 12 tháng liên tục kể từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (“Kỳ Tính Lãi”).
21. **Lãi suất Trái Phiếu:** cố định 5%/Năm
22. **Cách tính lãi Trái Phiếu:**

Lãi Trái Phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Trái Phiếu} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu} \times \text{Lãi suất Trái Phiếu} \times \frac{\text{Số ngày thực tế theo năm dương lịch của Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

Để làm rõ, số ngày thực tế theo dương lịch của (i) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được tính từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó, và (ii) mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính từ và bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi ngay trước đó cho đến nhưng không bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó.

23. Thời hạn trả lãi Trái Phiếu:

Đối với lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ 01 năm/lần, vào ngày tròn 1 năm kể từ Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên), hoặc (ii) kể từ ngày trả lãi liền kề trước đó (đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo) (“Ngày Trả Lãi”). Nếu Ngày Trả Lãi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết thì việc thanh toán lãi Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

24. Phương án chuyển đổi Trái Phiếu:

- 24.1. **Chuyển đổi Trái Phiếu:** 100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành.
- 24.2. **Đợt Chuyển Đổi:** Trái Phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trong 01 đợt (đợt như vậy được gọi là “Đợt Chuyển Đổi”). Đợt Chuyển Đổi: Vào ngày tròn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- 24.3. **Cổ phần được chuyển đổi từ Trái Phiếu:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- 24.4. **Giá chuyển đổi:** 20.000 VNĐ/cổ phần phổ thông.
- 24.5. **Tỷ lệ chuyển đổi:** Tỷ lệ chuyển đổi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chuyển đổi} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu}}{\text{Giá chuyển đổi}} = 5$$

Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 5 cổ phần phổ thông).

24.6. Phát hành cổ phần phổ thông để phục vụ cho việc chuyển đổi: Tại Đợt Chuyển Đổi, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các công việc sau:

- (i) Phát hành một lượng cổ phần phổ thông tương ứng với số lượng Trái Phiếu của đợt chào bán theo tỷ lệ chuyển đổi (“Cổ Phần Chuyển Đổi”), và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi được phát hành cho mục đích chuyển đổi;
- (ii) Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng (như sửa đổi vốn điều lệ ghi nhận tại Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành, v.v.);
- (iii) Thực hiện việc hủy niêm yết số lượng Trái Phiếu đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam khi số lượng Trái Phiếu đó được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;
- (iv) Thực hiện việc đăng ký chứng khoán bổ sung cổ phiếu được chuyển đổi từ Trái Phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được chuyển đổi từ Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM).

24.7. Điều kiện chuyển đổi đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tại thời điểm chuyển đổi, Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện quyền chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định tại phương án phát hành và phải tuân thủ các quy định của pháp luật tại từng thời điểm về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Để phục vụ cho việc chuyển đổi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi một “**đề nghị phong tỏa tỷ lệ sở hữu nước ngoài**”, tương ứng với tổng số lượng Cổ phần Chuyển đổi được tính toán trên cơ sở chuyển đổi hoàn toàn, cho UBCKNN để tạm phong tỏa tỷ lệ sở hữu còn lại theo quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

25. Niêm yết Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ đưa toàn bộ Trái Phiếu được phát hành đăng ký chứng khoán tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam. Sau khi thực hiện việc chuyển đổi Trái Phiếu, cổ phiếu mới được chuyển đổi từ Trái Phiếu sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM).

26. Luật điều chỉnh: Pháp luật Việt Nam.

27. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- (i) Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu;
- (ii) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm lãi Trái Phiếu khi đến hạn và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; và
- (iii) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

28. Ủy quyền và giao Hội đồng quản trị:

Dựa trên phương án phát hành Trái Phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao Hội đồng quản trị quyết định tất cả vấn đề và thực hiện công việc cần thiết liên

quan đến việc phát hành Trái Phiếu tại các mục nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc cụ thể như sau:

- Quyết định nội dung chi tiết và/hoặc các vấn đề cụ thể được giao trong Phương án phát hành Trái Phiếu;
- Quyết định nội dung chi tiết của các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu;
- Triển khai các thủ tục xin phép Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền liên quan (nếu có) để phê chuẩn việc phát hành Trái Phiếu;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến việc sử dụng vốn huy động từ việc phát hành Trái Phiếu và phân bổ số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh mục đích sử dụng vốn chi tiết, điều chỉnh phương án sử dụng vốn huy động, v.v.) phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chủ động xây dựng phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;
- Thực hiện việc chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phần phổ thông tại Đợt Chuyển Đổi; Phê duyệt việc phát hành cổ phần phổ thông phục vụ cho việc chuyển đổi, tính toán số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi và các điều kiện khác liên quan đến việc chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành;
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi việc chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phần phổ thông hoàn thành; Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành tại Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh sau khi việc chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phần phổ thông hoàn thành;
- Thực hiện các thủ tục, công việc cần thiết để (i) đăng ký chứng khoán, đăng ký niêm yết số Trái Phiếu phát hành thành công sau đợt phát hành, (ii) hủy đăng ký chứng khoán, đăng ký niêm yết số lượng Trái Phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông tại Đợt Chuyển Đổi, và (iii) đăng ký chứng khoán, đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được chuyển đổi từ Trái Phiếu tại mỗi Đợt Chuyển Đổi, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau:
 - Thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc đăng ký Trái Phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - Thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc hủy đăng ký Trái Phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hủy đăng ký niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đối với số lượng Trái Phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông tại mỗi Đợt Chuyển Đổi; và
 - Thực hiện các thủ tục, công việc liên quan đến việc đăng ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam đối với số lượng cổ phần phổ thông được chuyển đổi từ Trái Phiếu tại Đợt Chuyển Đổi;
- Thực hiện thủ tục giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- Các nội dung khác, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tới các nội dung nêu trên, hoặc thực hiện các nội dung phát sinh khác để hoàn thành việc phát hành Trái Phiếu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu VP.HDQT.



NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 27/06/2025.

Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP nhất trí thông qua Nghị quyết như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thông qua những vấn đề sau:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024.

TT	Diễn giải	Đvt	Thực hiện năm 2024
1	Tổng thu nhập	Tr.đ	2,958,793
2	Lợi nhuận trước thuế	"	64,372
3	Lợi nhuận sau thuế	"	52,007
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	200,000
5	Lao động bình quân	Người	2,980
6	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	11,400
7	Trong đó : Tiền lương	"	10,000
8	Nộp ngân sách	Tr.đ	51,447

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

2. Thông qua kế hoạch và những giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025

TT	Diễn giải	Đvt	Kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu CM	USD	20,500,000
2	Tổng thu nhập	Tr.đ	3,200,000
3	Lợi nhuận trước thuế	"	72,000
4	Đầu tư	"	15,000
5	Kim ngạch XK tính đủ	1000USD	150,000
6	Kim ngạch NK tính đủ	"	60,000
7	Lao động bình quân	Người	2,950
8	Thu nhập bình quân	1000đ/ng	11,900
9	Nộp ngân sách	Tr.đ	10,300

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

3. Thông qua Báo cáo hoạt động 2024, định hướng chiến lược 2025 của HĐQT.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

4. Thông qua Báo cáo thẩm tra giám sát tình hình hoạt động SXKD, báo cáo tài chính của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

5. Thông qua báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2024

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

6. Thông qua tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

7. Thông qua tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ năm 2024.

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	2,958,792,937,400
2	Tổng chi phí	2,894,421,200,753
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	64,371,736,647
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,364,502,457
5	Lợi nhuận sau thuế	52,007,234,190
6	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	51,961,663,865
	- Quỹ ĐTPT: 5%	2,600,361,710
	- Quỹ khen thưởng: 10%	5,200,723,419
	- Quỹ phúc lợi: 5%	2,600,361,710
	- Trích thưởng HĐQT và BKS: 3%	1,560,217,026
	- Chia cổ tức : 20%	40,000,000,000
7	Lợi nhuận sau phân phối	45,570,325
8	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	106,464,997,657

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

8. Thông qua kế hoạch lợi nhuận, trích lập quỹ và dự kiến chia cổ tức năm 2025.

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu và dịch vụ khác	3,200,000,000,000
2	Tổng chi phí	3,128,000,000,000
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	72,000,000,000
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	12,000,000,000
5	Lợi nhuận sau thuế	60,000,000,000
6	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	53,800,000,000
	- Quỹ đầu tư phát triển: 5%	3,000,000,000
	- Quỹ khen thưởng: 10%	6,000,000,000
	- Quỹ phúc lợi: 5%	3,000,000,000
	- Thưởng HĐQT và BKS: 3%	1,800,000,000
	- Dự kiến chia cổ tức: 12% - 20%	40,000,000,000
7	Lợi nhuận sau khi trích lập các quỹ và chia cổ tức	6,200,000,000
8	Tổng lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	112,664,997,657

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

9. Thông qua Tờ trình tờ trình quyết toán thù lao HĐQT và BKS năm 2024, Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Stt	Chức danh	Số người	Tổng mức thù lao thực hiện 2024	Tổng mức thù lao KH năm 2025
1	Hội đồng quản trị	05	612.000.000	612.000.000
2	Ban kiểm soát	03	216.000.000	216.000.000
	Tổng cộng	08	828.000.000	828.000.000

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

10. Thông qua Tờ trình tiếp tục triển khai Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và thông qua niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

11. Thông qua tờ trình nội dung sửa đổi bổ sung điều lệ Tổng Công ty.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

12. Thông qua tờ trình Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động “ESOP”.

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

13. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2027 đối với Ông La Văn Tốt kể từ ngày 27/06/2025

Kết quả biểu quyết:

- Số cổ phiếu biểu quyết tán thành: 18.978.938 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 100 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không tán thành: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %
- Số cổ phiếu biểu quyết không ý kiến: 0 cổ phiếu. Đạt tỷ lệ: 0 %

14. Thống nhất kết quả Bầu bổ sung 1 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của Nhiệm kỳ V (2023 – 2027).

STT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Hữu Tâm	18.978.938	100 %

Danh sách thành viên HĐQT Tổng công ty gian còn lại của Nhiệm kỳ 2023 – 2027

Danh sách thành viên HĐQT Tổng công ty gian còn lại của Nhiệm kỳ 2023 – 2027

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	
2	Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên HĐQT	
3	Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	
4	Đoàn Minh Đức	Thành viên HĐQT	
5	Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT	

Điều 2: Điều khoản thi hành:

- Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP nhất trí thông qua toàn văn tại cuộc họp và có hiệu lực kể từ ngày 27/06/2025
- Hội Đồng Quản Trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc và các cổ đông của Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

TP.HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM PHÚ CƯỜNG

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Website: www.nhabe.com.vn
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Lân

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

TỜ TRÌNH

V/v: Tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và Thông qua niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May Nhà Bè - CTCP

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần ("Công ty");
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng và thông qua niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng;
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 05/03/2025 về việc thông qua việc triển khai Phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.

Hội đồng Quản trị ("HĐQT") Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") thông qua việc tiếp tục triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra Công chúng của Công ty như sau:

1. Tiếp tục triển khai Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024. ĐHĐCĐ giao cho HĐQT tổ chức để thực hiện và quyết định các vấn đề cần thiết để triển khai tiếp tục phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng.
2. Thông qua việc đăng ký chứng khoán tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam toàn bộ trái phiếu phát hành ra công chúng của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Thông qua việc đăng ký niêm yết Trái phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội toàn bộ Trái phiếu phát hành ra công chúng của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 phù hợp với quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

TỔNG GIÁM ĐỐC *Hau*



Nguyễn Ngọc Lân

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....



PHẠM PHÚ CƯỜNG

NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về Thông qua việc triển khai Phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng)

Căn cứ:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm), và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Điều lệ của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 01/03/2024;
- Tờ trình số 01/TTr - MNB ngày 07/10/2024 về việc Thông qua Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 41/2025/BB-HĐQT ngày 14/08/2025.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua chi tiết Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024, cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RA CÔNG CHÚNG

- Tổ chức phát hành:** Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần ("Tổ Chức Phát Hành")
- Tên trái phiếu:** Trái phiếu Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần
- Mã trái phiếu:** MNB425001
- Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá):** 180.000.000.000 VNĐ (Một trăm tám mươi tỷ đồng)
- Loại Trái Phiếu:** Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần phổ thông, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền.
- Số lượng phát hành:** 1.800.000 Trái Phiếu
- Số lượng đợt phát hành:** 01 đợt phát hành
- Mệnh giá trái phiếu:** 100.000 VNĐ/Trái Phiếu

9. **Giá phát hành:** Bằng 100% mệnh giá Trái Phiếu
10. **Loại tiền phát hành và thanh toán:** Đồng Việt Nam (VND hoặc VNĐ)
11. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách nhận quyền mua Trái Phiếu theo quy định.
Đối với số lượng Trái Phiếu không phân phối hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua, Trái Phiếu lẻ (bao gồm phần lẻ thập phân) (nếu có) ... sau khi kết thúc thời hạn chào bán cho cổ đông hiện hữu thì số lượng Trái Phiếu đó sẽ được chào bán cho tổ chức/cá nhân khác.
12. **Phương thức phát hành:** Trái Phiếu được phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, theo quy định của pháp luật hiện hành.
13. **Tỷ lệ thực hiện:** 100:9 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cứ một cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được nhận 01 quyền mua, cứ 100 quyền mua sẽ được mua 9 Trái Phiếu.
Tổng số Trái Phiếu mà mỗi cổ đông được mua sẽ được xác định trên cơ sở tổng số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ tại thời điểm chốt danh sách cổ đông và theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
14. **Phương án xử lý Trái Phiếu lẻ và Trái Phiếu không phân phối hết:** Số lượng Trái Phiếu chào bán cho mỗi cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 65 cổ phần phổ thông của MNB sẽ được quyền mua $= (65 \times 9) / 100 = 5,85$ trái phiếu. Như vậy cổ đông A sẽ được mua 5 trái phiếu.
Số lượng Trái Phiếu mà cổ đông hiện hữu từ chối mua hoặc đăng ký mua không hết, Trái phiếu lẻ (bao gồm phần lẻ thập phân của Trái Phiếu) (nếu có) sẽ do Hội đồng quản trị phân phối cho các tổ chức/cá nhân khác với mức giá không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, theo các điều kiện chào bán đã được ĐHDCĐ thông qua và phù hợp với các quy định pháp luật.
15. **Thời gian phát hành:** Sau khi Tổ Chức Phát Hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra Công chúng, dự kiến trong Quý III – Quý IV năm 2025.
16. **Ngày phát hành Trái Phiếu:** Ngày Tổ Chức Phát Hành báo cáo kết quả phát hành Trái Phiếu cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("**Ngày Phát Hành**").
17. **Kỳ hạn Trái Phiếu:** 2 năm kể từ Ngày Phát Hành.
18. **Ngày đáo hạn:** Ngày tròn 2 năm kể từ Ngày Phát Hành ("**Ngày Đáo Hạn**")
19. **Kế hoạch bố trí nguồn vốn để thanh toán lãi Trái Phiếu:** Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán lãi Trái Phiếu khi đến hạn.
20. **Chuyển nhượng Trái Phiếu:** Người sở hữu Trái Phiếu ("**Người Sở Hữu Trái Phiếu**") được quyền tự do chuyển nhượng Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi Tổ Chức Phát Hành hoàn tất thủ tục niêm yết trái phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX).

21. **Kỳ tính lãi:** Là mỗi giai đoạn kéo dài 12 tháng liên tục kể từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn ("Kỳ Tính Lãi").

22. **Lãi suất Trái Phiếu:** cố định 5%/Năm

23. **Cách tính lãi Trái Phiếu:**

Lãi Trái Phiếu được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi Trái Phiếu} = \text{Mệnh giá Trái} \times \text{Lãi suất Trái} \times \frac{\text{Số ngày thực tế theo năm dương lịch của Kỳ Tính Lãi}}{365}$$

Để làm rõ, số ngày thực tế theo dương lịch của (i) Kỳ Tính Lãi đầu tiên được tính từ và bao gồm Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó, và (ii) mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo được tính từ và bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi ngay trước đó cho đến nhưng không bao gồm ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi đó.

24. **Thời hạn trả lãi Trái Phiếu:**

Đối với lãi Trái Phiếu: được trả định kỳ 01 năm/lần, vào ngày tròn 1 năm kể từ Ngày Phát Hành (đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên), hoặc (ii) kể từ ngày trả lãi liền kề trước đó (đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo) ("Ngày Trả Lãi"). Nếu Ngày Trả Lãi là ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết thì việc thanh toán lãi Trái Phiếu sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo.

25. **Phương án chuyển đổi Trái Phiếu:**

25.1. **Chuyển đổi Trái Phiếu:** 100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành.

Việc chuyển đổi Trái Phiếu thành cổ phiếu được thực hiện không phụ thuộc vào yêu cầu của trái chủ. Do đó, Trái Phiếu của đợt chào bán sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu theo quy định tại thời điểm chuyển đổi, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm chuyển đổi. (Trừ trường hợp người sở hữu Trái Phiếu không được thực hiện chuyển đổi do giới hạn về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty, Công ty sẽ thực hiện thanh toán gốc trái phiếu trong trường hợp không chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm chuyển đổi).

25.2. **Đợt Chuyển Đổi:** Trái Phiếu được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông trong 01 đợt (đợt như vậy được gọi là "Đợt Chuyển Đổi"). Đợt Chuyển Đổi: Vào ngày tròn 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

25.3. **Cổ phần được chuyển đổi từ Trái Phiếu:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

25.4. **Giá chuyển đổi:** 20.000 VNĐ/cổ phần phổ thông.

25.5. **Tỷ lệ chuyển đổi:** Tỷ lệ chuyển đổi được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chuyển đổi} = \frac{\text{Mệnh giá Trái Phiếu}}{\text{Giá chuyển đổi}} = 5$$

Tỷ lệ chuyển đổi: 1:5 (mỗi trái phiếu được chuyển đổi thành 5 cổ phần phổ thông).

25.6. Phát hành cổ phần phổ thông để phục vụ cho việc chuyển đổi: Tại Đợt Chuyển Đổi, Tổ

Chức Phát Hành sẽ thực hiện các công việc sau:

- (i) Phát hành một lượng cổ phần phổ thông tương ứng với số lượng Trái Phiếu của đợt chào bán theo tỷ lệ chuyển đổi (“Cổ Phần Chuyển Đổi”), và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số lượng Cổ Phần Chuyển Đổi được phát hành cho mục đích chuyển đổi;
- (ii) Thực hiện các thủ tục để điều chỉnh vốn điều lệ tương ứng (như sửa đổi vốn điều lệ ghi nhận tại Điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành, v.v.);
- (iii) Thực hiện việc hủy niêm yết số lượng Trái Phiếu đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội khi số lượng Trái Phiếu đó được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;
- (iv) Thực hiện việc đăng ký chứng khoán bổ sung cổ phiếu được chuyển đổi từ Trái Phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung cổ phiếu được chuyển đổi từ Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM).

25.7. Điều kiện chuyển đổi đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tại thời điểm chuyển đổi, Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện quyền chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định tại phương án phát hành và phải tuân thủ các quy định của pháp luật tại từng thời điểm về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Để phục vụ cho việc chuyển đổi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi một “**đề nghị phong tỏa tỷ lệ sở hữu nước ngoài**”, tương ứng với tổng số lượng Cổ phần Chuyển đổi được tính toán trên cơ sở chuyển đổi hoàn toàn, cho UBCKNN để tạm phong tỏa tỷ lệ sở hữu còn lại theo quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

26. Niêm yết Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ đưa toàn bộ Trái Phiếu được phát hành đăng ký chứng khoán tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Sau khi thực hiện việc chuyển đổi Trái Phiếu, cổ phiếu mới được chuyển đổi từ Trái Phiếu sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM).

27. Luật điều chỉnh: Pháp luật Việt Nam.

28. Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu:

❖ **Quyền cơ bản của người sở hữu trái phiếu:**

- (i) Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu;
- (ii) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm lãi Trái Phiếu khi đến hạn và các khoản tiền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật có liên quan và theo quy định của các điều khoản, điều kiện của Trái Phiếu; và
- (iii) Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

❖ Trường hợp thay đổi quyền của người sở hữu trái phiếu: Không có

29. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

30. Tổ chức tư vấn niêm yết: Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN VÀ PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN

1. Mục đích chào bán:

Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động từ đợt chào bán Trái phiếu để thanh toán các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể thanh toán một phần các khoản thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn/dài hạn của Tổ Chức Phát Hành.

2. Phương án sử dụng vốn:

Dự kiến số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu là 180.000.000.000 VNĐ (Một trăm tám mươi tỷ đồng). Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để thanh toán nợ vay các ngân hàng, theo nguyên tắc ưu tiên từ trên xuống dưới, cụ thể như sau:

STT	Mục đích sử dụng	Nội dung	Số tiền dự kiến sử dụng (ĐVT: đồng)	Thời gian thực hiện/giải ngân dự kiến
1	Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)	Trả nợ hợp đồng Tín dụng	60.000.000.000	Quý III – Quý IV/2025
2	Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank)	Trả nợ hợp đồng Tín dụng	60.000.000.000	
3	Thanh toán nợ vay Ngân hàng TMCP Quân đội (MBBank)	Trả nợ hợp đồng Tín dụng	60.000.000.000	
Tổng			180.000.000.000	

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ ưu tiên dùng số tiền thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên giảm dần nêu trên.

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

III. THỨ TỰ ƯU TIÊN THANH TOÁN TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH MẤT KHẢ NĂNG TRẢ NỢ/CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Các nghĩa vụ chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung khác không được bảo đảm (đều là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai)

của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

IV. TÌNH HÌNH THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ đúng hạn (gồm các khoản nợ vay, nợ nhà cung cấp, nợ thuế,...), không có khoản nợ quá hạn nào. Vì vậy, việc xếp hạng tín nhiệm của Công ty tại các Ngân hàng thương mại hàng năm đều ở mức cao. Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay đến hạn, duy trì sự tín nhiệm ở mức cao và nhận được nhiều ưu đãi về chế độ hạn mức lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại có quan hệ với Công ty. Hiện tại, Công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty không phát sinh trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

V. PHƯƠNG ÁN BÒI THƯỜNG THIẾT HẠI CHO CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU TRONG TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC PHÁT HÀNH KHÔNG THỰC HIỆN VIỆC CHUYỂN ĐỔI TRÁI PHIẾU THÀNH CỔ PHIẾU THEO CÁC ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN ĐÃ CÔNG BỐ TẠI THỜI ĐIỂM PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU:

1. 100% khối lượng Trái Phiếu của đợt chào bán được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Tổ Chức Phát Hành. Do vậy Người Sở Hữu Trái Phiếu được chuyển đổi 100% trái phiếu thành cổ phiếu theo nội dung Mục Phương án chuyển đổi Trái Phiếu tại Phần I. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng, Điều 1 Nghị quyết này. Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện chuyển đổi theo các điều kiện tại phương án phát hành, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của những Người Sở Hữu Trái Phiếu.
2. Trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu đã hoàn thành trách nhiệm của mình liên quan đến việc thực hiện chuyển đổi trái phiếu tại Đợt Chuyển Đổi (*ngoài trường hợp không thể chuyển đổi trái phiếu của nhà đầu tư nước ngoài thành cổ phiếu phổ thông do các giới hạn về tỷ lệ nhà đầu tư nước ngoài*) nhưng Tổ Chức Phát Hành không thể phát hành cổ phần phổ thông mới cho Người Sở Hữu Trái Phiếu thì Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ mua lại phần trái phiếu đang chuyển đổi đó trước hạn trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc sau khi Tổ Chức Phát Hành thông báo về việc không thể phát hành cổ phần phổ thông mới cho Người Sở Hữu Trái Phiếu đó, với giá mua lại bằng mệnh giá trái phiếu và toàn bộ lãi chưa thanh toán tương ứng với số ngày của Kỳ Tính Lãi đối với trái phiếu đó. Trái phiếu được hoàn trả trong thời gian đó sẽ có quyền lợi tương tự trái phiếu đang lưu hành.

VI. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH ĐỐI VỚI CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

1. Tuân thủ quy định về điều kiện phát hành, phương án phát hành, hồ sơ phát hành, công bố thông tin, chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Phân bổ, quản lý, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu đúng mục đích theo quy định tại phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo các quy định của pháp luật.
3. Được nhận và sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng theo đúng quy định tại phương án phát hành trái phiếu và các quy định của pháp luật.
4. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi trái phiếu khi đến hạn cho chủ sở hữu trái phiếu.
5. Kiểm soát và đảm bảo tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin đã công bố và báo cáo tài chính.

Điều 2. Thông qua dự phóng dòng tiền trả nợ Trái Phiếu thu được từ đợt chào bán theo Phụ lục đính kèm

Điều 3. Thông qua việc đăng ký chứng khoán tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Sau khi thực hiện việc chuyển đổi Trái Phiếu, cổ phiếu mới được chuyển đổi từ Trái Phiếu sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (UPCoM).

Điều 4. Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết Hội đồng quản trị số 33/2025/NQ-HDQT ngày 14/07/2025.

Điều 5. Các Thành viên Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc thực hiện; Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban và cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nơi nhận:
- Như điều 5;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC *Hau*



PHẠM PHÚ CƯỜNG



Nguyễn Ngọc Lân

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 26 tháng 09 năm 2025

PHỤ LỤC

DỰ PHÒNG DÒNG TIỀN TRẢ NỢ TRÁI PHIẾU THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

(Đính kèm theo Nghị Quyết số 42/2025/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 08 năm 2025)

Phụ lục này là cơ sở cho việc bố trí nguồn trả nợ trái phiếu chuyển đổi phát hành ra công chúng của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần ("Tổ Chức Phát Hành") theo phương án phát hành được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024 với tổng giá trị phát hành là 180.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng).

1. Nguồn tiền trả nợ Trái Phiếu Chuyển Đổi:

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.

2. Dòng tiền trả nợ trái phiếu của Tổ chức Phát hành

Thông số Trái Phiếu Chuyển đổi

Tổng giá trị phát hành (theo mệnh giá):	180.000.000.000 VNĐ
Thời gian dự kiến phát hành	Dự kiến trong Quý III – Quý IV năm 2025
Kỳ hạn trái phiếu	2 năm
Lãi suất trái phiếu dự kiến	cố định 5%/Năm

Dự phòng dòng tiền trả lãi trái phiếu thu được từ đợt chào bán của Tổ chức Phát hành

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	45.220	80.000	90.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-22.650	-45.000	-36.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-34.500	-46.000	-38.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-11.930	-11.000	16.000
Tiền và tương đương tiền đầu năm	189.396	177.466	166.466
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	177.466	166.466	182.466

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(V/v Thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
- Điều lệ của Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần;
- Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/10/2024;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 01/03/2024;
- Tờ trình số 01/TTr - MNB ngày 07/10/2024 về việc Thông qua Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
- Nghị quyết của HĐQT số 33/2025/NQ-HĐQT ngày 14/07/2025 về việc triển khai Phương án trái phiếu chuyển đổi ra công chúng; chi tiết phương án sử dụng vốn của đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi ra công chúng;
- Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 32/2025/BB-HĐQT ngày 14/07/2025.



QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi trái phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty, cụ thể như sau:

- Căn cứ Công văn số 5803/UBCK-PTTT ngày 29/8/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty hiện nay là 0% vốn điều lệ.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/05/2025, Công ty có 06 cổ đông nước ngoài sở hữu cổ phần của Công ty là 52.922 cổ phần chiếm 0,26% vốn điều lệ.

Nhằm đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện chuyển đổi trong đợt chào bán trái phiếu cho cổ đông hiện hữu không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại MNB, Hội đồng quản trị sẽ phối hợp cùng Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thực hiện phân phối trái phiếu chào bán cho các nhà đầu tư nước ngoài theo đúng tỷ lệ nắm giữ của

các nhà đầu tư tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền, đảm bảo cổ đông (bao gồm cổ đông trong nước và nước ngoài) không được chuyển nhượng quyền mua cho nhà đầu tư nước ngoài.

- Hội đồng quản trị cam kết không phân phối số trái phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua và số trái phiếu lẻ cho các Nhà đầu tư nước ngoài.
- Người Sở Hữu Trái Phiếu không được chuyển nhượng trái phiếu cho nhà đầu tư nước ngoài.
- Tại thời điểm chuyển đổi, Người Sở Hữu Trái Phiếu là nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện chuyển đổi Trái Phiếu theo quy định tại phương án phát hành và phải tuân thủ các quy định của pháp luật tại từng thời điểm về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Ngoài ra, MNB thực hiện các biện pháp cụ thể như sau:

- Tổng số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài phải đảm bảo nằm trong giới hạn sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Tổ Chức Phát Hành từng thời kỳ theo đúng quy định;
- Trong trường hợp đến ngày đáo hạn Trái Phiếu, nhà đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền chuyển đổi một phần/toàn bộ Trái Phiếu do giới hạn tỷ lệ nắm giữ, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ thực hiện mua lại phần Trái Phiếu chưa được thực hiện chuyển đổi với giá bằng mệnh giá Trái Phiếu chưa chuyển đổi cộng lãi Trái Phiếu tương ứng chưa thanh toán đến thời điểm thực hiện mua lại (nếu có).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết Hội đồng quản trị số 26/2025/NQ-HĐQT ngày 23/05/2025.

Điều 3. Các Thành viên Hội đồng quản trị giám sát, kiểm tra việc thực hiện; Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm chỉ đạo các phòng ban và cá nhân có liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Ngọc Lân



PHẠM PHÚ CƯỜNG

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 26 tháng 09 năm 2025

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ –
CÔNG TY CỔ PHẦN

Tp. HCM, ngày 27 tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị, và kiểm soát.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	23
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	27
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	30
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	33
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	33
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	35
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	36
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	37

Điều 34. Người điều hành Tổng Công ty	37
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	37
Điều 36. Thư ký Tổng Công ty	39
IX. BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 37. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	40
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	41
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	41
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	42
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	42
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	43
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	44
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY	45
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	45
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	46
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn	46
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	46
Điều 47. Phân phối lợi nhuận	46
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	47
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	47
Điều 49. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	47
Điều 50. Năm tài chính	47
Điều 51. Chế độ kế toán	47
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	48
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	48
Điều 53. Báo cáo thường niên	48
Điều 54. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	48
XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY	48
Điều 55. Kiểm toán	48
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	49
Điều 56. Dấu của doanh nghiệp	49
XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY	49
Điều 57. Giải thể Tổng công ty	49
Điều 58. Gia hạn hoạt động	50
Điều 59. Thanh lý	50
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	51
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	51
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 61. Điều lệ Tổng công ty	51
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	52
Điều 62. Ngày hiệu lực	52

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (dưới đây gọi là "Tổng Công ty") là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Tổng Công ty. Điều lệ, các quy định của Tổng Công ty, các Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Điều lệ này được Đại Hội Đồng Cổ Đông Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần thông qua theo Nghị quyết số: 16/DHĐCĐ ngày 25 tháng 06 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.
 - b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các Luật sửa đổi bổ sung.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều Hành, Kế toán trưởng trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46, Điều 4 Luật Chứng khoán.
 - h. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Tổng Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.
 - i. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

j. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty.

k. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Tổng Công ty

1. Tên Tổng Công ty

- Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN**
- Tên tiếng Anh: **NHABE GARMENT CORPORATION - JSC**
- Tên viết tắt: **NBC**
- Biểu tượng (logo):



2. Tổng Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng Công ty là:

- Địa chỉ: Số 4, Đường Bến nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 38720077- (028) 38729124
- Fax: (028) 38725107
- E-mail: info@nhabe.com.vn
- Website: <http://nhabe.com.vn>

4. Tổng Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 57 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Tổng công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty:

Tổng Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về sản phẩm may mặc và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách nhà nước và phát triển Tổng Công ty.

3. Bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu này cần phải có sự chấp thuận của cơ quan quản lý thì Tổng Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty

1. Tổng Công ty được phép tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Tổng Công ty được phép lập kế hoạch, tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là **200.000.000.000 VNĐ** (Hai trăm tỷ đồng Việt Nam)

Tổng số vốn điều lệ của Tổng Công ty được chia thành 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán

6. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Tổng Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Tổng Công ty có thể dùng cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty để phục vụ mục đích khen thưởng.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng có mức lãi suất tốt nhất có lợi nhất cho cổ đông) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị, và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị của Tổng Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.
- d. Tổng Giám đốc;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng Công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, hoặc chứng thực các nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông; vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử

viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty;
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
5. Bảo mật các thông tin được Tổng Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Thủ tục đề tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
 - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt, bổ sung, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật
2. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết bằng cách biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản về các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;

m. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

o. Tổng Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

r. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Tổng Công ty đăng ký giao dịch. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Tổng Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần của cổ đông; vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 điều này trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 điều này;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua.

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông

triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa cuộc họp, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18.3 của Điều lệ này.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b) Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền đến dự họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Tổng Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức, quản lý công ty;

- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp;

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty, bao gồm cả trường hợp những nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 2 điều 147 Luật doanh nghiệp;

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công ty;
- b) Phê duyệt bổ sung, điều chỉnh quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- c) Định hướng phát triển Tổng công ty;
- d) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- h) Tổ chức lại, giải thể công ty.
- i) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh
- j) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty
- k) Các vấn đề khác khi Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Tổng Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các nghị quyết được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 của Điều lệ này;
- 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- f) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ công ty (nếu có);
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên, từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai ứng viên; từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba ứng viên; từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đề cử đủ số lượng ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại

Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và các tiêu chuẩn sau:

a) Là người không phải là cổ đông thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, có khả năng tổ chức, quản lý doanh nghiệp, có năng lực trong quản lý kinh doanh hoặc ngành nghề chính của Tổng công ty;

b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật;

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người được Đại hội đồng cổ đông bầu theo phương thức bầu dồn phiếu.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng Công ty;
- e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i. Trong phạm vi quy định tại Điều 153.2 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 167.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướm Tổng Công ty và liên doanh);
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ quyền là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;

r. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

s. Yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

t. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;

u. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 500 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;

v. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Tổng Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

w. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

x. Việc Tổng Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

y. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng Công ty.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch) hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc của Tổng Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao

nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác khi xét thấy cần thiết

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số

thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có)

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (quá $\frac{1}{2}$); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết:

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều

hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổng Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc, Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người điều hành Tổng Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng Công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành Tổng công ty phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

3. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.



3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật doanh nghiệp.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b. Thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý và các chức danh khác không do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h. Tuyển dụng lao động;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm.

k. Thực thi kế hoạch kinh doanh hằng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

l. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng Công ty;

m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Tổng Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hằng năm và hằng tháng của Tổng Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hằng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng Công ty.

n. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và theo quy định pháp luật.

o. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế. Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 36. Thư ký Tổng Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng Thư ký Tổng công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e) Hỗ trợ Tổng công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử hai ứng viên; từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử ba ứng viên; từ 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đề cử đủ số lượng ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các tiêu chuẩn sau:

- a) Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;
- b) Không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó.
- c) Có kinh nghiệm chuyên môn về tài chính kế toán, am hiểu nghiệp vụ kinh doanh của Tổng công ty;
- d) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật;

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát sẽ có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Tổng Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích của Tổng Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20 % hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng

Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Tổng Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Tổng Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

2. Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt nam/Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty sẽ mở tài khoản tại một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hằng năm, Tổng Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Điều 50. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 51. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Tổng Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Tổng Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng Công ty.
3. Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Tổng Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 52. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 53. Báo cáo thường niên

Tổng Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 54. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông

báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 56. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc quản lý, lưu giữ, sử dụng dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Doanh nghiệp được sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

XVIII. GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY

Điều 57. Giải thể Tổng công ty

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Tổng Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ Tổng công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 62 điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty May Nhà Bè – Tổng Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày 27 tháng 06 năm 2025 tại thành phố Hồ Chí Minh và cũng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.

Họ tên, chữ ký của của người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NGỌC LÂN



TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 50

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 ngày 02/10/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 25 ngày 02/10/2023 là 191.100.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm chín mươi mốt tỷ, một trăm triệu đồng).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên sàn UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên
Ông Đoàn Minh Đức	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 30/6/2023)
Ông La Văn Tốt	Thành viên (Bầu bổ sung từ ngày 30/6/2023)
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 30/6/2023)
Ông Đinh Văn Thập	Thành viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 30/6/2023)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thanh Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Thành viên

TÔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Lân	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Dương Thị Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thanh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Văn Hoàng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Hà Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Duy Lệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Thập	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/02/2023)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện được nêu tại Thuyết minh số 7.2 - Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CÔNG TY CỔ PHẦN

Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Lân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 03.3.24.012.....-SCT/BS

Ngày 26-12-2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG ĐỨC HIẾU
CÔNG CHỨNG VIÊN



Dương Đức Hiếu

Số: 120/2024/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần, được lập ngày 28/3/2024, từ trang 06 đến trang 50, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



Bùi Thị Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đàm Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 003249..... quyền số..... - SCT/BS

Ngày **26-12-2024**

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG ĐỨC HIẾU
CÔNG CHỨNG VIÊN



Dương Đức Hiếu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.443.258.436.275	1.588.434.193.193
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	129.667.196.220	193.935.099.442
1. Tiền	111		58.567.196.220	88.335.099.442
2. Các khoản tương đương tiền	112		71.100.000.000	105.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	9.000.000.000	8.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.000.000.000	8.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		761.052.026.970	764.694.214.376
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	551.855.411.327	606.338.441.034
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	110.479.959.728	77.546.187.773
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	100.655.989.217	82.271.861.463
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(1.939.333.302)	(1.462.275.894)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	456.603.648.316	550.202.722.857
1. Hàng tồn kho	141		456.831.584.977	550.246.360.197
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(227.936.661)	(43.637.340)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		86.935.564.769	71.202.156.518
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	10.953.109.367	7.989.152.437
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		70.232.476.102	61.334.792.999
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	5.749.979.300	1.878.211.082
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		428.505.512.110	405.109.216.475
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.348.275.128	28.374.152.684
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	27.348.275.128	28.374.152.684
II. Tài sản cố định	220		151.379.016.360	154.528.252.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	142.437.689.646	144.672.373.434
- Nguyên giá	222		738.072.805.898	736.212.261.991
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.635.116.252)	(591.539.888.557)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	8.941.326.714	9.855.878.967
- Nguyên giá	228		42.766.818.863	45.907.418.863
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.825.492.149)	(36.051.539.896)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.376.922.573	10.027.697.605
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	21.376.922.573	10.027.697.605
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	196.716.895.555	193.112.557.092
1. Đầu tư vào Công ty con	251		113.985.268.520	111.435.268.520
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		96.466.920.657	94.466.920.657
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		32.256.863.385	32.256.863.385
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(45.992.157.007)	(45.046.495.470)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		31.684.402.494	19.066.556.693
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	31.684.402.494	19.066.556.693
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.871.763.948.385	1.993.543.409.668

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		1.481.208.427.455	1.616.739.906.296
I. Nợ ngắn hạn	310		1.430.989.787.714	1.580.193.036.750
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	192.212.898.337	237.324.209.493
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	15.566.830.442	8.909.280.455
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.523.453.084	5.427.728.760
4. Phải trả người lao động	314		73.342.693.014	93.009.040.158
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	40.384.857.888	20.208.422.951
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	23.964.660.261	17.245.780.744
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	18.040.097.013	51.532.935.736
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	1.040.791.631.950	1.120.178.116.962
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		21.162.665.725	26.357.521.491
II. Nợ dài hạn	330		50.218.639.741	36.546.869.546
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	26.331.974.514	27.021.810.746
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	10.623.277.700	1.237.500.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	13.263.387.527	8.287.558.800
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		390.555.520.930	376.803.503.372
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	390.555.520.930	376.803.503.372
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		191.100.000.000	191.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		191.100.000.000	191.100.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		43.093.933.885	39.069.510.820
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		156.361.587.045	146.633.992.552
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		105.395.675.253	105.383.656.136
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.965.911.792	41.250.336.416
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.871.763.948.385	1.993.543.409.668

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 03324912 quyền số..... - SCT/BS
Ngày 26-12-2024
Nguyễn Ngọc Hiếu Đặng Minh Tuyền
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG ĐỨC HIẾU
CÔNG CHỨNG VIÊN



Dương Đức Hiếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.384.016.471.010	2.858.635.636.193
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	7.631.750.114	4.757.064.115
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	2.376.384.720.896	2.853.878.572.078
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	1.933.121.478.332	2.303.867.012.399
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		443.263.242.564	550.011.559.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	60.362.945.865	66.766.305.850
7. Chi phí tài chính	22	6.6	86.483.079.888	116.362.968.112
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.995.895.429	35.719.971.128
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	169.849.108.520	229.675.499.401
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	198.140.555.144	216.701.953.291
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		49.153.444.877	54.037.444.725
11. Thu nhập khác	31	6.9	11.042.872.691	9.327.251.350
12. Chi phí khác	32	6.9	172.339.084	340.972.360
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.9	10.870.533.607	8.986.278.990
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		60.023.978.484	63.023.723.715
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.11	9.058.066.692	12.718.435.403
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		50.965.911.792	50.305.288.312

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Huyền
Số chứng thực..... quyền số..... SCT/BS

Ngày 26-12-2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG DƯƠNG ĐỨC HIẾU
CÔNG CHỨNG VIÊN



Dương Đức Hiếu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.023.978.484	63.023.723.715
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		36.053.156.515	33.770.705.616
- Các khoản dự phòng	03		1.607.018.266	1.316.770.411
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		10.707.518.410	5.353.238.770
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(27.770.279.677)	(18.224.913.437)
- Chi phí lãi vay	06		46.995.895.429	35.719.971.128
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.617.287.427	120.959.496.203
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(152.334.001)	(36.749.401.621)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		93.414.775.220	10.314.932.707
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(59.114.626.756)	(80.202.270.821)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(15.581.802.731)	2.185.510.397
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.728.537.692)	(40.161.099.569)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.941.982.690)	(8.399.944.128)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		60.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.248.750.000)	(9.586.432.908)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		81.324.028.777	(41.639.209.740)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(44.753.986.073)	(12.259.089.230)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		718.789.812	802.387.106
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.000.000.000)	(8.400.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7.400.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.550.000.000)	(1.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		27.054.325.050	20.094.711.043
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.130.871.211)	(761.991.081)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	9.100.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1.895.878.012.994	2.272.638.478.152
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.980.970.774.200)	(2.199.195.899.853)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.382.402.500)	(18.040.447.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(123.475.163.706)	64.502.130.799
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(64.282.006.140)	22.100.929.978
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		193.935.099.442	171.723.368.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.102.918	110.801.147
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	129.667.196.220	193.935.099.442

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập

Nguyễn Ngọc Hiếu

Kế toán trưởng

Đặng Minh Tuyền

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Lân

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 03324918 quyền số.....-SCT/BS

Ngày 26-12-2024

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG ĐƯƠNG ĐỨC HIẾU
CÔNG CHỨNG VIÊN



Dương Đức Hiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty May Nhà Bè theo Quyết định số 74/2004/QĐ-BCN ngày 08/8/2004 và Quyết định số 88/2004/QĐ-BCN ngày 08/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0300398889 ngày 24/3/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 25 ngày 02/10/2023.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300398889 thay đổi lần thứ 25 ngày 02/10/2023 là 191.100.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm chín mươi một tỷ một trăm triệu đồng*).

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Nha Be Garment Corporation - Joint Stock Company.

Tên viết tắt là: NHABECO.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM với mã MNB.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 4, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 là: 3.009 người (tại ngày 31/12/2022 là: 3.009 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm nhiều lĩnh vực, trong đó chủ yếu là tập trung vào các lĩnh vực sau đây:

- Sản xuất, mua bán sản phẩm dệt - may, nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng linh kiện phục vụ ngành dệt, may;
- Giặt, tẩy, in trên sản phẩm dệt;
- Mua, bán sản phẩm chế biến từ nông - lâm - hải sản, máy móc thiết bị, phụ tùng kim khí điện máy gia dụng và công nghiệp, điện tử, công nghệ thông tin;
- Xây dựng và kinh doanh nhà;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ kho bãi;
- Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô và đường thủy nội địa;
- Kinh doanh nhà hàng, lưu trú du lịch, khách sạn;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế,...

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc cho thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con					
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Cụm Công nghiệp Trung An, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	Hoàn thiện sản phẩm dệt	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.	Gia công hàng may mặc	55,56%	55,56%	55,56%
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Số 9, đường Phù Đồng Thiên Vương, phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	Gia công hàng may mặc	55,00%	55,00%	55,00%
Công ty Cổ phần May Bình Định	Số 105 đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,84%	51,84%	51,84%
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Cụm Công nghiệp Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Số 204 đường Thống Nhất, phường Tân Thiện, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Đường Lý Thái Tổ, tổ 12, phường Yên Đỗ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.	Gia công hàng may mặc	51,00%	51,00%	51,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Số 68, Đường Nguyễn Khuyến, KP1, thị trấn Võ Xu, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.	Gia công hàng may mặc	26,54%	26,54%	26,54%
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	Gia công hàng may mặc	43,89%	43,89%	43,89%
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Quốc lộ 60, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.	Gia công hàng may mặc	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Thôn Mũi Đă, xã Tân Phước, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận.	Kinh doanh địa điểm lưu trú	47,00%	47,00%	47,00%
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	04 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Gia công hàng may mặc	47,50%	47,50%	47,50%
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Số 71, Đường Nguyễn Đình Chiểu, phường Bình Định, xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.	Gia công hàng may mặc	45,90%	45,90%	45,90%
Công ty Cổ phần May 9	Số 215, Đường Hàng Thao, phường Ngô Quyền, thành Phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	Gia công hàng may mặc	26,78%	26,78%	26,78%
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Số 04, Đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vận tải	28,58%	28,58%	28,58%
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Số 90, Đường Tôn Thất Thuyết, phường 16, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh máy móc thiết bị	40,98%	40,98%	40,98%
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	04 Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh máy móc thiết bị	30,00%	30,00%	30,00%
Các đơn vị trực thuộc		Địa chỉ			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bình Phát		Lô số 1, Khu công nghiệp dệt may Bình An, khu phố Ngã Thẳng, phường Bình Thẳng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Bảo Lộc		Số 54, Đường Phạm Ngọc Thạch, phường Lộc Phát, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp May Kon Tum		Km3, Quốc lộ 14, phường Lê Lợi, thành phố KonTum, tỉnh KonTum.			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh May Bình Định		Số 105 đường Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.			
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Phía Bắc		Số 02, Ngách 61/4, phố Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.			
Chi nhánh Tổng Công ty May Nhà Bè tại Hà Nội		Số 2, ngách 61/4, phố Lạc Trung, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.			
Văn phòng đại diện Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần tại Vương Quốc Anh		2nd Floor Prospect House, Columbus Quay, Riverside Drive, Liverpool, L13 4DB			

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp

- (i) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2023.
- (ii) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại Tổng Công ty có giao dịch ngoại tệ tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong đó, lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác	03 - 07

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền bằng sáng chế, và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê dịch vụ trả trước cho nhiều kỳ

Chi phí quảng cáo, chi phí bảo hiểm, thuê mặt bằng trả trước cho nhiều kỳ kế toán được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, chi phí lãi vay phải trả và chi phí khác.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê mặt bằng) không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong năm phù hợp với thời gian cho thuê mặt bằng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa (hàng may mặc) và doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê mặt bằng).

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán tổng hợp; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty cổ nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	8.488.466.416	3.697.134.596
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	50.078.729.804	84.637.964.846
Các khoản tương đương tiền	71.100.000.000	105.600.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>71.100.000.000</i>	<i>105.600.000.000</i>
Tổng	129.667.196.220	193.935.099.442

(i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 2,0%/năm đến 6,0%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	9.000.000.000	9.000.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000
Tổng	9.000.000.000	9.000.000.000	8.400.000.000	8.400.000.000

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 6,8%/năm đến 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn

STT	Tên công ty	Tỷ lệ		31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)			
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Đầu tư vào Công ty con										
1	Công ty CP May Nhà Bè - Hậu Giang	55,56%	55,56%		113.985.268.520			111.435.268.520		(15.300.000.000)
2	Công ty CP May Tam Quan	51,00%	51,00%		27.782.000.000	(i)	-	27.782.000.000	(i)	-
3	Công ty TNHH Gặt Tẩy Nhà Bè	51,00%	51,00%		17.850.000.000	(i)	-	17.850.000.000	(i)	-
4	Công ty CP May Bình Thuận - Nhà Bè	51,00%	51,00%		15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)	15.300.000.000	(i)	(15.300.000.000)
5	Công ty CP May Bình Định	51,00%	51,00%		25.500.000.000	(i)	-	25.500.000.000	(i)	-
6	Công ty CP May Gia Lai (iii)	51,84%	51,84%		11.535.620.000	(i)	-	11.535.620.000	(i)	-
7	Công ty CP May Đà Lạt	51,00%	51,00%		10.200.000.000	(i)	-	7.650.000.000	(i)	-
		55,00%	55,00%		5.817.648.520	(i)	-	5.817.648.520	(i)	-
Đầu tư vào Công ty liên kết										
1	Công ty CP May Nhà Bè - Đức Linh	26,54%	26,54%		96.466.920.657		(30.556.694.277)	94.466.920.657		(29.746.495.470)
2	Công ty CP May Sông Tiền	43,89%	43,89%		17.250.000.000	(i)	-	17.250.000.000	(i)	-
3	Công ty CP May Nhà Bè - Sóc Trăng	36,00%	36,00%		15.360.000.000	(i)	-	15.360.000.000	(i)	-
4	Công ty CP Du lịch NBC Cam Bình Resort	47,00%	47,00%		15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)	15.120.000.000	(i)	(15.120.000.000)
5	Công ty CP May Gia Phúc	47,00%	47,00%		14.900.000.000	(i)	(4.997.599.392)	14.900.000.000	(i)	(5.126.495.470)
6	Công ty CP May An Nhơn	47,50%	47,50%		9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)	9.500.000.000	(i)	(9.500.000.000)
7	Công ty CP May 9	45,90%	45,90%		9.180.000.000	(i)	-	9.180.000.000	(i)	-
8	Công ty CP Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	26,78%	26,78%		5.227.920.657	(i)	(939.094.885)	5.227.920.657	(i)	-
9	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè (iv)	28,58%	28,58%		3.429.000.000	(i)	-	3.429.000.000	(i)	-
10	Công ty CP Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	40,98%	40,98%		5.000.000.000	(i)	-	3.000.000.000	(i)	-
		30,00%	30,00%		1.500.000.000	(i)	-	1.500.000.000	(i)	-

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ			31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	Đầu tư vào đơn vị khác				32.256.863.385		(135.462.730)	32.256.863.385		-
1	Công ty CP NPL Dệt May Bình An	6,45%	6,45%		7.161.920.000	(i)	(135.462.730)	7.161.920.000	(i)	-
2	Công ty CP Đầu Tư và Phát triển Bình Thắng	18,02%	18,02%		5.802.843.385	(i)	-	5.802.843.385	(i)	-
3	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP (ii)	2,61%	2,61%		5.337.100.000	8.859.082.500	-	5.337.100.000	9.037.560.000	-
4	Công ty CP Thương Mại Bán Lẻ Nhà Bè	15,00%	15,00%		5.250.000.000	(i)	-	5.250.000.000	(i)	-
5	Công ty CP Đầu Tư An Phát	5,00%	5,00%		4.225.000.000	(i)	-	4.225.000.000	(i)	-
6	Công ty CP Dệt May Liên Phương	2,04%	2,04%		3.480.000.000	(i)	-	3.480.000.000	(i)	-
7	Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	6,67%	6,67%		1.000.000.000	(i)	-	1.000.000.000	(i)	-
Tổng					242.709.052.562	(45.992.157.007)	238.159.052.562	(45.046.495.470)		

- (i) Tổng Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của các khoản đầu tư tài chính này.
- (ii) Tổng Công ty trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP căn cứ trên giá đóng cửa của cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tại ngày 29/12/2023 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty nắm giữ.
- (iii) Trong năm 2023, Tổng Công ty góp vốn thêm vào Công ty Cổ phần May Gia Lai theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 02/2023/HĐQT ngày 08/01/2023. Số lượng cổ phần mua thêm là 255.000 cổ phần, tổng giá trị góp vốn thêm là 2.550.000.000 VND, tỷ lệ vốn nắm giữ sau khi mua thêm không đổi là 51,00%.
- (iv) Trong năm 2023, Tổng Công ty góp vốn thêm vào Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2023/HĐQT ngày 08/01/2023. Số lượng cổ phần mua thêm là 200.000 cổ phần, tổng giá trị góp vốn thêm là 2.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn nắm giữ sau khi mua thêm là 40,98%.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.3 Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
BMB Clothing Group	31.669.081.456	43.723.071.332
FAM, LLC.	52.652.673.024	-
Arcadia Group Brands Ltd.	7.289.297.014	13.556.512.633
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	32.751.585.276	32.752.840.776
Motives (Far East) Ltd.	58.334.961.836	51.242.771.679
H & M Hennes & Mauritz Shanghai Commercial Co Ltd	1.053.269.801	60.447.544.611
Punto FA,S.L	100.562.896.195	63.112.604.329
Công ty Cổ phần May Gia Lai	37.449.474.753	63.463.261.985
Công Ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	481.357.195	104.153.194
Phải thu các đối tượng khác	229.610.814.777	277.935.680.495
Tổng	551.855.411.327	606.338.441.034
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>129.571.072.401</i>	<i>83.988.002.881</i>

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	16.592.838.171	16.665.565.834
Công ty Cổ phần May Hoài Ân	-	4.499.980.879
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	8.000.000.000	14.905.356.810
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	63.340.523.665	29.820.011.810
Đối tượng khác	22.546.597.892	11.655.272.440
Tổng	110.479.959.728	77.546.187.773
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>88.867.458.376</i>	<i>62.035.030.994</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.5 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	100.655.989.217	-	82.271.861.463	-
Phải thu các Công ty con, công ty liên kết	69.030.437.571	-	65.666.080.334	-
Phải thu lãi tiền gửi	357.557.537	-	-	-
Phải thu cổ tức	2.310.003.086	-	2.670.395.808	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	2.108.715.618	-	645.873.330	-
Phải thu tạm ứng	7.882.216.472	-	2.719.881.397	-
Phải thu người lao động (i)	1.544.723.458	-	1.878.639.751	-
Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh (ii)	1.519.993.027	-	1.519.993.027	-
Ký quỹ, ký cược	181.476.000	-	201.476.000	-
Phải thu khác	15.720.866.448	-	6.969.521.816	-
Dài hạn	27.348.275.128	-	28.374.152.684	-
Phải thu các Công ty con, Công ty liên kết	25.530.555.553	-	24.700.000.000	-
Công ty Cổ phần May Phú Cát	-	-	1.690.740.000	-
Đặt cọc thuê mặt bằng	1.817.719.575	-	1.983.412.684	-
Tổng	128.004.264.345	-	110.646.014.147	-
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>96.088.757.524</i>	<i>-</i>	<i>60.127.104.529</i>	<i>-</i>

- (i) Tiền ăn giữa ca tạm ứng trước cho người lao động.
(ii) Tổng Công ty chi hộ cho Công ty Cổ phần May Veston Đức Linh về dự án Đức Linh 2.

5.6 Nợ xấu

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	2.153.344.835	214.011.533	1.676.287.427	214.011.533
Công ty TNHH Asia Garment	713.371.775	214.011.533	713.371.775	214.011.533
Các đối tượng khác	1.439.973.060	-	962.915.652	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	679.737.662	-	1.581.597.192	-
Nguyên liệu, vật liệu	114.588.212.734	-	126.820.967.744	-
Công cụ, dụng cụ	6.168.549.080	-	9.943.231.741	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	200.889.693.340	-	246.808.320.531	-
Thành phẩm	91.816.740.758	(227.936.661)	95.589.082.077	(43.637.340)
Hàng hóa	2.952.199.732	-	5.915.759.970	-
Hàng gửi bán	39.736.451.671	-	63.587.400.942	-
Tổng	456.831.584.977	(227.936.661)	550.246.360.197	(43.637.340)

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn	10.953.109.367	7.989.152.437
Chi phí thuê mặt bằng	3.228.320.723	1.975.882.278
Chi phí bảo hiểm	2.524.820.038	596.310.391
Chi phí quảng cáo	633.195.831	413.389.171
Chi phí công cụ dụng cụ	340.348.720	204.051.123
Chi phí phụ tùng	122.237.972	-
Chi phí sửa chữa	1.151.564.695	2.679.896.642
Chi phí khác	2.952.621.388	2.119.622.832
Dài hạn	31.684.402.494	19.066.556.693
Chi phí thuê đất (i)	13.449.036.513	13.471.955.841
Chi phí sửa chữa	6.046.472.482	2.926.471.515
Chi phí công cụ dụng cụ	3.010.101.398	1.577.045.087
Máy móc thiết bị	-	69.326.868
Chi phí phụ tùng	140.747.630	264.419.356
Chi phí tư vấn, đào tạo	4.411.825.000	-
Chi phí quảng cáo	131.250.000	68.787.921
Chi phí khác	4.494.969.471	688.550.105
Tổng	42.637.511.861	27.055.709.130

(i) Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp dệt may Bình An, khu phố Ngãe Thẳng, phường Bình Thẳng, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với thời gian thuê đến tháng 10/2061.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	6.557.971.914	5.804.663.605
Mua sắm phần mềm Centric Software	1.464.581.250	-
Mua sắm máy móc thiết bị	5.093.390.664	4.929.663.605
Phần mềm kế toán Bravo	-	875.000.000
Sửa chữa tài sản cố định	14.818.950.659	4.223.034.000
Cải tạo nâng cấp hệ thống làm mát nhà xưởng	-	3.986.000.000
Chi phí sửa chữa khác	-	237.034.000
Cải tạo, mở rộng nhà xưởng Xí nghiệp May KonTum	14.818.950.659	-
Tổng	21.376.922.573	10.027.697.605

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUỒN GIÁ	Nhà của xất kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
					Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	245.365.350.735	389.671.813.129	92.528.536.300	8.646.571.827	736.212.261.991
Tăng trong năm	8.813.340.106	16.463.810.224	6.281.454.773	58.400.000	31.617.005.103
Mua trong năm	7.344.930.631	16.463.810.224	94.043.864	58.400.000	23.961.184.719
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.468.409.475	-	6.187.410.909	-	7.655.820.384
Giảm trong năm	(3.557.611.116)	(21.421.150.699)	(705.505.657)	(4.072.193.724)	(29.756.461.196)
Thanh lý nhượng bán	-	(21.421.150.699)	(705.505.657)	(130.818.182)	(22.257.474.538)
Giảm khác (i)	(3.557.611.116)	-	-	(3.941.375.542)	(7.498.986.658)
Số dư tại ngày 31/12/2023	250.621.079.725	384.714.472.654	98.104.475.416	4.632.778.103	738.072.805.898
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	186.750.393.950	316.291.986.177	80.600.588.780	7.896.919.650	591.539.888.557
Tăng trong năm	6.628.062.991	23.790.136.833	2.750.794.030	299.158.766	33.468.152.620
Khấu hao trong năm	6.628.062.991	23.784.188.475	2.750.794.030	299.158.766	33.462.204.262
Tăng khác	-	5.948.358	-	-	5.948.358
Giảm trong năm	(3.557.611.116)	(21.037.614.428)	(705.505.657)	(4.072.193.724)	(29.372.924.925)
Thanh lý nhượng bán	-	(21.037.614.428)	(705.505.657)	(130.818.182)	(21.873.938.267)
Giảm khác (i)	(3.557.611.116)	-	-	(3.941.375.542)	(7.498.986.658)
Số dư tại ngày 31/12/2023	189.820.845.825	319.044.508.582	82.645.877.153	4.123.884.692	595.635.116.252
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	58.614.956.785	73.379.826.952	11.927.937.520	749.652.177	144.672.373.434
Tại ngày 31/12/2023	60.800.233.900	65.669.964.072	15.458.598.263	508.893.411	142.437.689.646

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 408.479.911.863 VND (tại ngày 01/01/2023 là 424.458.508.018 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp cho khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2023 là 23.463.751.025 VND (tại ngày 01/01/2023 là 38.213.360.406 VND).

(i) Giám nguyên giá và hao mòn lũy kế của Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết giá trị theo Quyết định số 39/2023/QĐ-NBC ngày 15/12/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc thanh lý tài sản cố định theo hình thức hủy bỏ và ghi giảm khỏi danh mục tài sản cố định của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Nhãn hiệu hàng hóa, bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng	Đơn vị tính: VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	10.449.268.907	5.838.965.451	29.619.184.505	45.907.418.863	
Tăng trong năm	-	-	1.676.400.000	1.676.400.000	
Mua sắm trong năm	-	-	1.676.400.000	1.676.400.000	
Giảm trong năm	-	-	(4.817.000.000)	(4.817.000.000)	
Giảm khác (i)	-	-	(4.817.000.000)	(4.817.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	10.449.268.907	5.838.965.451	26.478.584.505	42.766.818.863	
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	4.268.300.782	5.838.965.451	25.944.273.663	36.051.539.896	
Tăng trong năm	392.936.304	-	2.198.015.949	2.590.952.253	
Khấu hao trong năm	392.936.304	-	2.198.015.949	2.590.952.253	
Giảm trong năm	-	-	(4.817.000.000)	(4.817.000.000)	
Giảm khác (i)	-	-	(4.817.000.000)	(4.817.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2023	4.661.237.086	5.838.965.451	23.325.289.612	33.825.492.149	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	6.180.968.125	-	3.674.910.842	9.855.878.967	
Tại ngày 31/12/2023	5.788.031.821	-	3.153.294.893	8.941.326.714	

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2023 là 18.017.236.106 VND (tại ngày 01/01/2023 là 19.185.278.206 VND).

(i) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết giá trị theo Quyết định số 39/2023/QĐ-NBC ngày 15/12/2023 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc thanh lý tài sản cố định theo hình thức hủy bỏ và ghi giảm khỏi danh mục tài sản cố định của Tổng Công ty.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần May Gia Lai	9.029.407.048	9.029.407.048	32.601.944.901	32.601.944.901
Công ty Cổ phần May Tam Quan	20.148.418.233	20.148.418.233	18.063.176.519	18.063.176.519
Motives (Far East) Ltd.	6.998.430.057	6.998.430.057	9.159.927.363	9.159.927.363
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	8.804.289.268	8.804.289.268	3.728.821.617	3.728.821.617
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	9.070.392.855	9.070.392.855	9.570.832.353	9.570.832.353
Các đối tượng khác	138.161.960.876	138.161.960.876	164.199.506.740	164.199.506.740
Tổng	192.212.898.337	192.212.898.337	237.324.209.493	237.324.209.493
<i>Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan (Chỉ tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<i>63.738.333.262</i>	<i>63.738.333.262</i>	<i>102.732.953.979</i>	<i>102.732.953.979</i>

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	7.031.792.401	-
Grosso Moda Netherland B.V	1.436.966.843	699.623.318
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	-	101.111.105
Newtimes Far East Development (HK) Ltd	34.186.400	5.926.186.400
Các đối tượng khác	7.063.884.798	2.182.359.632
Tổng	15.566.830.442	8.909.280.455

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	5.427.728.760	34.453.134.276	34.357.409.952	5.523.453.084
Thuế giá trị gia tăng	3.638.136.463	14.018.461.922	13.978.811.012	3.677.787.373
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.027.020.298	1.027.020.298	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.013.411.959	9.058.066.692	10.071.478.651	-
Thuế thu nhập cá nhân	528.071.486	3.109.857.409	2.708.199.659	929.729.236
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.946.653.278	1.644.632.958	302.020.320
Thuế môn bài	-	22.000.000	22.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	248.108.852	5.271.074.677	4.905.267.374	613.916.155
Phải thu	1.878.211.082	-	3.871.768.218	5.749.979.300
Thuế xuất, nhập khẩu	1.720.079.605	-	-	1.720.079.605
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.870.504.039	3.870.504.039
Thuế thu nhập cá nhân	158.131.477	-	1.264.179	159.395.656

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí khuyến mãi, chiết khấu, hoa hồng	11.398.907.056	9.327.157.587
Chi phí điện, nước, vận chuyển	6.986.922.568	10.337.037.351
Chi phí phải trả khác	21.999.028.264	544.228.013
Tổng	40.384.857.888	20.208.422.951

TỔNG CÔNG TY MÂY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tổng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn</i>	1.040.791.631.950	1.040.791.631.950	1.890.902.184.267	1.970.288.669.279	1.120.178.116.962	1.120.178.116.962
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	1.034.574.376.750	1.034.574.376.750	1.883.788.929.067	1.960.132.048.172	1.110.917.495.855	1.110.917.495.855
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (2)	347.560.100.101	347.560.100.101	642.109.696.168	727.486.186.766	432.936.590.699	432.936.590.699
Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	437.077.632.322	437.077.632.322	808.343.233.506	868.133.026.845	496.867.425.661	496.867.425.661
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	48.573.753.624	48.573.753.624	207.584.734.081	318.499.994.375	159.489.013.918	159.489.013.918
Ngân hàng TMCP Đồng Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	-	-	-	3.422.152.421	3.422.152.421	3.422.152.421
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi	3.281.167.171	3.281.167.171	3.281.167.171	18.202.313.156	18.202.313.156	18.202.313.156
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	8.392.804.050	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2 (5)	-	-	-	15.307.783.279	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	198.081.723.532	198.081.723.532	198.769.510.812	687.787.280	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (6)	6.217.255.200	6.217.255.200	7.113.255.200	10.156.621.107	9.260.621.107	9.260.621.107
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (7)	4.873.255.200	4.873.255.200	4.873.255.200	5.979.960.000	5.979.960.000	5.979.960.000
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (8)	-	-	-	2.832.661.107	2.832.661.107	2.832.661.107
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (6)	1.344.000.000	1.344.000.000	2.240.000.000	1.344.000.000	448.000.000	448.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (7)	13.263.387.527	13.263.387.527	12.089.083.927	7.113.255.200	8.287.558.800	8.287.558.800
Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi (8)	11.951.387.527	11.951.387.527	137.696.400	4.873.255.200	4.735.558.800	4.735.558.800
Tổng	1.054.055.019.477	1.054.055.019.477	1.902.991.268.194	2.240.000.000	3.552.000.000	3.552.000.000
				1.977.401.924.479	1.128.465.675.762	1.128.465.675.762

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(1) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0053/2328/N-CTD ngày 15/5/2023;
Hạn mức vay: 464.255.000.000 VND hoặc USD tương đương (trong đó: 450.000.000.000 VND đối với khoản vay ngắn hạn, 14.255.000.000 VND đối với khoản vay trung và 9.255.000.000 VND dài hạn), đã bao gồm cả dư nợ còn lại theo hợp đồng cho vay từng lần trung hạn số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019;
Thời hạn duy trì hạn mức: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Bên Vay;
Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
Biện pháp đảm bảo: + Đối với khoản vay ngắn hạn: Vay không có tài sản đảm bảo
+ Đối với khoản vay trung và dài hạn: Thế chấp tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, tỷ lệ bảo đảm 100% số dư cấp bảo lãnh trung dài hạn tại mọi thời điểm;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2023: 347.560.100.101 VND.

(2) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCT NBC ngày 21/4/2023;
Hạn mức vay: 600.000.000.000 VND, đã bao gồm cả dư nợ vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020HĐCVHM/NHCT908-NBC;
Thời hạn duy trì hạn mức: Đến hết ngày 31/05/2023. Thời hạn cho vay của mỗi khoản vay: không quá 9 tháng;
Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán L/C, phát hành bảo lãnh, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, bao thanh toán phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
Biện pháp đảm bảo: Tài sản thuộc dự án đã được Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 tài trợ;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2023: 437.077.632.322 VND.

(3) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Á Châu:

Số hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số HCM.DN.1633.170423 ngày 19/4/2023;
Hạn mức vay: 170.000.000.000 VND hoặc USD tương đương, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động: 50.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương), hạn mức tài trợ xuất khẩu trước khi giao hàng: 120.000.000.000 VND (hoặc USD tương đương);
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bắt đầu từ ngày 19/4/2023;
Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh các loại và tài trợ xuất khẩu;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2023: 48.573.753.624 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(4) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

Số hợp đồng:	Hợp đồng cho vay số 11/2022/HĐTD-HM/TTKD
Hạn mức vay:	10.000.000 USD hoặc VND tương đương
Thời hạn duy trì hạn mức:	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng HĐTDHM;
Lãi suất vay:	Lãi suất trong hạn: theo từng khế ước nhận nợ; lãi suất vay quá hạn: 150% lãi suất mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ ngày thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/ năm (đối với đồng tiền cho vay là VND) và 5%/ năm (đối với đồng tiền cho vay là USD)
Mục đích vay:	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, phát hành L/C, chiết khấu bộ chứng từ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng;
Biện pháp đảm bảo:	Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2023:	3.281.167.171 VND

(5) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2

Số hợp đồng:	Hợp đồng cấp tín dụng số 159908.23.103.773157.TD;
Hạn mức vay:	200.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	Kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 07/9/2024;
Lãi suất vay:	Lãi suất, trong hạn: theo từng hợp đồng cấp tín dụng; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm;
Mục đích vay:	Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may của Khách hàng
Biện pháp đảm bảo:	Được quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng, hoặc hợp đồng bảo đảm (nếu có);
Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2023:	198.081.723.532 VND.

(6) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh:

(6.1) Hợp đồng vay dài hạn số 0004/ĐTDA/14CD ngày 27/02/2014:

Hạn mức vay:	18.072.753.342 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức:	60 tháng kể từ ngày giải ngân;
Lãi suất vay:	Lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm;
Mục đích vay:	Thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị;
Biện pháp đảm bảo:	Thế chấp tài sản bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(6.2) Hợp đồng vay dài hạn số 0031/ĐTDA/14CD ngày 06/10/2014

Hạn mức vay:	5.690.000 USD;
Thời hạn duy trì hạn mức:	60 tháng kể từ ngày giải ngân;
Lãi suất vay:	Lãi suất điều chỉnh, lãi trong hạn ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay, lãi chậm trả thì trả lãi theo mức lãi bằng 10%/năm;
Mục đích vay:	Thanh toán các chi phí của dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị;
Biện pháp đảm bảo:	Thế chấp tài sản bằng hợp đồng thế chấp bằng chính tài sản được hình thành từ vốn vay;

(6.3) Hợp đồng bao thanh toán chuyên biệt theo hạn mức số 0026/1928/T-TL/01 ngày 21/8/2019

Hạn mức vay:	26.640.000.000 VND, nhưng không vượt quá 80% tổng mức đầu tư của phương án đầu tư;
Thời hạn duy trì hạn mức:	Thời hạn Ngân hàng giải ngân vốn cho vay bằng đồng Đô-la Mỹ (USD) đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2019. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của Ngày giải ngân vốn vay lần đầu;
Lãi suất vay:	Lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ: 3,3%/năm với đồng Việt Nam (VND), 3,8%/năm với đồng Đô-la Mỹ (USD), lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 (ba) tháng/lần kể từ Ngày giải ngân vốn vay lần đầu;
Mục đích vay:	Thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lý và hợp lệ liên quan đến việc đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng; thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà Khách hàng đã thanh toán chi phí cho phương án đầu tư vượt phần vốn tự có tối thiểu phải tham gia theo phê duyệt của Ngân hàng;
Biện pháp đảm bảo:	Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị mới hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có thuộc phương án đầu tư theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0063/1928/TCDN1 ngày 21/8/2019. Phụ lục hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 13/5/2020 về việc duy trì Hạn mức Bao thanh toán Chuyên biệt đến hết ngày 16/8/2020;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2023:	Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2023: 4.873.255.200 VND. Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 4.873.255.200 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.18 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

(7) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4:

Số hợp đồng: 01/2023-HĐCVDADT/NHCT908 – TCT NBC_KONTUM
Hạn mức vay: 46.400.000.000 VND, nhưng không vượt quá 70% Tổng chi phí đầu tư của phương án đầu tư tại mọi thời điểm;
Thời hạn duy trì hạn mức: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên Cho Vay giải ngân Khoản nợ đầu tiên;
Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn: là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ từ thời điểm giải ngân cho đến khi có điều chỉnh lãi suất; Lãi suất đối với dư nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;
Mục đích vay: Đầu tư dự án: Cải tạo và mở rộng Xí nghiệp may KonTum;
Biện pháp đảm bảo: Được đảm bảo bởi các tài sản phát sinh theo Hợp đồng này gồm:
Hợp đồng thế chấp động sản số 01/2023/MMTB/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023.
Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản số 01/2023/QTS_HĐTD/HĐBĐ/NHCT908 - TCTNBC_KONTUM ngày 13/12/2023.
Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2023: 11.951.387.527 VND.

(8) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Nguyễn Trãi:

Số hợp đồng: Hợp đồng cho vay số 40318/20/HĐTD ngày 24/11/2022;
Hạn mức vay: Hạn mức cho vay không vượt quá 150.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương, trong đó:
+ Hạn mức tài trợ xuất khẩu trước giao hàng 100.000.000.000 VND;
+ Hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động 50.000.000.000 VND;
Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ ngắn hạn;
36 tháng kể từ ngày ký kế ước với kế ước nhận nợ dài hạn;
Lãi suất vay: Theo từng kế ước nhận nợ;
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng dệt may;
Biện pháp đảm bảo: Vay không có tài sản đảm bảo;
Số dư nợ gốc vay tại ngày 31/12/2023: 2.656.000.000 VND.
Trong đó, nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả là 1.344.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	182.000.000.000	36.569.314.206	125.583.813.428	344.153.127.634
Tăng vốn trong năm	9.100.000.000	-	-	9.100.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	50.305.288.312	50.305.288.312
Chia cổ tức năm 2021	-	-	(18.200.000.000)	(18.200.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển từ LNST năm 2021	-	2.500.196.614	(2.500.196.614)	-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST năm 2021	-	-	500.039.322	500.039.322
Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ LNST năm 2022	-	-	(7.545.793.247)	(7.545.793.247)
Tạm trích Quỹ thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát từ LNST năm 2022	-	-	(1.509.158.649)	(1.509.158.649)
Số dư tại ngày 31/12/2022	191.100.000.000	39.069.510.820	146.633.992.552	376.803.503.372
Số dư tại ngày 01/01/2023	191.100.000.000	39.069.510.820	146.633.992.552	376.803.503.372
Lãi trong năm nay	-	-	50.965.911.792	50.965.911.792
Chia cổ tức (i)	-	-	(38.220.000.000)	(38.220.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	4.024.423.065	(4.024.423.065)	-
Hoàn nhập Quỹ khen thưởng phúc lợi do trích thừa (i)	-	-	1.006.105.766	1.006.105.766
Số dư tại ngày 31/12/2023	191.100.000.000	43.093.933.885	156.361.587.045	390.555.520.930

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Trong năm 2023, Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 37/2023/HĐQT ngày 30/6/2023 như sau:

	Số tiền (VND)
• Trích Quỹ đầu tư phát triển: 8% lợi nhuận sau thuế	: 4.024.423.065
• Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 13% lợi nhuận sau thuế	: 6.539.687.481
• Trích thưởng HĐQT và BKS: 3% lợi nhuận sau thuế	: 1.509.158.649
• Chia cổ tức: 20% vốn điều lệ	: 38.220.000.000

(i) Quỹ khen thưởng phúc lợi đã tạm trích trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 là 7.545.793.247 VND, số tiền trích thừa là 1.006.105.766 VND.

Quỹ thưởng HĐQT và BKS đã được tạm trích toàn bộ trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023 (Trình bày lại)		
	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	Tỷ lệ	Số cổ phần	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND
	%			%		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	26,37%	5.040.000	50.400.000.000	26,37%	5.040.000	50.400.000.000
Công ty Cổ phần 4M	25,53%	4.878.706	48.787.060.000	25,53%	4.878.706	48.787.060.000
Ông La Văn Tốt	8,82%	1.684.720	16.847.200.000	8,82%	1.684.720	16.847.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,43%	1.420.000	14.200.000.000	7,43%	1.420.000	14.200.000.000
Cổ đông khác	31,85%	6.086.574	60.865.740.000	31,85%	6.086.574	60.865.740.000
Tổng	100%	19.110.000	191.100.000.000	100%	19.110.000	191.100.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn góp tại ngày đầu năm	191.100.000.000	182.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	191.100.000.000	182.000.000.000
Cổ tức đã chia	38.220.000.000	18.200.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.110.000	19.110.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	19.110.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	19.110.000	19.110.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.110.000	19.110.000
Cổ phiếu phổ thông	19.110.000	19.110.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu</i>		

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	43.093.933.885	39.069.510.820
Tổng	43.093.933.885	39.069.510.820

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

a) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Debenhams Retail	6.623.559.760	6.623.559.760
Arcadia Group Ltd.	5.422.598.682	-
Tổng	12.046.158.442	6.623.559.760

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
USD	821.301,49	1.728.737,07
EUR	10.277,49	78.694,31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.344.184.087.032	2.828.070.757.864
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.832.383.978	30.564.878.329
Tổng	2.384.016.471.010	2.858.635.636.193
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>255.866.080.614</i>	<i>107.240.521.097</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giảm giá hàng bán	3.143.312.040	117.448.766
Hàng bán bị trả lại	4.488.438.074	4.639.615.349
Tổng	7.631.750.114	4.757.064.115

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	2.336.552.336.918	2.823.313.693.749
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.832.383.978	30.564.878.329
Tổng	2.376.384.720.896	2.853.878.572.078

6.4 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán thành phẩm, hàng hóa	1.926.747.185.829	2.299.955.026.562
Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.374.292.503	3.911.985.837
Tổng	1.933.121.478.332	2.303.867.012.399

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	7.030.007.587	5.055.518.987
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.021.482.278	12.548.571.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	33.311.456.000	49.162.215.863
Tổng	60.362.945.865	66.766.305.850
<i>Trong đó, doanh thu tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)</i>	<i>18.230.100.000</i>	<i>10.494.100.000</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.6 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	46.995.895.429	35.719.971.128
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	26.391.921.669	75.429.458.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	10.707.518.410	5.353.238.770
Chiết khấu thanh toán	1.442.082.843	(139.700.066)
Chi phí dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	945.661.537	-
Tổng	86.483.079.888	116.362.968.112

6.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	33.568.328.874	43.985.871.425
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	4.233.897.718	5.163.802.799
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	363.307.384	588.160.473
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.883.367.771	4.561.929.032
Thuế, phí, lệ phí	43.035.286	48.819.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.571.590.569	165.093.561.865
- Chi phí hoa hồng	25.538.625.019	48.455.628.672
- Chi phí xuất khẩu	26.540.928.555	57.347.917.802
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê kho	10.536.462.783	12.360.666.736
- Chi phí quảng cáo	4.309.695.090	10.828.317.030
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	49.645.879.122	36.101.031.625
Chi phí bằng tiền khác	12.185.580.918	10.233.354.471
Tổng	169.849.108.520	229.675.499.401

6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	117.565.429.700	125.168.734.096
Chi phí vật liệu quản lý	9.431.095.991	14.182.146.641
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.339.536.143	1.285.712.062
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.977.025.228	13.206.317.858
Thuế phí và lệ phí	3.039.105.897	852.968.924
Chi phí dự phòng	477.057.408	1.462.275.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.047.197.730	41.932.676.551
Chi phí bằng tiền khác	17.264.107.047	18.611.121.265
Tổng	198.140.555.144	216.701.953.291

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.9 Lợi nhuận khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác	11.042.872.691	9.327.251.350
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	718.789.812	620.823.450
Thu nhập do xử lý công nợ	1.579.203	562.371
Thu nhập khác	10.322.503.676	8.705.865.529
Chi phí khác	172.339.084	340.972.360
Các khoản phạt	8.953.659	96.907.408
Khác	163.385.425	244.064.952
Lợi nhuận thuần khác	10.870.533.607	8.986.278.990

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	995.572.153.855	1.254.683.723.092
Chi phí nhân công	409.245.064.748	349.242.728.011
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.053.156.515	33.770.705.616
Chi phí dự phòng	477.057.408	1.462.275.894
Chi phí dịch vụ mua ngoài	694.657.972.989	207.026.238.416
Chi phí khác bằng tiền	34.955.378.714	29.746.263.996
Tổng	2.170.960.784.229	1.875.931.935.025

6.11 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	60.023.978.484	63.023.723.715
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	5.983.928.689	13.227.825.445
- Chi phí không được trừ	3.058.705.286	2.043.022.755
- Chi phí khấu hao vượt định mức	502.128.672	502.128.672
- Các khoản phạt	8.953.659	96.907.408
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	2.414.141.072	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	10.585.766.610
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(20.717.573.711)	(12.659.372.147)
- Thu nhập từ nhận cổ tức	(20.021.482.278)	(12.548.571.000)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	(696.091.433)	(110.801.147)
Thu nhập chịu thuế	45.290.333.462	63.592.177.013
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.058.066.692	12.718.435.403

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các cam kết

Cam kết cho thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang cho thuê kho, nhà xưởng, thuê văn phòng theo hợp đồng khoán doanh thu cho thuê hoạt động, theo đó, giá cho thuê hoạt động được thỏa thuận hàng năm.

7.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/03/2024, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động "ESOP". Theo đó, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 890.000 cổ phiếu, tổng giá trị dự kiến phát hành tối đa theo mệnh giá là 8.900.000.000 VND, giá phát hành dự kiến là 10.000 đồng/cổ phiếu, thời gian thực hiện dự kiến là sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành, dự kiến thực hiện trong quý I, II năm 2024.

Ngoài sự kiện trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

7.2 Thông tin các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Stt	Đối tượng	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Giặt Tẩy Nhà Bè	Công ty con
2	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con
3	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con
4	Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con
5	Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con
6	Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con
7	Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con
8	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết
10	Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết
12	Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết
13	Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết
14	Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết
15	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết
16	Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết
17	Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết
18	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty phát sinh các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

a. Thu nhập thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao	636.000.000	636.000.000
Ban Kiểm soát	Thù lao	216.000.000	216.000.000
Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	6.083.518.533	5.930.384.908
Tổng		6.935.518.533	6.782.384.908

b. Giao dịch mua với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Dịch vụ vận chuyển	28.959.994.789	33.979.458.979
		Hàng hóa, dịch vụ khác	4.629.586.414	364.926.864
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	11.129.417.271	19.024.072.962
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Dịch vụ gia công	5.017.602.500	7.357.344.526
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	13.881.952.244	5.963.147.922
		Hàng hóa, dịch vụ khác	206.683.449	233.600.740
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	56.056.394.133	62.231.779.533
		Hàng hóa, dịch vụ khác	-	172.493.393
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Dịch vụ gia công	102.924.334.935	119.012.959.080
		Thuê máy	2.420.750.000	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	48.397.862.145	57.248.113.100
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Dịch vụ gia công	83.052.465.964	83.955.625.991
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.610.101.008	796.296.295
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	36.124.020.206	19.134.815.853
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Dịch vụ gia công	59.321.081.983	100.744.957.827
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Dịch vụ gia công	62.399.916.876	72.323.584.750
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Dịch vụ sửa chữa	-	50.614.500
		Thiết bị công cụ dụng cụ	3.534.065.209	3.882.974.038
		Hàng hóa, dịch vụ khác	33.208.111	5.028.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	Dịch vụ gia công	93.175.370	41.784.500
Tổng			519.792.612.607	586.523.578.853

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

c. Giao dịch bán với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) VND
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Điện, ăn, nước, thuê máy	283.477.697	-
		Quần áo, nguyên phụ liệu	52.116.818	41.434.411
		Tiền thuê nhà	534.695.744	423.901.968
		Chi phí xuất nhập khẩu	1.163.231.452	1.568.862.225
		Hàng hóa, dịch vụ khác	2.355.034.735	4.198.697.725
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	Hàng hóa, dịch vụ khác	-	6.000.000
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	22.208.372	35.469.760
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.820.434.400	1.274.457.660
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ khác	3.684.936	41.369.414
		Tiền thuê nhà	317.148.216	287.037.380
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Điện, ăn, nước, thuê máy	12.111.952	48.683.065
		Quần áo, nguyên phụ liệu	752.267.459	1.297.636.112
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty liên kết	Hàng hóa, dịch vụ khác	5.664.485.295	7.089.221.559
		Quần áo, nguyên phụ liệu	10.096.240	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	134.009.079	71.105.422
		Tiền thuê nhà	8.401.896	-
		Hàng hóa, dịch vụ khác	19.463.074	118.528.542
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	-	61.640.000
		Điện, ăn, nước, thuê máy	42.420.000	42.420.000
		Tiền thuê nhà	8.540.000	-
		Dịch vụ gia công	127.940.007.687	-
		Hàng hóa, dịch vụ khác	1.146.025.500	1.052.738.800
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	Hàng hóa, dịch vụ khác	-	6.380.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	370.221.912	60.689.750
		Điện, ăn, nước, thuê máy	55.621.414	48.950.000
		Tiền thuê nhà	11.560.000	-
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	56.805.705
		Hàng hóa, dịch vụ khác	144.226.231	24.209.460
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	Quần áo, nguyên phụ liệu	34.993.231.724	26.261.813.214
		Điện, ăn, nước, thuê máy	475.198.056	162.700.125
		Tiền thuê nhà	63.514.796	-
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	3.099.700
		Hàng hóa, dịch vụ khác	25.683.602	163.141.633
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	73.446.513.614	58.836.606.686
		Điện, ăn, nước, thuê máy	633.809.432	330.837.842
		Tiền thuê nhà	116.677.994	-
		Chi phí xuất nhập khẩu	-	2.000.000
		Hàng hóa, dịch vụ khác	(232.009.123)	422.684.881
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Quần áo, nguyên phụ liệu	6.071.083	-
		Điện, ăn, nước, thuê máy	57.323.440	35.280.036
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ khác	28.000.000	160.988.015
		Quần áo, nguyên phụ liệu	3.421.091	56.066.400
		Tiền thuê nhà	72.865.000	72.865.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Hàng hóa, dịch vụ khác	1.067.234.934	945.582.783
		Điện, ăn, nước, thuê máy	51.377.891	104.121.277
		Tiền thuê nhà	299.839.632	467.169.092
		Quần áo, nguyên phụ liệu	659.091	-
Công ty TNHH Giặt tẩy	Công ty con	Hàng hóa, dịch vụ khác	43.814.596	9.325.455
		Điện, ăn, nước, thuê máy	1.500.000.000	1.350.000.000
		Tiền thuê nhà	300.000.000	-
Hàng hóa, dịch vụ khác		Hàng hóa, dịch vụ khác	41.363.652	-
Tổng			255.866.080.614	107.240.521.097

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

d. Giao dịch khác với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức được chia			18.230.100.000	10.494.100.000
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	Cổ tức	6.375.000.000	4.675.000.000
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	Cổ tức	3.927.000.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	Cổ tức	1.530.000.000	1.147.500.000
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	Cổ tức	1.796.310.000	-
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	Cổ tức	872.640.000	-
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	Cổ tức	1.836.000.000	1.101.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	Cổ tức	514.350.000	-
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	Cổ tức	1.228.800.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	Cổ tức	150.000.000	-

e. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>		129.571.072.401	83.988.002.881
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	489.656.369	161.388.861
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	30.355.596	29.071.920
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	6.041.349.386	-
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	37.449.474.753	2.521.373.761
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	16.735.392.170	14.957.494.085
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	27.688.804.348	26.729.758.706
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	-	58.507.169
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	639.727.000	639.727.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	12.394.523	484.132.003
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	6.807.000.000	4.805.000.000
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	14.036.000	14.036.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	32.751.585.276	32.752.840.776
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	911.296.980	834.672.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Phải thu khác ngắn hạn</u>		71.388.757.524	35.427.104.529
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	1.680.637.546	-
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết	-	120.986.302
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty liên kết	916.360.718	916.360.718
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	2.201.297.279	406.929.298
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	168.892.206	-
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	26.259.359.027	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	15.788.222.789	14.668.636.907
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	6.212.197.453	5.358.697.458
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	712.161.906	712.161.906
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	71.862.106	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	1.000.060.000	-
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	14.486.040.524	11.708.243.105
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	1.519.993.027	1.519.993.027
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	356.577.135	-
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	15.095.808	15.095.808
<u>Phải thu khác dài hạn</u>		24.700.000.000	24.700.000.000
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	12.700.000.000	12.700.000.000
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	12.000.000.000	12.000.000.000
<u>Trả trước người bán ngắn hạn</u>		88.867.458.376	62.035.030.994
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Hậu Giang	Công ty con	63.340.523.665	29.530.011.810
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Sóc Trăng	Công ty liên kết	8.000.000.000	14.905.356.810
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	16.592.838.171	16.665.565.834
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Nhà Bè	Công ty liên kết	934.096.540	934.096.540

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)

e. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<u>Phải trả người bán ngắn hạn</u>		63.738.333.262	102.732.953.979
Công ty Cổ phần May An Nhơn	Công ty con	886.486.156	3.745.709.239
Công ty Cổ phần May Bình Định	Công ty con	2.092.323.777	450.620.669
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	8.804.289.268	3.728.821.617
Công ty Cổ phần May Đà Lạt	Công ty con	9.070.392.855	9.570.832.353
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	9.029.407.048	32.766.877.034
Công ty Cổ phần May Nhà Bè - Đức Linh	Công ty liên kết	8.103.521.083	8.497.184.496
Công ty Cổ phần May Sông Tiền	Công ty liên kết	3.753.743.808	21.142.078.510
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	20.148.418.233	18.063.176.519
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Công ty liên kết	11.428.636	2.498.563.978
Công ty Cổ phần May Gia Phúc	Công ty liên kết	1.269.848.194	1.269.848.194
Công ty Cổ phần Du lịch NBC Cam Bình Resort	Công ty liên kết	5.500.000	-
Công ty Cổ phần May 9	Công ty liên kết	304.429	304.429
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	6.448.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ và Thiết bị Nhà Bè	Công ty liên kết	556.221.775	998.936.941
<u>Phải trả khác ngắn hạn</u>		3.094.491.860	35.992.826.425
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Công ty con	470.465.753	470.465.753
Công ty Cổ phần May Bình Thuận - Nhà Bè	Công ty con	626.228.685	35.522.360.672
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty con	1.997.797.422	-
<u>Doanh thu chưa thực hiện</u>		3.218.559.076	3.242.962.488
Công ty Cổ phần May Tam Quan	Công ty con	3.218.559.076	3.242.962.488

TỔNG CÔNG TY MAY NHÀ BÈ - CTCP
Số 4 đường Bến Nghé, phường Tân Thuận Đông,
Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định trình bày lại số liệu so sánh của Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 nhằm đảm bảo cho Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày đầy đủ thông tin và phù hợp với số trình bày kỳ này, cụ thể:

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp:

Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 01/01/2023 (Số trình bày lại)			Tại ngày 01/01/2023 (Số đã trình bày)			Chênh lệch		
	Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND		Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND		Tỷ lệ %	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá VND	
		Số cổ phần			Số cổ phần			Số cổ phần	
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	26,37%	5.040.000	50.400.000.000	26,37%	5.040.000	50.400.000.000	0,00%	-	-
Công ty Cổ phần 4M	25,53%	4.878.706	48.787.060.000	25,53%	4.878.706	48.787.060.000	0,00%	-	-
Ông La Văn Tốt	8,82%	1.684.720	16.847.200.000				8,82%	1.684.720	16.847.200.000
Bà Trần Linh Trang	7,43%	1.420.000	14.200.000.000	7,43%	1.420.000	14.200.000.000	0,00%	-	-
Cổ đông khác	31,85%	6.086.574	60.865.740.000	40,67%	7.771.294	77.712.940.000	-8,82%	(1.684.720)	(16.847.200.000)
Tổng				100%	19.110.000	191.100.000.000	-	-	-

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ VIÊN
Số chứng thựcquyển số - SCT/BS

Người lập Ngày 26-12-2024 Kế toán trưởng

YÊN PHONG CÔNG CHỨNG DƯỠNG ĐỨC HIẾU
CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Ngọc Thiệp Ông Chung Đặng Minh Tuyền

QUYỀN ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ VIÊN
Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

